

|                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                       |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>CÔNG TY TNHH MTV CAO SU ĐẮK LẮK<br/>(DAKRUCO)</b><br>SỐ: 264/CT-TTCT<br>V/v: công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử<br>chính phủ về đợt chào bán cổ phần lần đầu ra<br>công chúng của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk<br>Lắk | <b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b><br><b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b><br>Đắk Lắk, ngày 02 tháng 07 năm 2018 |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

**Kính gửi:**

- Cổng thông tin điện tử chính phủ
- Bộ Tài Chính
- Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp

Lời đầu tiên, Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk (Dakruco) xin gửi đến Quý cơ quan lời chào trân trọng nhất.

Thực hiện Quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk, Ban chỉ đạo cổ phần hóa, và Công ty đã khẩn trương thực hiện các nội dung công việc theo quy định, kết quả thực hiện như sau:

- Ngày 29/12/2017 Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 3629/QĐ -UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk.
- Ngày 11/04/2018 Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 739/QĐ-UBND của về việc Phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk.

Đến nay sau một thời gian chuẩn bị các hồ sơ chào bán, Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk đã chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ để thực hiện việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng và đã phối hợp với Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh để triển khai thực hiện chào bán với Lộ trình chào bán đã được các bên thống nhất.- *Đính kèm*

Thực hiện các quy định về việc công bố thông tin về đợt chào bán, Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk kính gửi Quý cơ quan các thông tin liên quan đến đợt chào bán, kính mong Quý Cơ quan hỗ trợ Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk thực hiện công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử chính phủ theo đúng quy định.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Quý Cơ quan đã hỗ trợ.

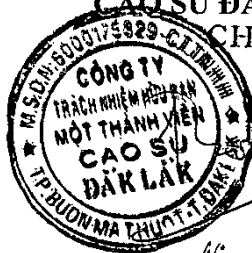
Trân trọng!



**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cơ quan quyết định cổ phần hoá;
- Lưu:

**CÔNG TY TNHH MTV  
CAO SU ĐẮK LẮK  
CHỦ TỊCH CÔNG TY**



*Nguyễn Việt Lương*

**Các tài liệu đính kèm:**

1. Lộ trình chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng;
2. Thông báo về việc bán cổ phần lần đầu ra công chúng;
3. Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk;
4. Quyết định số 739/ QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk ngày 11/04/2018 về việc Phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk;
5. Quyết định số 2201/QĐ-UBND ngày 18/08/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk;
6. Phương án cổ phần hóa;
7. Bản Công bố thông tin;

**LỘ TRÌNH**

**TRIỂN KHAI TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG  
CHỨNG CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CAO SU ĐẮC LẮK**

| Nội dung                                                                                                                   | Bắt đầu    | Kết thúc              | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Cung cấp hồ sơ đã được phê duyệt cho SGDCK (HOSE) theo yêu cầu, HOSE thông qua lộ trình bán đấu giá.                       | 27/06/2018 |                       | - Ban chỉ đạo CPH, Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắc Lắc và tổ chức tư vấn thực hiện                                                                                                                                                              |
| Sở GDCK thông báo về việc đăng ký làm đại lý đấu giá (mời chào đại lý), thông qua quy chế và các vấn đề có liên quan khác. | 28/06/2018 | 29/06/2018            | Sở GDCK gửi danh sách đại lý đấu giá cho Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắc Lắc vào ngày 02/07/2018.                                                                                                                                               |
| Thực hiện Công bố thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng về việc bán đấu giá cổ phần.                              | 03/07/2018 | 05/07/2018            | Thông tin được công bố trên 03 số báo liên tiếp của 01 tờ báo Trung Ương (báo Thời Báo Kinh tế Việt Nam) và 01 tờ báo Địa phương (báo Đắc Lak) DN thực hiện                                                                                            |
| Niêm yết thông tin về việc bán đấu giá cổ phần tại các điểm đăng ký tham dự đấu giá.                                       | 03/07/2018 | 31/07/2018            | Các địa điểm CBTT và đăng ký tham dự đấu giá:<br>- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, 16 Võ Văn Kiệt, Q.1, TP.HCM.<br>- Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắc Lắc.<br>- Cổng thông tin điện tử Chính Phủ.<br>- Tổ chức tư vấn.<br>- Các đại lý đấu giá. |
| Tổ chức cho các nhà đầu tư đăng ký tham dự đấu giá tại các điểm đăng ký.                                                   | 05/07/2018 | 16h00 ngày 23/07/2018 | Bao gồm các công việc :<br>- Phát đơn đăng ký tham dự đấu giá.<br>- Tổ chức thu tiền cọc (10% giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm).<br>- Phát phiếu tham dự đấu giá.                                                                   |

| Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                       | Bắt đầu    | Kết thúc   | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                          |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tổng hợp danh sách các nhà đầu tư và phát phiếu tham dự đấu giá cho các nhà đầu tư                                                                                                                                                                                             | 24/07/2018 | 25/07/2018 | Các đại lý sẽ phối hợp với Sở GDCK thực hiện.                                                                                                                                                                                    |
| Tổ chức buổi nhận phiếu tham dự đấu giá                                                                                                                                                                                                                                        | 27/07/2018 |            | Trước 15h00 ngày 27/07/2018 tại các đại lý đấu giá                                                                                                                                                                               |
| Tổ chức buổi đấu giá bán cổ phần                                                                                                                                                                                                                                               | 31/07/2018 |            | Bắt đầu lúc 9h00 tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM                                                                                                                                                                             |
| Gửi thông báo và thu tiền mua cổ phần của các nhà đầu tư theo kết quả đấu giá bán cổ phần.                                                                                                                                                                                     | 01/08/2018 | 10/08/2018 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả đấu giá sẽ được gửi cho các nhà đầu tư ngay sau khi kết thúc phiên đấu giá.</li> <li>- Đến ngày 10/08/2018 sẽ kết thúc việc thu tiền mua cổ phần của các nhà đầu tư.</li> </ul> |
| Hoàn trả tiền cọc cho các nhà đầu tư tham dự đấu giá mà không được mua.                                                                                                                                                                                                        | 01/08/2018 | 07/08/2018 |                                                                                                                                                                                                                                  |
| Sở GDCK gửi công văn cho Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đăk Lăk thông báo số tiền sẽ chuyển về doanh nghiệp CPH (sau khi bù trừ giá dịch vụ đấu giá) và Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp                                                                      | 15/08/2018 |            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các đại lý đấu giá sẽ chuyển tiền thu được về SGDCK ngày 14/08/2018.</li> <li>- Sở GDCK thực hiện chuyển công văn cho doanh nghiệp</li> </ul>                                           |
| Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đăk Lăk có trách nhiệm gửi công văn phản hồi xác nhận về số tiền chuyển theo thông báo và chuyển về Sở GDCK trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo từ Sở GDCK, trong trường hợp không chấp thuận cần nêu rõ lý do | 16/08/2018 |            | Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đăk Lăk thực hiện                                                                                                                                                                             |
| Sở GDCK chuyển tiền thu được từ bán đấu giá cổ phần cho - Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đăk Lăk và Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp theo Khoản 1 Điều 12 Thông tư 40/2018/TT-BTC                                                                             | 17/08/2018 |            | Sở GDCK thực hiện                                                                                                                                                                                                                |

**DAKRUCO****THÔNG TIN CHỦ YẾU VỀ BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN**

Vietcombank Securities

**Thông tin của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk****thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng****1. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp cổ phần hóa: CÔNG TY TNHH MTV CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: (0262) 3865015

Fax: (0262) 3865041

**2. Ngành nghề kinh doanh:** Trồng cây cao su, Chế biến cao su, Mua bán mù cao su, Chế biến gỗ với các sản phẩm: mộc dân dụng, sản xuất pallets làm bao bì, Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch; ...**3. Vốn điều lệ:** 1.558.000.000.000 đồng, tương đương 155.800.000 cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần)*Trong đó:*

- Cổ phần Nhà nước nắm giữ: 56.088.000 cổ phần.
- Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược: 0 cổ phần.
- Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động: 2.136.500 cổ phần.
- Cổ phần bán cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp: 0 cổ phần.
- **Cổ phần bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư thông thường: 97.575.500 cổ phần**
- Cổ phần bán theo phương thức khoán (bảo lãnh phát hành; dựm số): 0 cổ phần

**4. Giá khởi điểm:** 12.600 (Mười hai ngàn sáu trăm) đồng/cổ phần**5. Tên và địa chỉ tổ chức bán đấu giá:**

- Tên tổ chức bán đấu giá: **Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh**
- Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

**6. Điều kiện tham dự đấu giá:** Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và nước ngoài đáp ứng điều kiện theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ban hành.**7. Thời gian và địa điểm phát đơn:**

- Thời gian: Từ ngày **05/07/2018** đến **16h00** ngày **23/07/2018**.
- Địa điểm: tại các Đại lý đấu giá được công bố trong Quy chế bán đấu giá do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh ban hành.

**8. Thời gian và địa điểm nộp đơn và tiền đặt cọc:**

- Thời gian: Từ ngày **05/07/2018** đến **16h00** ngày **23/07/2018**.
- Địa điểm: tại các Đại lý đấu giá được công bố trong Quy chế bán đấu giá do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh ban hành.

**9. Thời gian và địa điểm bán đấu giá:**

- Thời gian: **09h00** ngày **31/07/2018**
- Địa điểm: **Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh – 16 Võ Văn Kiệt, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.**



## NOTICE OF INITIAL PUBLIC OFFERING



**This information of Dak Lak Rubber One Member Limited Company  
is announced on the public media**

**1. Company's Name:** DakLak Rubber One Member Limited Company

Address: 30 Nguyen Chi Thanh Street, Tan An Ward, Buon Me Thuot City, Dak Lak Province

Phone: (0262) 3865 015

Fax: (0262) 3865 041

**2. Main Business Lines:** Rubber plantation, Rubber processing, Rubber latex trading, Wood processing with products: domestic wood, production of pallets for packaging, Business services like hotel, guesthouse, resort; ...

**3. Chartered capital:** 1,558,000,000,000 VND, equivalent to 155.8 million shares (par value: 10,000 VND / share).

In which:

- Shares held by the State: 56,088,000 shares.
- Shares offered to Strategic Investors: 0 shares.
- Shares prefer-offered for employees: 2,136,500 shares.
- Shares offered to union organizations at the Company: 0 shares.
- **Shares for public auction to ordinary investors: 97,575,500 shares**
- Shares as under the contractual sale method (underwriting, book building): 0 shares

**4. Starting price:** 12,600 Dong (Twelve Thousand Six Hundred Vietnamdong)

**5. Name and address of the Auction Organization:**

- Name of Auction Organization: **Ho Chi Minh City Stock Exchange**
- Address: 16 Vo Van Kiet Street, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City

**6. Requirements of participation in the Auction:** Individual investors and institutional investors who are in or abroad the country meet the conditions stipulated in the Regulation of the Initial Public Offering of DakLak Rubber One Member Limited Company which is issued by Ho Chi Minh City Stock Exchange.

**7. Time and place of releasing registration form:**

- Time: From 05/07/2018 to 16h00 on 23/07/2018.
- Location: at auction agents which is announced in the Regulation issued by the Ho Chi Minh City Stock Exchange.

**8. Time and place of sumitting registration form and deposit:**

- Time: From 05/07/2018 to 16h00 on 23/07/2018.
- Location: at auction agents which is announced in the Regulations issued by the Ho Chi Minh City Stock Exchange.

**9. Time and place of the Auction:**

- Time: 09h00 on 31/07/2018.
- Location: Ho Chi Minh City Stock Exchange

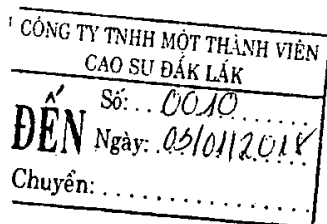
Address: 16 Vo Van Kiet Street, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

1ccg  
ngọc  
t  
ICT  
bain  
chủ tịch  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3629 /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 12 năm 2017



### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty  
TNHH MTV Cao su Đắk Lắk để cổ phần hóa

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần; Nghị định số 189/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1633/QĐ-UBND ngày 08/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cao su Đắk Lắk;

Căn cứ Biên bản thẩm tra kết quả xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản của Công ty TNHH một thành viên Cao su Đắk Lắk tại thời điểm 01/10/2016;

Căn cứ kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước khu vực XII tại Biên bản kiểm toán ngày 30/10/2017 về xác định lại giá trị quyền sử dụng đất, vườn cây cao su khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk tại Tờ trình số 241/TTr-BCĐ ngày 22/12/2017,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 0h ngày 01/10/2016 của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk để thực hiện cổ phần hóa, cụ thể như sau:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp: 2.341.705.966.816 đồng (Hai ngàn ba trăm bốn mươi tỷ, bảy trăm lẻ năm triệu, chín trăm sáu sáu ngàn, tám trăm mười sáu đồng).

Trong đó: giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 1.558.722.333.138 đồng (Một ngàn năm trăm năm tám tỷ, bảy trăm hai mươi triệu, ba trăm ba ba ngàn, một trăm ba tám đồng).

**Điều 2.** Giá trị tài sản không đưa vào cổ phần hóa (tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán): 11.330.685.935 đồng (Mười một tỷ, ba trăm ba mươi triệu, sáu trăm tám lăm ngàn, chín trăm ba lăm đồng), cụ thể: Tài sản bàn giao về địa phương là 11.330.685.935 đồng.

**Điều 3.** Căn cứ vào giá trị doanh nghiệp được xác định tại Điều 1, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk thực hiện các công việc tiếp theo để cổ phần hóa doanh nghiệp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

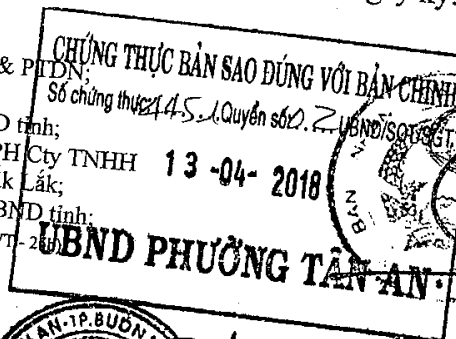
Trong quá trình thực hiện các bước tiếp theo để chuyển Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk thành Công ty cổ phần, nếu có phát sinh nội dung liên quan đến giá trị doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu điều chỉnh (tăng, giảm), UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan có chức năng tham mưu, điều chỉnh giá trị doanh nghiệp, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ và Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BCĐ Đổi mới & PTĐN;
- Bộ Tài chính;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo CPH Cty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (TVT-2018-2019)



KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Hà



PHÓ CHỦ TỊCH  
Nguyễn Ngọc Nha

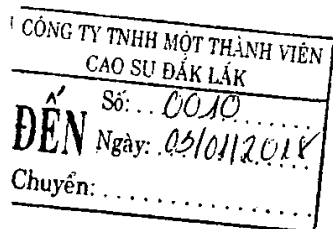


ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

700  
ng  
K  
b  
ch  
h  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3629 /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 12 năm 2017



### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty  
TNHH MTV Cao su Đắk Lắk để cổ phần hóa

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần; Nghị định số 189/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1633/QĐ-UBND ngày 08/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cao su Đắk Lắk;

Căn cứ Biên bản thẩm tra kết quả xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản của Công ty TNHH một thành viên Cao su Đắk Lắk tại thời điểm 01/10/2016;

Căn cứ kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước khu vực XII tại Biên bản kiểm toán ngày 30/10/2017 về xác định lại giá trị quyền sử dụng đất, vườn cây cao su khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk tại Tờ trình số 241/TTr-BCĐ ngày 22/12/2017,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 0h ngày 01/10/2016 của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk để thực hiện cổ phần hóa, cụ thể như sau:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp: 2.341.705.966.816 đồng (Hai ngàn ba trăm bốn một tỷ, bảy trăm lẻ năm triệu, chín trăm sáu sáu ngàn, tám trăm mười sáu đồng).

Trong đó: giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 1.558.722.333.138 đồng (Một ngàn năm trăm năm tám tỷ, bảy trăm hai hai triệu, ba trăm ba ba ngàn, một trăm ba tám đồng).

**Điều 2.** Giá trị tài sản không đưa vào cổ phần hóa (tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán): 11.330.685.935 đồng (Mười một tỷ, ba trăm ba mươi triệu, sáu trăm tám lăm ngàn, chín trăm ba lăm đồng), cụ thể: Tài sản bàn giao về địa phương là 11.330.685.935 đồng.

**Điều 3.** Căn cứ vào giá trị doanh nghiệp được xác định tại Điều 1, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắc Lắc thực hiện các công việc tiếp theo để cổ phần hóa doanh nghiệp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

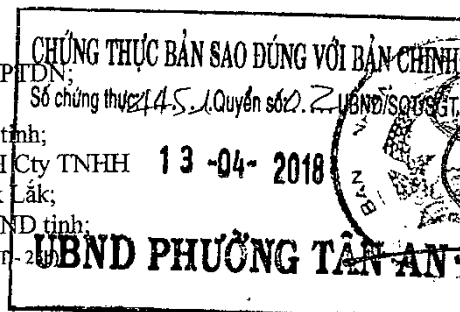
Trong quá trình thực hiện các bước tiếp theo để chuyển Công ty TNHH MTV Cao su Đắc Lắc thành Công ty cổ phần, nếu có phát sinh nội dung liên quan đến giá trị doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu điều chỉnh (tăng, giảm), UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan có chức năng tham mưu, điều chỉnh giá trị doanh nghiệp, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ và Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Đắc Lắc có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

**Nơi nhận/**

- Như Điều 4;
- BCD Đổi mới & PTĐN;
- Bộ Tài chính;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo CPH Cty TNHH MTV Cao su Đắc Lắc;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (VT-20)



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Hà



**PHÓ CHỦ TỊCH**  
Nguyễn Ngọc Nha

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK  
Số: 2201/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Đắk Lắk, ngày 18 tháng 8 năm 2017

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
CAO SU ĐẮK LẮK

Số: 224/.....  
ĐEN Ngày 18/8/2017 Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk  
Chuyên: .....

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của  
Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần; Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ; Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty nông, lâm nghiệp; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý, nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước; Quyết định số 140/2008/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT ngày 26 tháng 2 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập phương án sử dụng đất; lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc, lập bản đồ địa chính; xác định giá thuê đất; giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Công văn số 1832/TTg-ĐMDN ngày 15 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới Công ty nông nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk quản lý;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 395/TT-STNMT ngày 31 tháng 7 năm 2017;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk, gồm các nội dung, như sau:

1. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất

1.1 Tổng diện tích đất Công ty đang quản lý, sử dụng 9.305,28ha đất. Hiện trạng sử dụng đất như sau:

- Đất nông nghiệp: 9.234,92ha; bao gồm: đất trồng cây lâu năm 8.841,13ha; đất nuôi trồng thủy sản: 4,22ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 389,57ha.

- Đất phi nông nghiệp: 45,5ha, bao gồm: đất ở tại đô thị 0,08ha; đất cơ sở y tế 0,44ha; đất cơ sở giáo dục đào tạo 0,23ha; đất cơ sở thể dục thể thao 0,92ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 35,38ha; đất bãi thải xử lý chất thải 1,24ha; đất có mặt nước chuyên dùng 5,16ha; đất thủy lợi 2,05ha.

- Đất chưa sử dụng: 24,86ha.

1.2 Diện tích đất Công ty đang quản lý sử dụng theo địa giới hành chính cấp huyện phân ra như sau:

- Tại thành phố Buôn Ma Thuột: diện tích 644,06ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 600,59ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường giao thông) 14,38ha; đất ở tại đô thị 0,08ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 6,01ha; đất chưa sử dụng 23ha.

- Tại thị xã Buôn Hồ: diện tích 1.194,65ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 1.131,94ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 59,81ha; đất cơ sở giáo dục và đào tạo 0,23ha; đất cơ sở thể dục thể thao 0,92ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 1,75ha.

- Tại huyện Krông Búk: diện tích 2.272,2ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 2.128,24ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 137,05ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 3,0ha; đất thủy lợi 2,05ha; đất chưa sử dụng 1,86ha.

- Tại huyện Cư M'gar: diện tích 4.480,84ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 4.294,28ha; đất nuôi trồng thủy sản 4,22ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 155,37ha; đất cơ sở y tế 0,44ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 20,13ha; đất bãi thải xử lý chất thải 1,24ha; đất có mặt nước chuyên dùng 5,16ha.

- Tại huyện Cư Kuin: diện tích 712,61ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 686,08ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 22,96ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 3,57ha.

- Tại huyện Buôn Đôn: diện tích 0,92ha (đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp).

2. Về phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk:

2.1 Diện tích đất Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk giữ lại:

a) Tổng diện tích đất Công ty giữ lại 9.268,5ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp: 9.231,7ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm: 8.837,91ha; đất nuôi trồng thủy sản: 4,22ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 389,57ha.

- Đất phi nông nghiệp: 34,94ha, bao gồm: đất ở tại đô thị 0,08ha; đất cơ sở y tế 0,44ha; đất cơ sở thể dục thể thao 0,92ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 32,00ha; đất bãi thải xử lý chất thải 1,24ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,26ha.

- Đất chưa sử dụng: 1,86ha.

b) Diện tích đất Công ty giữ lại theo địa giới hành chính cấp huyện phân ra như sau:

- Tại thành phố Buôn Ma Thuột: diện tích 621,06ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 600,59ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 14,38ha; đất ở tại đô thị 0,08ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 6,01ha.

- Tại thị xã Buôn Hồ: diện tích 1.194,42ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 1.131,94ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 59,81ha; đất cơ sở thể dục thể thao 0,92ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 1,75ha.

- Tại huyện Krông Búk: diện tích 2.270,15ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 2.128,24ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 137,05ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 3,00ha; đất chưa sử dụng 1,86ha.

- Tại huyện Cư M'gar: diện tích 4.469,34ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 4.291,06ha; đất nuôi trồng thủy sản 4,22ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 155,37ha; đất cơ sở y tế 0,44ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 16,75ha; đất bãi thải xử lý chất thải 1,24ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,26ha.

- Tại huyện Cư Kuin: diện tích 712,61ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 686,08ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 22,96ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 3,57ha.

- Tại huyện Buôn Đôn: diện tích 0,92ha (đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp).

2.2 Diện tích đất Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk bàn giao về địa phương quản lý:

a) Tổng diện tích đất Công ty bàn giao về địa phương quản lý: 36,78ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp: 3,22ha (đất trồng cây lâu năm).

- Đất phi nông nghiệp: 10,56ha, bao gồm: đất cơ sở giáo dục đào tạo 0,23ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 3,38ha; đất có mặt nước chuyên dùng 4,90ha; đất thủy lợi 2,05ha.

- Đất chưa sử dụng: 23ha.

b) Diện tích đất Công ty bàn giao cho địa phương quản lý theo địa giới hành chính cấp huyện, như sau:

- Tại thành phố Buôn Ma Thuột: diện tích: 23ha (đất chưa sử dụng) thuộc các thửa đất, như sau:

+ Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 61 tại phường Tân An: diện tích 16,93ha.

+ Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 66 tại phường Tân An: diện tích 6,07ha.

- Tại thị xã Buôn Hồ: diện tích: 0,23ha (đất cơ sở giáo dục và đào tạo) thuộc thửa đất số 31, tờ bản đồ số 33 tại xã Cư Bao.

- Tại huyện Krông Búk: diện tích: 2,05ha (đất thủy lợi) thuộc thửa đất số 61, tờ bản đồ số 6, xã Chư Krông.

- Tại huyện Cư M'gar: diện tích: 11,5ha. Trong đó:

+ Đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm): 3,22ha thuộc các thửa đất số: 23, 35, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, tờ bản đồ số 54 tại xã Ea Drông.

+ Đất phi nông nghiệp: diện tích 8,28ha, bao gồm: đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 3,38ha (thuộc các thửa đất số: thửa số 70, tờ bản đồ 6, thửa đất số 5, tờ bản đồ 54, một phần thửa đất số 1, tờ bản đồ số 47, xã Ea Drông); đất có mặt nước chuyên dùng 4,9ha thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ số 53 tại xã Ea Drông.

3. Về chuyển mục đích sử dụng đất: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Về hình thức sử dụng đất: Theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Về danh mục các dự án Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định chủ trương đầu tư, danh mục dự án kêu gọi đầu tư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thuộc diện tích đất của Công ty.

(có danh mục các dự án tại phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Hướng dẫn Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk lập hồ sơ điều chỉnh phương án sử dụng đất sau khi hoàn thành việc cắm mốc ranh giới sử dụng đất, đo đạc, lập bản đồ địa chính diện tích đất của Công ty, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Hướng dẫn Công ty lập thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất theo quy định; đồng thời, ký lại Hợp đồng thuê đất với Công ty.

2. Giao cho Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan xác định giá trị quyền sử dụng đất, giá trị tài sản gắn liền với đất (nếu có) theo quy định.

3. Giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tham mưu, đề xuất việc tái canh, chuyển đổi cơ cấu cây trồng của Công ty theo quy định.

- Phối hợp với Công ty và các đơn vị có liên quan xác định vị trí, diện tích đất để tổng hợp vào đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Krông Buk, Cư M'gar, Cư Kuin, Buôn Đôn, thị xã Buôn Hồ, thành phố Buôn Ma Thuột:

- Phối hợp với Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk lập thủ tục thu hồi đất, bàn giao về địa phương quản lý theo quy định.

- Xác định, định hướng sử dụng đất đối với diện tích đất Công ty bàn giao về địa phương quản lý; báo cáo kết quả gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.

- Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của Công ty để cập nhật vào điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 giai đoạn (2016-2020) của cấp huyện theo quy định; đăng ký kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đất đai; kiểm tra, xử lý trường hợp lấn chiếm, tranh chấp về đất đai (nếu có) đối với diện tích đất thuộc địa bàn quản lý theo quy định.

- Kiểm tra, theo dõi việc quản lý sử dụng đất, việc thực hiện phương án sử dụng của Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk.

#### 5. Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định mốc giới Công ty đang quản lý, sử dụng để thực hiện việc cắm mốc ranh giới, đo đạc lập bản đồ địa chính của Công ty theo quy định.

- Lập hồ sơ điều chỉnh phương án sử dụng đất theo quy định sau khi hoàn thành việc đo đạc bản đồ địa chính của Công ty trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp diện tích đất Công ty đề nghị xây dựng khu phát triển nông nghiệp công nghệ cao vào đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất để xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất làm cơ sở cập nhật vào điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 giai đoạn (2016-2020) cấp huyện.

- Quản lý, sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật; lập hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, đăng ký biến động về đất đai theo quy định; đồng thời, liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để ký lại hợp đồng thuê đất theo quy định.

- Phối hợp với chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan xử lý dứt điểm các trường hợp lấn chiếm, tranh chấp, khiếu nại về đất đai theo quy định. Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất phải

thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng theo quy định (nếu có) theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với diện tích đất thuộc danh mục các dự án Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định chủ trương đầu tư; danh mục dự án kêu gọi đầu tư; diện tích đất Ủy ban nhân dân tỉnh đã thỏa thuận địa điểm xây dựng các công trình, dự án; diện tích đất thuộc quy hoạch đất ở, đất công trình công cộng theo quy hoạch của địa phương tại khoản 5, Điều 1 của Quyết định này. Trước mắt, Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk có trách nhiệm quản lý, sử dụng diện tích đất nêu trên theo hiện trạng, không được thực hiện việc tái canh mới, chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Khi Nhà nước thực hiện công trình, dự án và tiến hành thu hồi đất theo quy định của pháp luật thì Công ty có trách nhiệm phối hợp bàn giao đất về địa phương để quản lý, bố trí, sử dụng theo chủ trương của tỉnh và quy định của pháp luật. Việc xử lý về tài sản trên đất tại thời điểm thu hồi đất sẽ được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố: Krông Buk, Cư M'gar, Cư Kuin, Buôn Đôn, Buôn Hồ, Buôn Ma Thuột; Giám đốc Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND;
- Các phòng: KT, NN&MT;
- Lưu: VT, NN&MT (25b).

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Hà



**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KÊU GỌI ĐẦU TƯ, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ**

**TRÊN DIỆN TÍCH ĐẤT CÔNG TY TNHH MTV CAO SU ĐẮK LẮK**

*(Kèm theo Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh)*

| TT                                                                      | Tên công trình, dự án                                                                                     | Địa chỉ khu đất                  | Diện tích đất thuộc dự án (ha) | Văn bản của UBND tỉnh                      | Ghi chú                                              |
|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| <b>I. Dự án kêu gọi đầu tư</b>                                          |                                                                                                           |                                  |                                |                                            |                                                      |
| 1                                                                       | Dự án kêu gọi đầu tư                                                                                      | Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột | 4,08                           | Công văn số 5847/UBND-KT ngày 27/7/2016    |                                                      |
| 1                                                                       | Trung tâm Hội chợ triển lãm tỉnh                                                                          | TP. Buôn Ma Thuột                | 20,22                          | Quyết định số 2372/QĐ-UBND ngày 12/8/2016  |                                                      |
| 2                                                                       | Khu dân cư Hà Huy Tập, phường Tân An thuộc khu đô thị phía Bắc Đường vành đai Tây, phường Tân An, TP. BMT | Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột | 3,97                           | Quyết định số 1680/QĐ-UBND ngày 06/7/2017  |                                                      |
| 3                                                                       | Bãi đậu xe phía Đông Bắc thành phố Buôn Ma Thuột                                                          | TP. Buôn Ma Thuột                | 24,27                          | Công văn số 6774/UBND-CN ngày 28/6/2016    |                                                      |
| 4                                                                       | Bầu tư hạ tầng Công nghiệp                                                                                | Xã Cư Bao, TX. Buôn Hồ           | 322,23                         | Công văn số 4723/UBND-CN ngày 20/6/2017    |                                                      |
| 5                                                                       | Cư Bao, thị xã Buôn Hồ                                                                                    | Xã Ba Dương, H. Cư M'gar         | 374,77                         |                                            |                                                      |
| <b>II. Dự án đã có chủ trương đầu tư, phê duyệt lựa chọn nhà đầu tư</b> |                                                                                                           |                                  |                                |                                            |                                                      |
| 1                                                                       | Nhà máy may Công nghiệp                                                                                   | Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột | 3,15                           | Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 |                                                      |
| 2                                                                       | Trung tâm trưng bày - kinh doanh và dịch vụ bảo hành xe ô tô                                              | Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột | 2,44                           | Quyết định số 1980/QĐ-UBND ngày 06/7/2016  |                                                      |
| 3                                                                       | Bến xe tổng hợp liên tỉnh Đắk Lắk                                                                         | Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột | 4,9                            | Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 25/5/2016  | Đã thu hồi đất tại QĐ số 1481/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 |

|                                                                                                            |                                                                          |                                     |        |                                              |                                                            |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 4                                                                                                          | Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Hồng Thu.                                   | Xã Ea Đơng,<br>H. Cư M'gar          | 0,22   | Quyết định số 405/QĐ-UBND<br>ngày 23/02/2017 | Đã thu hồi đất tại QĐ<br>số 225/QĐ-UBND ngày<br>25/01/2017 |
| 5                                                                                                          | Khu đô thị dân cư Km7                                                    | Phường Tân An,<br>TP. Buôn Ma Thuột | 45     | Quyết định số 883/QĐ-UBND<br>ngày 12/4/2017  | C6 6, hạ đất Công ty giao<br>trả về địa phương             |
| <b>III. Công trình, dự án UBND tỉnh đã thoả thuận địa điểm xây dựng</b>                                    |                                                                          |                                     |        |                                              |                                                            |
| 1                                                                                                          | Trụ sở làm việc Trung tâm Pháp y<br>tâm thần khu vực Tây Nguyên          | Phường Tân An,<br>TP. Buôn Ma Thuột | 0,8    | Công văn số 5655/UBND-CN<br>ngày 20/7/2017   |                                                            |
| 2                                                                                                          | Khoa Y Dược - Trường Đại học Tây Nguyên                                  | Phường Tân An,<br>TP. Buôn Ma Thuột | 11,5   |                                              | Đất bàn giao về<br>địa phương quản lý                      |
| <b>Cộng</b>                                                                                                |                                                                          |                                     |        |                                              |                                                            |
|                                                                                                            |                                                                          |                                     | 12,3   |                                              |                                                            |
| <b>IV. Dự án phát triển kinh tế, xã hội của địa phương Công ty đã xác định trong phương án sử dụng đất</b> |                                                                          |                                     |        |                                              |                                                            |
| 1                                                                                                          | Quy hoạch đất ở                                                          | Phường Tân An,<br>TP. Buôn Ma Thuột | 1,66   |                                              | Theo quy hoạch<br>của địa phương                           |
| 2                                                                                                          | Cơ sở mái lợp 1/6                                                        | Phường Tân An,<br>TP. Buôn Ma Thuột | 3,14   |                                              | UBND thành phố<br>Buôn Ma Thuột đề xuất                    |
| 3                                                                                                          | Đất ở, đất sản xuất nông nghiệp<br>cho đồng bào dân tộc thiểu số         | Thị xã Buôn Hồ                      | 25     |                                              |                                                            |
| 4                                                                                                          | Dự án mở rộng tuyến giao thông liên xã Cư Bao                            | Xã Cư Bao, thị xã<br>Buôn Hồ        | 5,8    |                                              |                                                            |
| 5                                                                                                          | Đất ở, đất sản xuất nông nghiệp<br>cho đồng bào dân tộc thiểu số         | Huyện Cư M'gar                      | 35,34  |                                              |                                                            |
| 6                                                                                                          | Khu QH nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao                                | Huyện Cư M'gar                      | 100    |                                              |                                                            |
| 7                                                                                                          | Đường tránh phía tây thị xã Buôn Hồ                                      | Xã Chư Krông                        | 12,05  |                                              | Nhà đầu tư đề xuất                                         |
| 8                                                                                                          | Khu đất Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp<br>Chư Krông để xuất dự án đầu tư | huyện Krông Buk                     | 0,56   |                                              | Theo quy hoạch<br>của địa phương                           |
| 9                                                                                                          | Quy hoạch đất ở, đất công trình công cộng                                | Xã Chư Krông,<br>huyện Krông Buk    | 50,35  |                                              |                                                            |
| <b>Cộng</b>                                                                                                |                                                                          |                                     | 233,9  |                                              |                                                            |
| <b>Tổng cộng</b>                                                                                           |                                                                          |                                     | 676,68 |                                              |                                                            |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 6000175829**

*Đăng ký lần đầu: ngày 15 tháng 11 năm 2010*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 13 tháng 11 năm 2015*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CAO SU ĐẮK LẮK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAK LAK RUBBER ONE MEMBER COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DAKRUCO.,LTD

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Số 30 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam*

Điện thoại: 0500 3865015

Fax: 0500 3865041

Email: [caosu@dng.vnn.vn](mailto:caosu@dng.vnn.vn) ;

Website: <http://www.dakruco.com>

[caosu@dakruco.com](mailto:caosu@dakruco.com)

**3. Vốn điều lệ 1.090.000.000.000 đồng**

*Bằng chữ: Một nghìn không trăm chín mươi tỷ đồng*

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Tên tổ chức: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Địa chỉ trụ sở chính: *Số 08 đường Mai Hắc Đế, Phường Tân Thành, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam*

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: BÙI QUANG NINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 10/08/1966

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 240498058

Ngày cấp: 13/04/2012

Nơi cấp: Công an tỉnh Đắk Lắk

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 29 đường Cao Bá Quát, Phường Tân Lợi, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 29 đường Cao Bá Quát, Phường Tân Lợi, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

\* Họ và tên: NGUYỄN VIỆT TƯỢNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch công ty

Sinh ngày: 01/01/1965

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 240401901

Ngày cấp: 15/05/2015

Nơi cấp: Công an tỉnh Đắk Lắk

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 42 đường Nơ Trang Gùh, tổ dân phố 13, Phường Tân Tiến, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 42 đường Nơ Trang Gùh, tổ dân phố 13, Phường Tân Tiến, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 9.69...Quyển số: ...UBND

25-01-2018

UBND PHƯỜNG TÂN AN



Hà Đức Thành

PHÓ CHỦ TỊCH  
Nguyễn Ngọc Nha

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **739** /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày **11** tháng 4 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa**  
**Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và Công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần; Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần; Thông tư số 115/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Công văn 1832/TTg-ĐMDN ngày 15/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới Công ty nông, lâm nghiệp thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk; Quyết định số 2201/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy

ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk tại Tờ trình số 36/TTr-BCĐ ngày 23/3/2018,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk, với nội dung cụ thể như sau:

**1. Tên gọi của công ty cổ phần:**

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK.
- Tên tiếng Anh: DAKLAK RUBBER JOINT STOCK COMPANY.
- Tên viết tắt: DAKRUCO.JSC
- Trụ sở chính: Số 30 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Điện thoại: (0262) 3865015
- Fax: (0262)3865041
- Website: <http://www.dakruco.com>
- Biểu tượng của Công ty.



**DAKRUCO**

**2. Tư cách pháp nhân:**

Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thực hiện chế độ hạch toán kế toán độc lập, được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật, được tổ chức và hoạt động theo điều lệ của Công ty cổ phần và Luật doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh những ngành nghề theo Luật định.

**3. Hình thức cổ phần hóa:** Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp.

**4. Ngành nghề kinh doanh:**

Kế thừa ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk, sau cổ phần hóa ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần do Đại Hội đồng cổ đông Công ty quyết định theo quy định pháp luật.

### **5. Vốn điều lệ và cơ cấu phát hành:**

5.1 Vốn điều lệ: Tổng giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 0h ngày 01/10/2016: **2.341.705.966.816** đồng, trong đó giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là: **1.558.722.333.138** đồng (*một ngàn năm trăm năm mươi tám tỷ, bảy trăm hai mươi hai triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn, một trăm ba mươi tám đồng*).

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần: **1.558.000.000.000** đồng (*Một ngàn năm trăm năm mươi tám tỷ đồng*)

- Mệnh giá 01 cổ phần là: 10.000 đồng/cổ phần;
- Số lượng cổ phần là: 155.800.000 cổ phần;
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.

5.2 Số lượng cổ phần phát hành lần đầu: 155.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng, trong đó cơ cấu vốn điều lệ như sau:

- Cổ phần nhà nước nắm giữ: 56.088.000 cổ phần, giá trị 560.880.000.000 đồng, chiếm 36% vốn điều lệ;
- Cổ phần bán ưu đãi cho cán bộ công nhân viên: 2.136.500 cổ phần, giá trị: 21.365.000.000 đồng, chiếm 1,37% vốn điều lệ, trong đó:
  - + Cổ phần bán giá ưu đãi (bằng 60% mệnh giá): 1.940.500 cổ phần, giá trị: 19.405.000.000 đồng, chiếm 1,24% vốn điều lệ.
  - + Cổ phần bán cho cổ đông là cán bộ công nhân viên đăng ký mua thêm theo số năm cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp: 196.000 cổ phần, giá trị 1.960.000.000 đồng, chiếm 0,13% vốn điều lệ;
- Cổ phần bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư: 97.575.500 cổ phần, giá trị theo mệnh giá: 975.755.000.000 đồng, chiếm 62,63% vốn điều lệ.

### **6. Giá khởi điểm và tổ chức bán đấu giá cổ phần:**

Giá khởi điểm để đấu giá: 12.600 đồng/1 cổ phần (mười ngàn đồng).

Cơ quan tổ chức đấu giá: Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

### **7. Thời gian bán cổ phần:**

Trong vòng 04 tháng kể từ ngày có Quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty của UBND tỉnh.

## **8. Bán cổ phần cho CBCNV của Công ty:**

### **8.1. Cổ phần chào bán cho CBCNV theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước:**

Cổ phần được ưu đãi giảm giá bằng 60% mệnh giá theo quy định tại Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP của Chính phủ được thực hiện tại Công ty theo danh sách đã được Đại hội đại biểu người lao động bất thường thông qua.

Tổng số lao động: 2.903 người; gồm: số người được mua cổ phần giá ưu đãi: 2.679 người, số người không đủ điều kiện mua cổ phần giá ưu đãi: 224 người (do thời gian công tác tại khu vực nhà nước dưới 1 năm).

Số người đăng ký mua cổ phần giá ưu đãi: 1.970 người, số người từ chối mua: 709 người.

Tổng số năm làm việc trong khu vực Nhà nước tương ứng của 1.970 người đăng ký tham gia mua cổ phần giá ưu đãi theo chế độ quy định: 19.405 năm.

Số cổ phần giá ưu đãi của 1.970 người đã đăng ký mua theo số năm làm việc trong khu vực Nhà nước: 1.940.500 cổ phần.

Thời gian bán cổ phần cho CBCNV: Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty được phê duyệt, Công ty sẽ triển khai bán cổ phần cho người lao động.

Giá bán: Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này bằng 60% giá trị 01 cổ phần tính theo mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần) = 6.000 đồng/1 cổ phần.

Quy định về việc hạn chế chuyển nhượng: Số cổ phần bán với giá ưu đãi theo quy định tại khoản này, người lao động phải nắm giữ và không được chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ thời điểm nộp tiền mua cổ phần ưu đãi.

**8.2. Cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo quy định tại Khoản 2 Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP của Chính phủ được thực hiện tại Công ty theo danh sách đã được Hội nghị người lao động bất thường thông qua:**



Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm xác định trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Đại hội công nhân viên chức của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa.

Tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi có trình độ nghiệp vụ cao đã được Đại hội đại biểu người lao động nhất trí thông qua.

a) Về điều kiện:

- Độ tuổi: Nam từ 57 tuổi trở xuống và Nữ từ 52 tuổi trở xuống
- Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa;
- Thuộc đối tượng Công ty cần sử dụng;
- Có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu).

b) Tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao đối với người lao động trong Công ty phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Cán bộ chủ chốt Công ty (gồm: Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Trưởng/Phó phòng Công ty; Giám đốc/Phó Giám đốc, Trưởng/Phó phòng, Đội trưởng/Đội phó các đơn vị trực thuộc Công ty);
- Chủ tịch Công đoàn cơ sở, Bí thư Đoàn thanh niên Công ty;
- Cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, có thâm niên làm việc cho Công ty 05 năm trở lên.

Tổng số người tham gia đăng ký mua thêm cổ phần theo mức 200 cổ phần/1 năm cam kết làm việc tiếp cho doanh nghiệp là: 82 người. Số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn này: 63.300 cổ phần.

Tổng số người tham gia đăng ký mua thêm cổ phần theo mức 500 cổ phần/1 năm cam kết làm việc tiếp cho doanh nghiệp là: 65 người. Số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn này: 132.700 cổ phần.

Giá bán: Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP của Chính phủ thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này bằng giá khởi điểm được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trong phương án cổ phần hóa.

Thời gian bán cổ phần cho CBCNV: Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty được phê duyệt, Công ty sẽ triển khai bán cổ phần cho người lao động.

Số cổ phần bán cho CBCNV trong trường hợp này được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.

#### **9. Cổ phần bán đấu giá công khai ra bên ngoài:**

a) Số cổ phần còn lại bán đấu giá ra bên ngoài **97.575.500 cổ phần** cổ phần với tổng mệnh giá 975.755.000.000 đồng, chiếm 62,63% vốn điều lệ.

Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Phương thức phát hành cổ phiếu: Đấu giá công khai tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

Giá khởi điểm: 12.600 đồng/1 cổ phần.

b) Phương thức đấu giá công khai:

- Phương thức đấu giá được áp dụng trong trường hợp bán đấu giá ra công chúng mà không có sự phân biệt nhà đầu tư tổ chức, nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài.

- Tổ chức đấu giá công khai:

+ Cơ quan tổ chức bán đấu giá: Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk uỷ quyền cho Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk ký hợp đồng với Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện đấu giá.

+ Thời gian tổ chức bán đấu giá theo thông báo của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

## **10. Phương án sắp xếp lại lao động:**

**10.1. Phương án sắp xếp lao động khi thực hiện cổ phần hóa Công ty như sau:**

Tổng số lao động có đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 29/12/2017 là 2.861 người.

- Số lao động chuyển sang công ty cổ phần: 2.835 người.

- Số lao động không có nhu cầu sử dụng: 26 người; trong đó:

+ Viên chức quản lý nghỉ theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP: 01 người;

+ Lao động dôi dư thực hiện theo Điều 3 Nghị định số 63/2015/NĐ-CP: 23 người;

+ Lao động dôi dư thực hiện theo Điều 4 Nghị định số 63/2015/NĐ-CP (chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm): 02 người.

**10.2. Dự toán kinh phí chi trả trợ cấp cho người lao động không có nhu cầu sử dụng:**

a) Kinh phí dự kiến thực hiện chính sách theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP: 142.236.475 đồng.

b) Kinh phí dự kiến thực hiện chính sách theo Nghị định số 63/2015/NĐ-CP: 2.106.770.775 đồng.

Tổng kinh phí là: 2.249.007.250 đồng, trong đó:

- Nguồn từ tiền bán cổ phần: 2.249.007.250 đồng.

- Đề nghị Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp: 0 đồng.

## **11. Phương án sử dụng đất:**

Công ty cổ phần cao su Đắc Lắc thực hiện quản lý, sử dụng đất theo Phương án sử dụng đất đã được UBND tỉnh Đắc Lắc phê duyệt theo Quyết định số 2201/QĐ-UBND ngày 18/08/2017.

## **12. Chi phí cổ phần hóa:**

Căn cứ Quyết định số 3072/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 của UBND tỉnh Đắc Lắc về việc phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cao su Đắc Lắc, dự toán chi phí cổ phần hóa của Công ty là

**1.557.000.000** đồng. Công ty thực hiện quyết toán chi phí cổ phần hóa theo số thực tế phát sinh, đảm bảo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**13. Quản lý, sử dụng số tiền thu từ cổ phần hóa:**

Toàn bộ số tiền thu được từ cổ phần hóa Công ty sau khi đã xác định được số tiền để lại doanh nghiệp, thanh toán chi phí cổ phần hoá, giải quyết chính sách chế độ cho người lao động, phần chênh lệch còn lại (nếu có) sẽ được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo đúng quy định hiện hành của nhà nước. Dự kiến số tiền phải nộp là: **1.240.480.225.888** đồng.

**14. Các nội dung khác:** Các nội dung không nêu trong Phương án này, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk triển khai thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**15. Xử lý tài chính:** Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk làm việc với Sở Tài chính để xử lý các vấn đề tài chính phát sinh từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (0h ngày 01/10/2016) đến thời điểm Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động. Trong thời hạn 90 ngày (chín mươi ngày) kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk: chịu trách nhiệm thực hiện hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**Điều 2:**

1. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk có trách nhiệm:

- Chỉ đạo Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk: Tiến hành bán cổ phần theo quy định, tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu và thực hiện các công việc cần thiết để chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần theo đúng quy định của pháp luật.

- Thẩm tra và trình UBND tỉnh phê duyệt quyết toán chi phí cổ phần hóa, quyết toán giá trị ưu đãi cho người lao động và xử lý phần chênh lệch tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (01/10/2016) và thời điểm Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động (ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) đúng quy định.

2. Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk có trách nhiệm:

- Điều hành, quản lý Công ty cho đến khi bàn giao toàn bộ tài sản, tiền vốn, lao động cho Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk.

- Về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong giai đoạn Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk đến thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

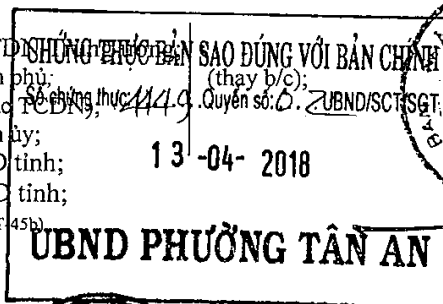
3. Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk có trách nhiệm kế thừa mọi quyền lợi, nghĩa vụ pháp lý của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài Chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp & Phát triển nông thôn; Trưởng ban Đổi mới & Phát triển doanh nghiệp tỉnh, Trưởng Ban và các thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk, Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận

- Như điều 3;
- BCD ĐM & PTĐ
- Văn Phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Cục
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (TVT



Nguyễn Tuấn Hà



PHÓ CHỦ TỊCH  
Nguyễn Ngọc Nha





# DAKRUCO

**VCBS**  
Vietcombank Securities

**BẢN PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA  
CÔNG TY TNHH MTV CAO SU ĐẮC LẮK**

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV  
CAO SU ĐẮK LẮK**

**CHỦ TỊCH CÔNG TY**



Nguyễn Viết Tường

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH CHỨNG  
KHOẢN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI**

# THUONG VIET NAM



GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH  
Tống Minh Tuấn

**MỤC LỤC**

|                                                                                                         |           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>PHẦN I: TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CÔNG TY TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA.....</b>                                   | <b>6</b>  |
| <b>I. GIỚI THIỆU CHUNG .....</b>                                                                        | <b>6</b>  |
| 1. Cơ sở pháp lý của việc cổ phần hóa:.....                                                             | 6         |
| 2. Ban chỉ đạo cổ phần hóa:.....                                                                        | 7         |
| 3. Tổ giúp việc cổ phần hóa.....                                                                        | 9         |
| 4. Đơn vị xác định giá trị doanh nghiệp.....                                                            | 10        |
| 5. Đơn vị tư vấn lập phương án cổ phần hóa.....                                                         | 10        |
| 6. Thuật ngữ và từ viết tắt.....                                                                        | 10        |
| <b>II. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA .....</b>                                            | <b>11</b> |
| 1. Giới thiệu về doanh nghiệp.....                                                                      | 11        |
| 2. Ngành nghề kinh doanh.....                                                                           | 11        |
| 3. Quá trình hình thành và phát triển, các thành tích đạt được.....                                     | 12        |
| 4. Mô hình tổ chức, quản lý của Công ty .....                                                           | 14        |
| 5. Danh sách công ty mẹ .....                                                                           | 15        |
| 6. Danh sách công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty .....                        | 15        |
| 7. Tình hình lao động .....                                                                             | 17        |
| 8. Tài sản, nguồn vốn tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 0h ngày 01/10/2016..... | 17        |
| 9. Tình hình tài sản cố định của doanh nghiệp.....                                                      | 18        |
| 10. Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp các năm trước cổ phần hóa .....                      | 19        |
| 10.1. Sản phẩm kinh doanh chính.....                                                                    | 19        |
| 10.2. Nguồn nguyên vật liệu đầu vào .....                                                               | 20        |
| 10.3. Thị trường của Công ty .....                                                                      | 21        |
| 10.4. Tổng hợp kết quả hoạt động SXKD trước cổ phần hóa.....                                            | 22        |
| 10.5. Năng lực sản xuất chế biến và trình độ công nghệ máy móc thiết bị.....                            | 24        |
| 10.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ.....                                            | 24        |
| 10.7. Thuế và nộp ngân sách Nhà nước .....                                                              | 26        |
| 10.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền .....                               | 26        |



|                                                                                                   |    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 11. Tình hình đất đai doanh nghiệp đang quản lý và sử dụng.....                                   | 28 |
| 11.1. Hiện trạng sử dụng đất.....                                                                 | 28 |
| 11.2. Đánh giá về tình hình sử dụng đất.....                                                      | 29 |
| III. GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DOANH NGHIỆP VÀ GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP ..... | 30 |
| PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA.....                                                               | 34 |
| I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU VÀ HÌNH THỨC CỔ PHẦN HÓA .....                                               | 34 |
| 1. Mục tiêu cổ phần hóa .....                                                                     | 34 |
| 2. Yêu cầu cổ phần hóa .....                                                                      | 34 |
| 3. Hình thức cổ phần hóa.....                                                                     | 34 |
| II. DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA.....                                                         | 35 |
| 1. Thông tin chung: .....                                                                         | 35 |
| 2. Hình thức pháp lý.....                                                                         | 35 |
| 3. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa.....                                                     | 35 |
| 4. Cơ cấu tổ chức .....                                                                           | 36 |
| 5. Vốn điều lệ.....                                                                               | 39 |
| 6. Cổ phần.....                                                                                   | 39 |
| 7. Đối tượng mua cổ phần .....                                                                    | 39 |
| 8. Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của các cổ đông.....                                    | 40 |
| 9. Cổ phần ưu đãi bán cho cán bộ công nhân viên .....                                             | 41 |
| 10. Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư thông thường .....                                     | 43 |
| 11. Kế hoạch đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán .....                                  | 44 |
| III. PHƯƠNG ÁN LAO ĐỘNG.....                                                                      | 44 |
| 1. Kế hoạch sắp xếp lao động .....                                                                | 44 |
| 2. Kế hoạch xử lý lao động dôi dư.....                                                            | 45 |
| IV. CÁC RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY .....                                        | 48 |
| V. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA.....                                             | 49 |
| IV. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA.....                   | 53 |
| 1. Dự báo giá cao su.....                                                                         | 53 |





|                                                            |                                                                     |    |
|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----|
| 2.                                                         | Chiến lược đầu tư sau cổ phần hóa .....                             | 54 |
| 3.                                                         | Kế hoạch sản lượng của Công ty giai đoạn 2018 -2022 .....           | 56 |
| 4.                                                         | Kế hoạch doanh thu, chi phí và lợi nhuận giai đoạn 2018 -2022 ..... | 57 |
| PHẦN IV: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA |                                                                     | 69 |
| PHẦN V: DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN .....              |                                                                     | 74 |
| PHẦN VI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT .....      |                                                                     | 75 |
| PHẦN VII: KẾT LUẬN.....                                    |                                                                     | 76 |



- Quyết định số 180/QĐ-UB ngày 19/3/1993 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập DNNN Công ty Cao su Đắk Lắk;
- Quyết định số 3072/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk;
- Quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk;
- Quyết định số 1633/QĐ-UBND ngày 08/06/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk;
- Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 21/06/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk;
- Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 31/07/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk;
- Quyết định số 3072/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 của UBND Tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk;
- Căn cứ Quyết định số 2201/QĐ-UBND ngày 18/08/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk;
- Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk.

## **2. Ban chỉ đạo cổ phần hóa:**

Ban chỉ đạo cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk được thành lập theo Quyết định số 1633/QĐ-UBND ngày 08/06/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**Bảng 1: Danh sách thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa**

| <b>Stt</b> | <b>Họ và tên</b>      | <b>Chức vụ</b>                                      | <b>Thành phần</b>          |
|------------|-----------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------|
| 1          | Ông Huỳnh Quốc Thích  | Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn | Trưởng ban                 |
| 2          | Ông Nguyễn Viết Tượng | Chủ tịch Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk            | Phó trưởng ban thường trực |
| 3          | Ông Đinh Xuân Diệu    | Phó Giám đốc Sở Tài Chính                           | Phó trưởng ban             |



|   |                      |                                                   |            |
|---|----------------------|---------------------------------------------------|------------|
| 4 | Ông Huỳnh Văn Tiến   | Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư                | Thành viên |
| 5 | Ông Phan Trọng Tùng  | Phó Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội  | Thành viên |
| 6 | Ông Y Ka Nin H'Dok   | Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường          | Thành viên |
| 7 | Ông Bùi Quang Ninh   | Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk     | Thành viên |
| 8 | Ông Nguyễn Ngọc Sanh | Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk | Thành viên |

Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty có quyền và trách nhiệm sau:

- Giúp UBND tỉnh chỉ đạo và tổ chức thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk theo quy định hiện hành của nhà nước;
- Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa được sử dụng con dấu của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn để thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo về cổ phần hóa;
- Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa ban hành quyết định thành lập Tổ giúp việc triển khai công tác cổ phần hóa;
- Chỉ đạo xây dựng phương án cổ phần hóa và dự thảo Điều lệ lần đầu của Công ty cổ phần;
- Tham mưu, báo cáo UBND tỉnh lựa chọn phương thức bán cổ phần lần đầu;
- Thẩm tra và trình UBND tỉnh quyết định công bố giá trị doanh nghiệp, quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa;
- Chỉ đạo Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk thuê đơn vị tư vấn để xây dựng phương án cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp và phối hợp với các tổ chức tài chính trung gian tổ chức đấu giá bán cổ phần;
- Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả bán cổ phần;
- Tổng hợp và trình UBND tỉnh quyết định điều chỉnh phương án cổ phần hóa, quyết định điều chỉnh giá trị doanh nghiệp sau khi chuyển thành Công ty cổ phần;
- Xem xét, lựa chọn, đề xuất và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền cử người đại diện phần vốn nhà nước góp tại Công ty cổ phần;
- Hướng dẫn Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk xây dựng dự toán chi phí cổ phần hóa và tiến hành thẩm định các khoản chi phí cổ phần hóa, trường hợp chi phí cổ phần hóa vượt quá 500 triệu đồng, báo cáo UBND tỉnh xin chủ trương.

Trong thời gian thực hiện, đã có sự thay đổi về nhân sự ban chỉ đạo CPH theo quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 về thay đổi thành viên BCĐ CPH.

**3. Tổ giúp việc cổ phần hóa**

Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa của Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk được thành lập theo Quyết định số 649/QĐ-BCĐ ngày 22/10/2016 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk.

**Bảng 2: Danh sách thành viên Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa**

| <b>Stt</b> | <b>Họ và tên</b>      | <b>Chức vụ</b>                                                                                  | <b>Thành phần</b> |
|------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1          | Ông Nguyễn Ngọc Sanh  | Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk                                               | Tổ trưởng         |
| 2          | Ông Trần Khánh Thơ    | Trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp Sở Tài chính                                                | Tổ Phó            |
| 3          | Ông Hà Đức Thành      | Trưởng phneg Đăng ký Kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư                                          | Tổ viên           |
| 4          | Ông Dương Thế         | Phó Trưởng phòng Quản lý Đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường                                   | Tổ viên           |
| 5          | Ông Nguyễn Quý Bình   | Chuyên viên phòng Lao động – Tiền lương và Bảo hiểm Xã hội, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội | Tổ viên           |
| 6          | Ông Phạm Thế Minh     | Chuyên viên phòng Kế hoạch và Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn                 | Tổ viên           |
| 7          | Ông Nguyễn Thạc Hoành | Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk                                                  | Tổ viên           |
| 8          | Ông Nguyễn Văn Cúc    | Trưởng phòng nhân sự pháp chế Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk                                   | Tổ viên           |
| 9          | Ông Nguyễn Minh       | Trưởng phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk                                  | Tổ viên           |
| 10         | Bà Lê Thị Bích Thảo   | Trưởng phòng Hành chính Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk                                         | Tổ viên           |
| 11         | Ông Nguyễn Huy Hùng   | Trưởng Tài chính Kế toán Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk                                        | Tổ viên           |
| 12         | Bà Trần Thị Mỹ Dung   | Trưởng phòng Kinh doanh XNK Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk                                     | Tổ viên           |

Tổ giúp việc có trách nhiệm giúp Ban chỉ đạo cổ phần hóa thực hiện các công việc để cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk.

Trong quá trình thực hiện BCD đã ban hành Quyết định số 1003/QĐ-BCĐ ngày 03/8/2017 về việc điều chỉnh, bổ sung thành viên Tổ giúp việc tại các Công ty TNHH MTV cổ phần hoá, thay ông Dương Thế bằng ông Phạm Văn Phúc – Phó Chi



cục trưởng Chi cục Quản lý đất đai; bổ sung thêm ông Vũ Huy Dũng – Phó trưởng phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng, sở Xây dựng làm thành viên Tổ giúp việc.

**4. Đơn vị xác định giá trị doanh nghiệp**

- Tên công ty : Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (Ava)
- Địa chỉ : Đường Mễ Trì, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
- Điện thoại : (84.4) 8689.566/88
- Trách nhiệm : Cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

**5. Đơn vị tư vấn lập phương án cổ phần hóa**

- Tên công ty : Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hồ Chí Minh
- Địa chỉ : Lầu 1 và Lầu 7, Tòa nhà Green Star, 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, Tp.HCM
- Điện thoại : Điện thoại: (028) 38 200 751
- Fax : Fax: (028) 38 200 771
- Trách nhiệm : Cung cấp dịch vụ xây dựng phương án cổ phần hóa

**6. Thuật ngữ và từ viết tắt**

- CBCNV : Cán bộ viên chức – người lao động
- Công ty : Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk
- DTT : Doanh thu thuần
- MTV : Một thành viên
- NHNN : Ngân hàng Nhà nước
- TMCP : Thương mại cổ phần
- TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- TP : Thành phố
- TSCĐ : Tài sản cố định
- UBND : Ủy ban nhân dân
- VCBS : Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

**II. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA****1. Giới thiệu về doanh nghiệp**

- Tên công ty: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CAO SU ĐẮK LẮK**
- Tên tiếng Anh: **DAK LAK RUBBER ONE MEMBER COMPANY LIMITED**
- Tên viết tắt: **DAKRUCO. LTD**
- Trụ sở chính: **30 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk**
- Điện thoại, Fax: **(0262) 3865015 - (0262)3865041**
- E-mail: **caosu@dng.vnn.vn; caosu@dakruco.com**
- Website: **http://www.dakruco.com**
- Logo:

**DAKRUCO****2. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh được quy định trong Điều lệ Công ty cụ thể như sau:

- Trồng cây cao su;
- Chế biến cao su;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng, trồng cây nông nghiệp ngắn ngày và chăn nuôi đại gia súc;
- Mua bán mủ cao su, nông sản và sản phẩm chăn nuôi;
- Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến cao su;
- Mua, bán phân bón, nhiên liệu, thuốc bảo vệ thực vật;
- Kinh doanh kho bãi, bốc dỡ hàng hóa và dịch vụ liên quan đến kho bãi: vận chuyển, nâng, hạ hàng hóa, bao bì, container;
- Sản xuất dụng cụ chuyên dùng cho cao su: chén hứng mủ, kiềng, máng, thùng.
- Xây dựng các công trình đường giao thông nội bộ, các công trình dân dụng quy mô nhỏ, công trình thủy lợi (công trình ngầm dưới đất, dưới nước, đường ống cấp thoát nước, trạm bơm);
- Khai khoáng đồng ruộng;
- Dịch vụ sửa chữa máy nông nghiệp;
- Chế biến gỗ với các sản phẩm: mộc dân dụng, sản xuất pallets làm bao bì;
- Kinh doanh dịch vụ logistics quốc tế và nội địa;



Tổng diện tích vườn cây cao su hiện Công ty quản lý: 13.201 ha (bao gồm cả diện tích tại Dự án Campuchia). Trong đó: Tổng diện tích cao su quốc doanh 9.698,9 ha, liên kết 3.502 ha. Tổng diện tích vườn cây đưa vào khai thác: 7.736,6 ha, trong đó: khối quốc doanh: 4.234,4 ha, liên kết: 3.502,2 ha.

Hiện tại Công ty có nhà máy chế biến cao su thiên nhiên công suất 20.000 tấn/năm, chế biến các sản phẩm cao su thiên nhiên định chuẩn kỹ thuật như: SVRL, SVR3L, SVR5, SVR10, SVR20, SVR CV50, SVR CV60, SVR10CV, SVR20CV; RSS 3; LAKTEX HA, LAKTEX LA; SKIMBLOCK. Nhà máy chế biến chỉ thun cao su công suất 3.000 tấn/năm sản xuất các sản phẩm chỉ thun cao su phục vụ công nghiệp dệt may và một số ngành công nghiệp liên quan.

Năm 2017, Công ty khai thác và chế biến khoảng 10.000 tấn sản phẩm cao su thiên nhiên các loại. Sản phẩm của Công ty chủ yếu xuất khẩu, khách hàng là các tập đoàn, công ty tại các nước Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ...

Qua hơn 30 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty đã đạt nhiều giải thưởng về chất lượng và được Nhà nước trao tặng nhiều danh hiệu cao quý.

### **3.2. Các giải thưởng chất lượng**

- Cúp vàng ISO do Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam chứng nhận năm 2006, năm 2007 và năm 2008;
- Cúp vàng Nông Nghiệp và Huy chương vàng sản phẩm nông nghiệp do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chứng nhận năm 2007;
- Bộ Công thương tặng Cúp vàng giải thưởng Thương hiệu vàng năm 2007;
- Năm 2009: Bộ Công thương Việt Nam phối hợp cùng Bộ Công thương Lào, Bộ Thương mại Campuchia trao tặng danh hiệu Top 10 Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam - Lào - Campuchia;
- Năm 2009: Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đạt danh hiệu Thương hiệu xanh phát triển năm 2009.
- Năm 2010: ủy ban quốc gia và hợp tác kinh tế quốc tế tặng giải thưởng “Hội nhập kinh tế quốc tế lần II năm 2010”.
- Năm 2011: Trung ương Hội doanh nhân trẻ Việt Nam chứng nhận giải thưởng Sao vàng đất Việt.
- Nhãn hiệu cao su Việt Nam được Hiệp hội Cao su Việt Nam công nhận năm 2016, 2017
- Và nhiều giải thưởng do các Bộ, Ngành, các tổ chức trao tặng.

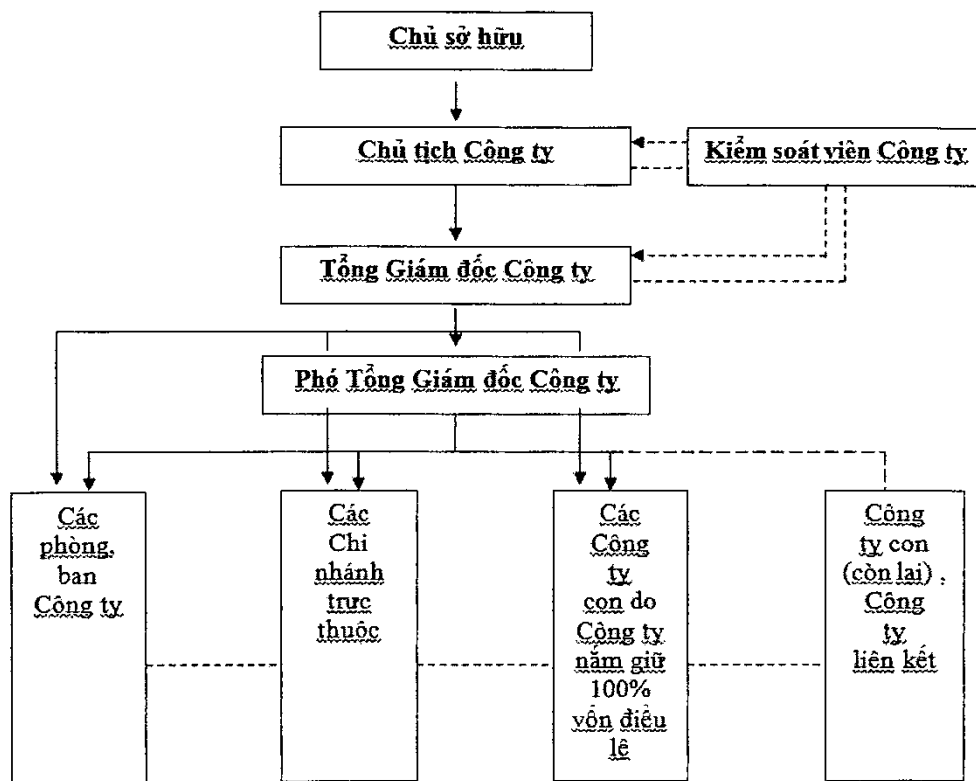
**3.3. Danh hiệu thi đua**

- Năm 2006: Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động tại Quyết định số 947/QĐ-CTN ngày 25/8/2006 về việc đã có thành tích xuất sắc trong lao động, sáng tạo từ năm 1996 đến 2005, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc;
- Năm 2008: Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhất tại Quyết định số 1057/QĐ-CTN ngày 13/8/2008 về việc đã có thành tích xuất sắc góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc;
- Từ năm 2007 đến nay, Công ty được Bộ Công thương trao tặng danh hiệu Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín vì đã có thành tích trong hoạt động xuất khẩu;
- Năm 2009: Bộ Lao động Thương binh và Xã hội trao tặng danh hiệu Doanh nghiệp tiêu biểu về an toàn lao động năm 2008 tại Quyết định số 271/QĐ-LĐTBXH ngày 06/3/2009 về việc đã thực hiện xuất sắc công tác Bảo hộ lao động, An toàn trong lao động sản xuất và kinh doanh;
- Và nhiều danh hiệu, bằng khen, giấy khen do Chính phủ, các Bộ, Ngành và UBND tỉnh Đắk Lắk trao tặng.

**4. Mô hình tổ chức, quản lý của Công ty**

*Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk*





**Ghi chú:** —————> : Quan hệ chỉ đạo.  
 - - - - -> : Quan hệ kiểm soát.  
 - - - - - : Quan hệ phối hợp.

Bộ máy quản lý, kiểm soát và điều hành của Dakruco gồm: Chủ tịch Công ty, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

Việc quản lý, kiểm soát và điều hành các doanh nghiệp có vốn góp của Dakruco được thực hiện theo pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp đó.

##### 5. Danh sách công ty mẹ

Không có.

##### 6. Danh sách công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty

**Bảng 3: Danh sách công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty tại thời điểm 0h ngày 01/10/2016**



| Stt       | Tên Công ty                                                       | Địa chỉ                                                                                   | Vốn<br>điều lệ  | Giá trị<br>vốn góp | Tỷ lệ<br>vốn góp |
|-----------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------|------------------|
| <b>I</b>  | <b>Công ty con</b>                                                |                                                                                           |                 |                    |                  |
| 1         | Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (DRI)                       | số 30 Nguyễn Chí Thanh, P.Tân An, Tp.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk                          | 732 tỷ đồng     | 487,5 tỷ đồng      | 66,6%            |
| 2         | Công ty cổ phần Cao su Đắk Nông (Daknoruco)                       | Thôn 13, xã Đắk Lao, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông                                         | 35 tỷ đồng      | 25,681 tỷ đồng     | 73,37%           |
| 3         | Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk – Mondulkiri (Dakmoruco)   | Phum Chrey Sen, San kat Monorum, Krong Sen Monorum, tỉnh Mondulkiri, Vương quốc Campuchia | 417,415 tỷ đồng | 290,305 tỷ đồng    | 100%             |
| 4         | Công ty TNHH Một thành viên Chỉ thun Cao su Đắk Lắk (Dakruthread) | Lô B35-B36 KCN Hòa Phú, xã Hòa Phú, Tp.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk                        | 184 tỷ đồng     | 169,3 tỷ đồng      | 100%             |
| <b>II</b> | <b>Công ty liên doanh, liên kết</b>                               |                                                                                           |                 |                    |                  |
| 1         | Công ty cổ phần Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk (Dakruwood)            | Km 19, quốc lộ 14, xã Ea D'Rong, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk                             | 6,691 tỷ đồng   | 3,019 tỷ đồng      | 45,13%           |
| 2         | Công ty cổ phần Kỹ thuật cao su Đắk Lắk (Dakrutech)               | Km 18, thôn Đoàn Kết, xã Ea D'Rong, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk                          | 15 tỷ đồng      | 5,448 tỷ đồng      | 36%              |
| 3         | Quỹ Tín dụng Cao su Đắk Lắk                                       | Km 03, quốc lộ 14, P.Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk                        | 48,198 tỷ đồng  | 6,291 tỷ đồng      | 26,41%           |
| 4         | Công ty cổ phần Cao su Thái Dương                                 | Lô số 04, đường số 07, KCN Tân Tạo, P.Tân Tạo, Q.Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh                | 50 tỷ đồng      | 24 tỷ đồng         | 15%              |

Nguồn: Công ty

**7. Tình hình lao động**

Tổng số lao động có tên trong danh sách bảng lương của Công ty có mặt đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp lúc 0h ngày 01/10/2016 là 3.079 người, trong đó:

**Bảng 4: Tình hình lao động của Công ty tại thời điểm 01/10/2016**

| Stt       | Chỉ tiêu                         | Số lao động (người) | Tỷ lệ (%) |
|-----------|----------------------------------|---------------------|-----------|
| <b>I</b>  | <b>Phân loại theo giới tính</b>  |                     |           |
| 1         | Nam                              | 1.364               | 44.30     |
| 2         | Nữ                               | 1.715               | 55.70     |
| <b>II</b> | <b>Phân loại theo trình độ</b>   |                     |           |
| 1         | Trình độ đại học và trên đại học | 245                 | 7.95      |
| 2         | Trình độ cao đẳng, trung cấp     | 104                 | 3.38      |
| 3         | Khác                             | 2.730               | 88.67     |

*Nguồn: Công ty*

Hiện nay, tình hình lao động của Dakruco tương đối ổn định, lực lượng lao động gián tiếp đã được Công ty tinh giản biên chế để mang lại hiệu quả làm việc cao hơn, bộ máy đỡ cồng kềnh và giảm chi phí; lực lượng lao động trực tiếp trong năm qua đã có biến động giảm nhưng Công ty vẫn đảm bảo đủ nhân công để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn ngành. Chất lượng lao động đảm bảo đáp ứng nhu cầu của công việc và tiếp thu trình độ kỹ thuật sản xuất trong thời kỳ mới.

**8. Tài sản, nguồn vốn tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (0h ngày 01/10/2016)****Bảng 5: Tài sản**

*Đơn vị tính: đồng*

| Stt       | Chỉ tiêu                           | Giá trị sổ sách kế toán tại 30/09/2016 |
|-----------|------------------------------------|----------------------------------------|
| <b>I.</b> | <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>            | <b>86.522.635.120</b>                  |
| 1         | Tiền và các khoản tương đương tiền | 16.411.656.757                         |
| 2         | Đầu tư tài chính ngắn hạn          | 5.600.000.000                          |
| 3         | Các khoản phải thu ngắn hạn        | 28.496.179.276                         |
| 4         | Hàng tồn kho                       | 34.809.424.409                         |
| 5         | Tài sản ngắn hạn khác              | 1.205.374.678                          |



|   |                                          |                        |                        |                        |
|---|------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| C | Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | 33.840.743.282         | 21.088.374.936         | 12.752.368.346         |
| D | Thiết bị, dụng cụ quản lý                | 3.249.234.156          | 3.037.528.478          | 211.705.678            |
| E | Vườn cây kinh doanh                      | 147.800.246.540        | 90.198.247.736         | 57.601.998.804         |
| 2 | Tài sản cố định vô hình                  | 12.772.596.658         | 1.519.999.598          | 11.252.597.060         |
| 3 | Tài sản cố định thuê tài chính           | 0                      | 0                      | 0                      |
| 4 | Bất động sản đầu tư                      | 4.900.000.000          | 0                      | 4.900.000.000          |
|   | <b>Tổng cộng</b>                         | <b>554.698.335.736</b> | <b>291.677.509.463</b> | <b>263.020.826.273</b> |

Nguồn: BCTC đã kiểm toán 30/09/2016 của Công ty

## 10. Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp các năm trước cổ phần hóa

### 10.1. Sản phẩm kinh doanh chính

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su thiên nhiên; kinh doanh xuất khẩu sản phẩm mủ cao su thiên nhiên; kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch...

Sản phẩm chính của Công ty là mủ cao su, được chia làm 2 loại chính: mủ latex và mủ cốm. Trong đó, mủ Latex ở dạng lỏng bao gồm dòng mủ HA (High Amoniac) và mủ LA (Low Amoniac), ứng dụng rộng rãi trong cuộc sống hằng ngày phục vụ cho các lĩnh vực y tế, kỹ thuật như sản xuất nệm, găng tay, keo dán, bong bóng. Trong khi đó, mủ cốm ở dạng khối có 03 dòng chính bao gồm dòng có độ mềm dẻo và có tính bám dính phục vụ để sản xuất dây thun, keo dán, mặt hông lốp xe, mặt vớt bóng bàn như, SVR CV 60, SVR 10 CV; dòng có độ đàn hồi và mài mòn cao phục vụ cho lĩnh vực sản xuất lốp xe ô tô, dây đai, cáp dây điện như SVR 3L và dòng có tính cứng phục vụ trong công nghiệp sản xuất lốp xe như SVR 10.

Quy trình sản xuất của Công ty Dakruco qua hoạt động trồng, khai thác, chế biến được chuẩn hóa theo quy trình ISO 9000.

**Bảng 8: Cơ cấu sản lượng và tỷ trọng mủ cao su theo sản phẩm từ năm 2013-2017**

| Sản phẩm | Năm 2013        |              | Năm 2014        |              | Năm 2015        |              | Năm 2016        |              | Ước thực hiện 2017 |              |
|----------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|--------------------|--------------|
|          | DT (triệu đồng) | Tỷ trọng (%) | DT (triệu đồng) | Tỷ trọng (%) | DT (triệu đồng) | Tỷ trọng (%) | DT (triệu đồng) | Tỷ trọng (%) | DT (triệu đồng)    | Tỷ trọng (%) |
| Latex HA | 44.940          | 7,7          | 39.487          | 9,8          | 27.740          | 8,4          | 25.558          | 8,4          | 13.587             | 3,6          |
| Latex LA | 0               | 0,0          | 0               | 0            | 0               | 0            | 0               | 0,0          | 0                  | 0,0          |



|                  |                |            |                |            |                |            |                |            |                |            |
|------------------|----------------|------------|----------------|------------|----------------|------------|----------------|------------|----------------|------------|
| SVR 3L           | 292.333        | 49,8       | 138.731        | 34,5       | 142.225        | 43,2       | 79.049         | 25,9       | 109.921        | 29,4       |
| SVR 5            | 7.098          | 1,2        | 25.289         | 6,3        | 7.092          | 2,2        | 6.149          | 2,0        | 6.993          | 1,9        |
| SVR 10           | 110.531        | 18,8       | 94.807         | 23,6       | 107.509        | 32,6       | 125.077        | 41,0       | 171.946        | 46,0       |
| SVR 20           | 6.149          | 1,0        | 922            | 0,2        | 1.709          | 0,5        | 7.708          | 2,5        | 1.209          | 0,3        |
| SVR 10CV         | 46.073         | 7,9        | 33.269         | 8,3        | 1.834          | 0,6        | 0              | 0,0        | 0              | 0,0        |
| SVR CV60         | 70.966         | 12,1       | 63.717         | 15,8       | 35.725         | 10,8       | 57.376         | 18,8       | 67.481         | 18,1       |
| SVR CV50         | 2.564          | 0,4        | 882            | 0,2        | 0              | 0          | 0              | 0,0        | 0              | 0,0        |
| RSS3             | 0              | 0,0        | 2.764          | 0,7        | 0              | 0          | 0              | 0,0        | 0              | 0,0        |
| MPP1             | 0              | 0,0        | 30             | 0,0        | 30             | 0,0        | 0              | 0,0        | 0              | 0,0        |
| MPP3             | 0              | 0,0        | 50             | 0,0        | 29             | 0,0        | 0              | 0,0        | 0              | 0,0        |
| Skimblock        | 4.936          | 0,8        | 2.077          | 0,5        | 3.774          | 1,1        | 1.526          | 0,5        | 2.075          | 0,6        |
| Mủ Ngoại lệ      | 1.026          | 0,2        | 0              | 0          | 1.852          | 0,6        | 2.261          | 0,7        | 565            | 0,2        |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>586.617</b> | <b>100</b> | <b>402.030</b> | <b>100</b> | <b>329.523</b> | <b>100</b> | <b>304.704</b> | <b>100</b> | <b>373.777</b> | <b>100</b> |

Nguồn: Công ty

## 10.2. Nguồn nguyên vật liệu đầu vào

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào Công ty chủ yếu từ các chi nhánh nông trường và thu mua ngoài. Trong đó chủ yếu là sản lượng từ vườn cây cao su quốc doanh đang quản lý nên tính ổn định tương đối cao. Sản lượng đầu vào đưa vào chế biến cụ thể từ 2013-2017 như sau:

**Bảng 9: Sản lượng mủ 2013-2017**

Đơn vị tính: Tấn

| Danh Mục                                 | Năm 2013      | Năm 2014      | Năm 2015      | Năm 2016     | Năm 2017      |
|------------------------------------------|---------------|---------------|---------------|--------------|---------------|
| Số lượng khai thác mủ nước Quy khô (tấn) | 6.197         | 5.616         | 4.727         | 3.846        | 4.269         |
| Số lượng khai thác mủ phụ Quy khô (tấn)  | 1.687         | 1.689         | 1.580         | 1.419        | 1.528         |
| Số lượng mua ngoài quy khô (tấn)         | 3.990         | 4.586         | 4.185         | 4.216        | 4.626         |
| <b>Tổng công (tấn)</b>                   | <b>11.874</b> | <b>11.892</b> | <b>10.492</b> | <b>9.481</b> | <b>10.423</b> |

Nguồn: Công ty

Sản lượng khai thác trong giai đoạn hiện tại là rất thấp do công ty đang bước vào chu kỳ thanh lý tái canh. Hiện nay diện tích cao su kinh doanh chỉ còn khoảng



30% tổng diện tích, trong đó phần lớn là diện tích cao su già cỗi năng suất thấp. Số diện tích còn lại là vườn cây KTCB nhưng chưa đến thời kỳ đưa vào khai thác

### **10.3. Thị trường của Công ty**

Sản phẩm của Công ty được bán cả thị trường trong nước lẫn nước ngoài, trong đó thị trường xuất khẩu chính là CHLB Đức, Mỹ, Malaysia... Nhìn chung, thị trường của Công ty đa dạng và phong phú. Điều này sẽ giúp Công ty linh hoạt trong việc bán hàng và giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh.



**DAKRUCO**

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

**10.4. Tổng hợp kết quả hoạt động SXKD trước cổ phần hóa**

- Chi phí của Công ty giai đoạn 2013-2017

**Bảng 10: Chi phí giai đoạn 2013-2017**

Đơn vị tính: triệu đồng

| Stt | Chỉ tiêu               | Năm 2013       |            | Năm 2014       |            | Năm 2015       |            | Năm 2016       |            | Năm 2017       |            |
|-----|------------------------|----------------|------------|----------------|------------|----------------|------------|----------------|------------|----------------|------------|
|     |                        | Giá trị        | Tỷ trọng   | Giá trị        | Tỷ trọng   | Giá trị        | Tỷ trọng   | Giá trị        | Tỷ trọng   | Giá trị        | Tỷ trọng   |
| 1   | Giá vốn hàng bán       | 531.588        | 79,73      | 452.967        | 82,17      | 379.406        | 56,85      | 356.314        | 84,66      | 400.732        | 77,32      |
| 2   | Chi phí tài chính      | 87.079         | 13,06      | 52.574         | 9,54       | 146.079        | 21,89      | 25.940         | 6,16       | 50.139         | 9,67       |
|     | <i>Chi phí lãi vay</i> | 47.423         | 7,11       | 51.258         | 9,30       | 47.097         | 7,06       | 47.277         | 11,23      | 43.855         | 8,46       |
| 3   | Chi phí bán hàng       | 15.621         | 2,34       | 18.198         | 3,30       | 10.667         | 1,60       | 7.328          | 1,74       | 5.462          | 1,05       |
| 4   | Chi phí QLDN           | 27.225         | 4,08       | 23.647         | 4,29       | 36.497         | 5,47       | 24.379         | 5,79       | 12.777         | 2,47       |
| 5   | Chi phí khác           | 5.190          | 0,78       | 3.842          | 0,70       | 94.687         | 14,19      | 6.920          | 1,64       | 5.323          | 1,03       |
|     | <b>Tổng cộng</b>       | <b>666.703</b> | <b>100</b> | <b>551.228</b> | <b>100</b> | <b>667.336</b> | <b>100</b> | <b>420.881</b> | <b>100</b> | <b>518.288</b> | <b>100</b> |

Nguồn: BCTC Công ty mẹ năm 2013 - 2016 đã kiểm toán độc lập, đã điều chỉnh theo kết luận của KTNV, Báo cáo tài chính 2017 công ty lập và chưa kiểm toán.

- Lợi nhuận và các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 11: Lợi nhuận giai đoạn 2013-2017**

Đơn vị tính: triệu đồng

| Stt | Chỉ tiêu                               | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015  | Năm 2016 | Năm 2017 |
|-----|----------------------------------------|----------|----------|-----------|----------|----------|
| 1   | Doanh thu thuần                        | 636.700  | 17.939   | 380.121   | 358.157  | 408.265  |
| 2   | Lợi nhuận thuần từ sản xuất kinh doanh | 32.483   | (43.450) | (165.799) | (27.610) | (21.968) |
| 3   | Lợi nhuận khác                         | 37.658   | 43.762   | (66.864)  | 59.548   | 257.804  |





PHƯƠNG ÁN CỎ PHẢN HÓA

|   |                      |        |     |           |        |         |
|---|----------------------|--------|-----|-----------|--------|---------|
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 70.142 | 312 | (232.664) | 32.038 | 235.835 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế   | 54.915 | 97  | (232.841) | 32.038 | 234.097 |

Nguồn: BCTC Công ty mẹ năm 2013 - 2016 đã kiểm toán độc lập, đã điều chỉnh theo kết luận của KTNV. Báo cáo tài chính 2017 công ty lập và chưa kiểm toán.

Trong suốt thời kỳ từ khi thành lập, Dakruco luôn hoạt động có hiệu quả, đặc biệt trong giai đoạn 2009 – 2012 là những năm có số lãi rất lớn. Bắt đầu từ năm 2014 khi giá cao su rớt sâu và kéo dài, vườn cây cao su đi vào chu kỳ thanh lý tái canh, sản lượng giảm dần đến hiệu quả thấp. Đặc biệt trong năm 2015 xuất hiện lỗ, đây là năm duy nhất trong lịch sử hình thành và phát triển của Dakruco. Số lỗ này xuất phát từ 02 yếu tố:

- Yếu tố thị trường: Giá cao su rơi vào đáy của chu kỳ.
- Công ty tiến hành thoái vốn cắt lỗ các dự án không hiệu quả: Việc thoái vốn khỏi các dự án không hiệu quả gây ra các khoản lỗ trên số sách. Tuy nhiên xét về tổng thể, việc này giúp làm lành mạnh tài chính công ty một cách bền vững. Vì sau khi cắt lỗ, công ty đã dừng được việc tiếp tục bơm vốn vào các dự án này, đồng thời ngăn chặn được các diễn biến xấu có thể xảy ra trong tương lai.

Bắt đầu từ năm 2016 sau khi đã cắt lỗ các dự án không hiệu quả, giá mù cao su có khuynh hướng khả quan hơn, đồng thời với việc các công ty con có kết quả hoạt động SXKD tích cực và đặc biệt là công ty DRI (là công ty mà Dakruco đầu tư vốn vào lớn nhất). Cộng với các khoản thu nhập từ cho thuê đất trồng xen, các nguồn thu nhập khác, tất cả đã làm cho tình hình hoạt động SXKD của công ty khả quan hơn nhiều.



**Bảng 12: Tổng hợp các chỉ tiêu tài chính chủ yếu giai đoạn 2013-2017**

| Các chỉ tiêu                                  | Đơn vị tính | Năm 2013   | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 |
|-----------------------------------------------|-------------|------------|----------|----------|----------|----------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>        |             |            |          |          |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn                     | lần         | 0,36       | 0,40     | 0,38     | 0,29     | 0,49     |
| Hệ số thanh toán nhanh                        | lần         | 0,17       | 0,16     | 0,18     | 0,14     | 0,23     |
| Hệ số thanh toán tiền mặt                     | lần         | 0,06       | 0,06     | 0,06     | 0,05     | 0,14     |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                 |             |            |          |          |          |          |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản                         | %           | 53,55      | 45,89    | 47,56    | 45,85    | 35,65    |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                       | %           | 115,3<br>1 | 84,81    | 90,70    | 84,67    | 55,41    |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>         |             |            |          |          |          |          |
| Vòng quay hàng tồn kho                        | lần/năm     | 4,77       | 4,36     | 4,87     | 6,14     | 4,46     |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản                  | %           | 0,26       | 0,23     | 0,23     | 0,22     | 0,24     |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>          |             |            |          |          |          |          |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần      | %           | 8,62       | 0,021    | -        | 8,95     | 57,34    |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) | %           | 4,89       | 0,009    | -        | 3,59     | 21,22    |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)   | %           | 2,27       | 0,005    | -        | 1,94     | 13,65    |

Nguồn: VCBS tính toán

#### 10.5. Năng lực sản xuất chế biến và trình độ công nghệ máy móc thiết bị

Hiện tại Công ty có nhà máy chế biến cao su thiên nhiên công suất 20.000 tấn/năm. Công suất dây chuyền mù phụ & dây chuyền mù nước: 10.000 tấn/năm, công suất dây chuyền mù ly tâm: 5.000 tấn/năm.

Máy móc thiết bị được lắp đặt theo từng công đoạn đầu tư của Xí nghiệp. Các thiết bị trong dây chuyền phục vụ cho sản xuất được nhập khẩu 80% từ các nước như: Malaysia, Đức, Mỹ và các Công ty sản xuất trong nước theo yêu cầu vận hành. Hàng năm, Xí nghiệp đều tiến hành nâng cấp sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ và các loại máy móc thiết bị hiện tại chất lượng còn khoảng 80%.

#### 10.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ

Dakruco được chứng nhận Hệ thống Quản lý Chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO TCVN 9001 từ năm 2000; Hệ thống Quản lý Môi trường theo Tiêu chuẩn ISO TCVN 14001 từ năm 2008; Hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo ISO/IEC 17025.



- Hệ thống Quản lý Chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO TCVN 9001:2008 đối với lĩnh vực *“Trồng, chăm sóc cây cao su; Khai thác, chế biến và cung ứng cao su thiên nhiên”*:
  - ✓ **Phạm vi áp dụng:**
    - Văn phòng Công ty;
    - Chi nhánh Nông trường cao su CuKpô ;
    - Chi nhánh Nông trường cao su Cư Bao ;
    - Chi nhánh Nông trường cao su Phú Xuân ;
    - Chi nhánh Nông trường cao su Cuôr Đăng ;
    - Chi nhánh Nông trường cao su Cư Mgar ;
    - Chi nhánh Nông trường cao su 30/4 ;
    - Chi nhánh Nông trường cao su 19/8 ;
    - Chi nhánh Trung tâm Đầu tư phát triển cao su Ea Hding ;
    - Chi nhánh Xí nghiệp chế biến và dịch vụ cao su ;
    - Công ty CP Kỹ thuật cao su;
    - Công ty CP cao su Daknoruco.
  - ✓ **Sản phẩm được kiểm soát theo Hệ thống quản lý chất lượng:**
    - Cao su thiên nhiên SVR gồm: SVRL, SVR3L, SVR5, SVR10, SVR20, SVRCV50, SVRCV60, SVR10CV, SVR20CV phù hợp với các yêu cầu của Tiêu chuẩn TCVN 3769:2004;
    - Cao su thiên nhiên cô đặc gồm: LA, HA phù hợp với các yêu cầu của Tiêu chuẩn TCVN 6314:2007.
- Hệ thống Quản lý Môi trường theo Tiêu chuẩn ISO TCVN 14001:2010 đối với lĩnh vực *“Chế biến cao su thiên nhiên”*:
  - ✓ **Phạm vi áp dụng:**
    - Khối Văn phòng Công ty;
    - Chi nhánh Xí nghiệp chế biến và dịch vụ cao su;
    - Công ty CP Kỹ thuật cao su.
  - ✓ **Địa điểm kiểm soát trọng yếu theo Hệ thống Quản lý Chất lượng**
    - **Tại xí nghiệp Chế biến và Dịch vụ Cao su:**

Đề án bảo vệ môi trường của “Xí nghiệp CB & DV cao su - Công ty cao su Đắk Lắk được phê duyệt theo Quyết định số 212/QĐ-STNMT, ngày 18/08/2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk; Xác nhận hoàn thành các nội dung của đề án bảo vệ



môi trường đã được phê duyệt của Xí nghiệp chế biến và dịch vụ cao su - Cty Cao su Đắk Lắk tại Giấy xác nhận số 913/STNMT-BVMT ngày 25/11/2011:

- Kiểm soát khí thải;
- Kiểm soát nước thải: Nước thải được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 22/GP-UBND ngày 02/8/2010; Quyết định gia hạn nội dung Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (gia hạn lần 1) số 2593/QĐ-UBND ngày 11/12/2013.
- Kiểm soát chất thải rắn: Được Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 66.000001.T cấp lại lần 1 ngày 26/9/2012.
- **Tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cao su:**
  - Kiểm soát hoạt động của phòng thí nghiệm: Chủ yếu phân tích mẫu cao su thiên nhiên SVR, cao su ly tâm LA, HA.
  - Công ty Cổ phần kỹ thuật Cao su được cấp Giấy phép khai thác nước dưới đất 3056/GP-UBND ngày 19/11/2007 với lưu lượng khai thác 800m3/ngày đêm, thời hạn 10 năm, cung cấp nước sản xuất cho Xí nghiệp Chế biến & Dịch vụ Cao su.
  - Hệ thống Quản lý Phòng thí nghiệm ISO/IEC 17025:2005 đối với lĩnh vực thử nghiệm:
  - ✓ **Phạm vi áp dụng:** tại Phòng thí nghiệm thuộc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cao su.
  - ✓ **Lĩnh vực hoạt động:** Chủ yếu phân tích mẫu cao su thiên nhiên SVR, cao su ly tâm LA, HA; Kiểm tra thành phần một số hóa chất thông thường axit, NH<sub>3</sub>...

#### **10.7. Thuế và nộp ngân sách Nhà nước**

Nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách Nhà nước được Công ty thực hiện theo đúng quy định. Bên cạnh đó Công ty thực hiện tốt việc trích – nộp bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp... đầy đủ theo luật định.

#### **10.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

Hiện nay, logo của Công ty được sử dụng như sau:

**DAKRUCO**



**DAKRUCO**

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

**11. Tình hình đất đai doanh nghiệp đang quản lý và sử dụng****11.1. Hiện trạng sử dụng đất**

Tổng diện tích đất Công ty đang quản lý, sử dụng 9.305,28ha đất. Hiện trạng sử dụng đất như sau:

- Đất nông nghiệp: 9.234,92ha; bao gồm: đất trồng cây lâu năm 8.841,13ha; đất nuôi trồng thủy sản: 4,22ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 389,57ha.
- Đất phi nông nghiệp: 45,5ha, bao gồm: đất ở tại đô thị 0,08ha; đất cơ sở y tế 0,44ha; đất cơ sở giáo dục đào tạo 0,23ha; đất cơ sở thể dục thể thao 0,92ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 35,38ha; đất bãi xử lý chất thải 1,24ha; đất có mặt nước chuyên dùng 5,16ha; đất thủy lợi 2,05ha.
- Đất chưa sử dụng: 24,86ha.

Diện tích đất Công ty đang quản lý sử dụng theo địa giới hành chính cấp huyện phân ra như sau:

- Tại thành phố Buôn Ma Thuột: diện tích 644,06ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 600,59ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường giao thông) 14,38ha; đất ở tại đô thị 0,08ha, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 6,01ha; đất chưa sử dụng 23ha.
- Tại thị xã Buôn Hồ: diện tích 1.194,65ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 1.131,94ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 59,81ha; đất cơ sở giáo dục và đào tạo 0,23ha; đất cơ sở thể dục thể thao 0,92ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 1,75ha.
- Tại huyện Krông Búk: diện tích 2.272,2ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 2.128,24ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 137,05ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 3,0ha; đất thủy lợi 2,05ha; đất chưa sử dụng 1,86ha.
- Tại huyện Cư M'gar: diện tích 4.480,84ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 4.294,28ha, đất nuôi trồng thủy sản 4,22ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 155,37ha; đất cơ sở y tế 0,44ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 20,13ha; đất bãi thải xử lý chất thải 1,24ha; đất có mặt nước chuyên dùng 5,16ha.
- Tại huyện Cư Kuin: diện tích 712,61ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 686,08ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 22,96ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 3,57ha.
- Tại huyện Buôn Đôn: diện tích 0,92ha (đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp).

**III. GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DOANH NGHIỆP VÀ GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP**

Căn cứ:

- Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk do Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) thực hiện.
- Quyết định 3629/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về phê duyệt giá trị của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk.

Tại thời điểm 0h ngày 01/10/2016, giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp như sau:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp: **2.341.705.966.816 đồng.**
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: **1.558.722.333.138 đồng.**
- Giá trị tài sản không đưa vào cổ phần hóa **11.330.685.935 đồng**

**Bảng 13: Tổng hợp kết quả đánh giá Công ty**
**Đơn vị tính: đồng**

| Chỉ tiêu                                  | Số liệu sổ sách kế toán sau xử lý tài chính | Số liệu đánh giá lại     | Chênh lệch sau khi đánh giá |
|-------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------|
| <b>A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)</b> | <b>1.736.510.528.601</b>                    | <b>2.341.705.966.816</b> | <b>605.195.438.215</b>      |
| <b>I. TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>          | <b>1.632.114.086.504</b>                    | <b>2.228.899.063.748</b> | <b>596.784.977.244</b>      |
| 1. Tài sản cố định                        | 247.415.826.273                             | 523.879.994.269          | 276.464.167.996             |
| a. TSCĐ hữu hình                          | 246.868.229.213                             | 314.952.683.742          | 68.084.454.529              |
| b. TSCĐ vô hình                           | 547.597.060                                 | 208.927.310.527          | 208.379.713.467             |
| 2. Bất động sản đầu tư                    | 4.900.000.000                               | 2.955.000.000            | -1.945.000.000              |
| 3. Các khoản phải thu dài hạn             | 97.512.111.246                              | 97.512.111.246           | 0                           |
| 4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn     | 1.046.164.962.319                           | 929.270.844.634          | -116.894.117.685            |
| 5. Chi phí XDCB dở dang                   | 232.487.291.361                             | 242.330.419.436          | 9.843.128.075               |
| 6. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn      | -                                           | -                        | -                           |
| 7. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại         | -                                           | -                        | -                           |
| 8. Chi phí trả trước dài hạn              | 3.633.895.305                               | 7.508.662.163            | 3.874.766.858               |
| 9. Điều chỉnh theo KL của KTNN            | -                                           | 425.442.032.000          | 425.442.032.000             |
| 9.1. Vườn cây cao su                      | -                                           | 165.383.544.000          | 165.383.544.000             |
| - Vườn cây cao su trồng mới, tái canh     | -                                           | 19.878.008.000           | 19.878.008.000              |
| - Vườn cây cao su thời kỳ KTCB            | -                                           | 93.721.419.000           | 93.721.419.000              |
| - Vườn cây cao su đang kinh doanh         | -                                           | 51.784.117.000           | 51.784.117.000              |
| 9.2. Hiện giá vườn cây                    | -                                           | 253.727.588.000          | 253.727.588.000             |

|                                                         |                       |                       |                      |
|---------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|
| - Hiện giá vườn cây cao su quốc doanh                   | -                     | 209.126.768.000       | 209.126.768.000      |
| - Hiện giá vườn cây cao su liên kết                     | -                     | 44.600.820.000        | 44.600.820.000       |
| 9.3. Giá trị quyền sử dụng đất 20,3 ha tại EaHdinh      | -                     | 6.330.900.000         | 6.330.900.000        |
| <b>II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn</b>                      | <b>93.691.442.097</b> | <b>93.475.320.695</b> | <b>-216.121.402</b>  |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền:                  | 16.411.656.757        | 16.342.549.117        | -69.107.640          |
| + Tiền mặt tồn quỹ                                      | 1.776.754.972         | 1.775.844.160         | -910.812             |
| + Tiền gửi ngân hàng                                    | 14.634.901.785        | 14.566.704.957        | -68.196.828          |
| 2. Đầu tư tài chính ngắn hạn                            | 5.600.000.000         | 5.600.000.000         | 0                    |
| 3. Các khoản phải thu                                   | 35.050.329.530        | 34.903.315.768        | -147.013.762         |
| 4. Vật tư hàng hoá tồn kho                              | 35.424.081.132        | 35.424.081.132        | 0                    |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                                | 1.205.374.678         | 1.205.374.678         | 0                    |
| <b>III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp</b> | <b>0</b>              | <b>4.754.079.873</b>  | <b>4.754.079.873</b> |
| <b>IV. Giá trị quyền sử dụng đất</b>                    | <b>10.705.000.000</b> | <b>14.577.502.500</b> | <b>3.872.502.500</b> |
| <b>B. Tài sản không cần dung</b>                        | <b>11.330.685.935</b> | <b>11.330.685.935</b> | <b>0</b>             |
| <b>I. TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>                        | <b>11.330.685.935</b> | <b>11.330.685.935</b> | <b>0</b>             |
| 1. TSCĐ                                                 | 11.330.685.935        | 11.330.685.935        | 0                    |
| 2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn                   | -                     | -                     | -                    |
| 3. Chi phí XDCB dở dang                                 | -                     | -                     | -                    |
| 4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn                    | -                     | -                     | -                    |
| <b>II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn:</b>                     | <b>-</b>              | <b>-</b>              | <b>-</b>             |
| 1. Công nợ không có khả năng thu hồi                    | -                     | -                     | -                    |
| 2. Hàng hóa tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất           | -                     | -                     | -                    |





DAKRUCO

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

|                                                               |                   |                   |                 |
|---------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|-----------------|
| C. Tài sản chờ thanh lý                                       | -                 | -                 | -               |
| I. TSCĐ và đầu tư dài hạn                                     | -                 | -                 | -               |
| II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn                                   | -                 | -                 | -               |
| D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng            | -                 | -                 | -               |
| TỔNG GIÁ TRỊ CỦA TÀI SẢN (A + B + C + D)                      | 1.747.841.214.536 | 2.353.036.652.751 | 605.195.438.215 |
| Trong đó:<br>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)        | 1.736.510.528.601 | 2.341.705.966.816 | 605.195.438.215 |
| E1. Giá trị của nợ phải trả (E 1.1 - E 1.2)                   | 725.749.242.692   | 782.983.633.678   | 57.234.390.986  |
| E 1.1 Tổng nợ phải trả theo bảng cân đối kế toán              | 725.749.242.692   | 782.983.633.678   | 57.234.390.986  |
| E 1.2. Quỹ khen thưởng phúc lợi đã hình thành tài sản cố định | -                 | -                 | -               |
| E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp                                  | -                 | -                 | -               |
| TỔNG GIÁ TRỊ CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU<br>[A - (E1+E2)]              | 1.010.761.285.909 | 1.558.722.333.138 | 547.961.047.229 |

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk

Một số vấn đề tồn tại cần tiếp tục xử lý:

Tại thời điểm phát hành Báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk, Công ty vẫn chưa hoàn thành kiểm tra quyết toán thuế bởi Cục thuế tỉnh Đắk Lắk;

Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk không có nợ phải thu, phải trả quá hạn thanh toán. Công ty đã tiến hành đối chiếu xác nhận nợ, hoặc tổ chức tư vấn đã dùng thủ tục thay thế để kiểm tra phát sinh sau niên độ được 9,27% các khoản công nợ phải thu (có giá trị là 11.655.434.194 đồng, ẹn lại 114.052.350.003 đồng chưa nhận được biên bản đối chiếu công nợ) và 73,11% các khoản công nợ phải trả (có giá trị là 482.166.272.534 đồng, còn lại 177.329.547.565 đồng chưa nhận được biên bản đối chiếu công nợ).

**PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA****I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU VÀ HÌNH THỨC CỔ PHẦN HÓA****1. Mục tiêu cổ phần hóa**

Cổ phần hóa Công ty để hình thành công ty đa sở hữu, huy động vốn của các nhà đầu tư để nâng cao năng lực quản trị và tài chính.

Tái cơ cấu sản xuất đối với một số lĩnh vực hiệu quả thấp.

Huy động và thu hút vốn đầu tư của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Qua đó, tạo nguồn lực để phát triển Công ty, đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ và phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của Công ty trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Tạo điều kiện cho người lao động và các cổ đông góp vốn tham gia giám sát, quản lý, gắn bó với Công ty, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước tại Công ty, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

Đổi mới hình thức sở hữu, tạo điều kiện đổi mới trong quản lý Công ty, làm cho Công ty tự chủ hơn, năng động hơn và trách nhiệm hơn, phù hợp với cơ chế thị trường và tiến trình hội nhập thương mại quốc tế.

Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường, khắc phục tình trạng cổ phần khép kín trong nội bộ Công ty, gắn với thị trường vốn và chứng khoán.

**2. Yêu cầu cổ phần hóa**

Đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty sau cổ phần hóa.

Đảm bảo an toàn, không gây ra biến động lớn trong hoạt động của hệ thống sản xuất kinh doanh Công ty.

Đảm bảo hài hòa lợi ích Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.

Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường.

**3. Hình thức cổ phần hóa**

Căn cứ Quyết định 1990/QĐ-UBND ngày 31/07/2016 của UBND Tỉnh Đắk Lắk, hình thức cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk là “bán bớt phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp”.

**II. DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA****1. Thông tin chung:**

- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
- Tên tiếng Anh: Dak Lak Rubber Joint Stock Company
- Tên viết tắt: DAKRUCO. JSC
- Trụ sở chính: 30 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại, Fax: (0262) 3865015 - (0262)3865041
- E-mail: caosu@dng.vnn.vn; caosu@dakruco.com
- Website: <http://www.dakruco.com>
- Logo:

**DAKRUCO****2. Hình thức pháp lý**

Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

**3. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa**

Kế thừa các ngành nghề kinh doanh của Công ty trước cổ phần hóa, sau cổ phần hóa, các ngành nghề kinh doanh của Công ty dự kiến như sau:

- Trồng cây cao su;
- Chế biến cao su;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng, trồng các loại cây nông nghiệp khác và chăn nuôi đại gia súc;
- Mua bán mủ cao su, nông sản và sản phẩm chăn nuôi;
- Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến cao su;
- Mua, bán phân bón, nhiên liệu, thuốc bảo vệ thực vật;
- Kinh doanh kho bãi, bốc dỡ hàng hóa và dịch vụ liên quan đến kho bãi: vận chuyển, nâng, hạ hàng hóa, bao bì, container;
- Sản xuất dụng cụ chuyên dùng cho cao su: chén hứng mủ, kiềng, máng, thùng.



- Xây dựng các công trình đường giao thông nội bộ, các công trình dân dụng quy mô nhỏ, công trình thủy lợi (công trình ngầm dưới đất, dưới nước, đường ống cấp thoát nước, trạm bơm);
- Khai khoáng đồng ruộng;
- Dịch vụ sửa chữa máy nông nghiệp;
- Chế biến gỗ với các sản phẩm: mộc dân dụng, sản xuất pallets làm bao bì;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa;
- Vận chuyển khách du lịch và làm đại lý vận chuyển khách du lịch trong nước và quốc tế; vận tải khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch;
- Kinh doanh sân tennis, sân cầu lông, hồ bơi;
- Kinh doanh nhà hàng (ăn uống, nước giải khát, rượu, bia, thuốc lá);
- Hoạt động văn hóa (tổ chức lễ hội dân gian, lễ hội văn hóa du lịch, giao lưu văn hóa);
- Mua, bán hàng mỹ nghệ và thổ cẩm;
- Kinh doanh massage, kinh doanh karaoke;
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất phân hữu cơ vi sinh;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

#### **4. Cơ cấu tổ chức**

Sau cổ phần hóa, Công ty hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.

Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty như sau:

- **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

- **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- **Thư ký Hội đồng quản trị**

01 người do Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm.

- **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

- **Ban Tổng giám đốc**

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp Tổng giám đốc điều hành Công ty có các Phó Tổng giám đốc.

Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm, Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Tổng giám đốc.

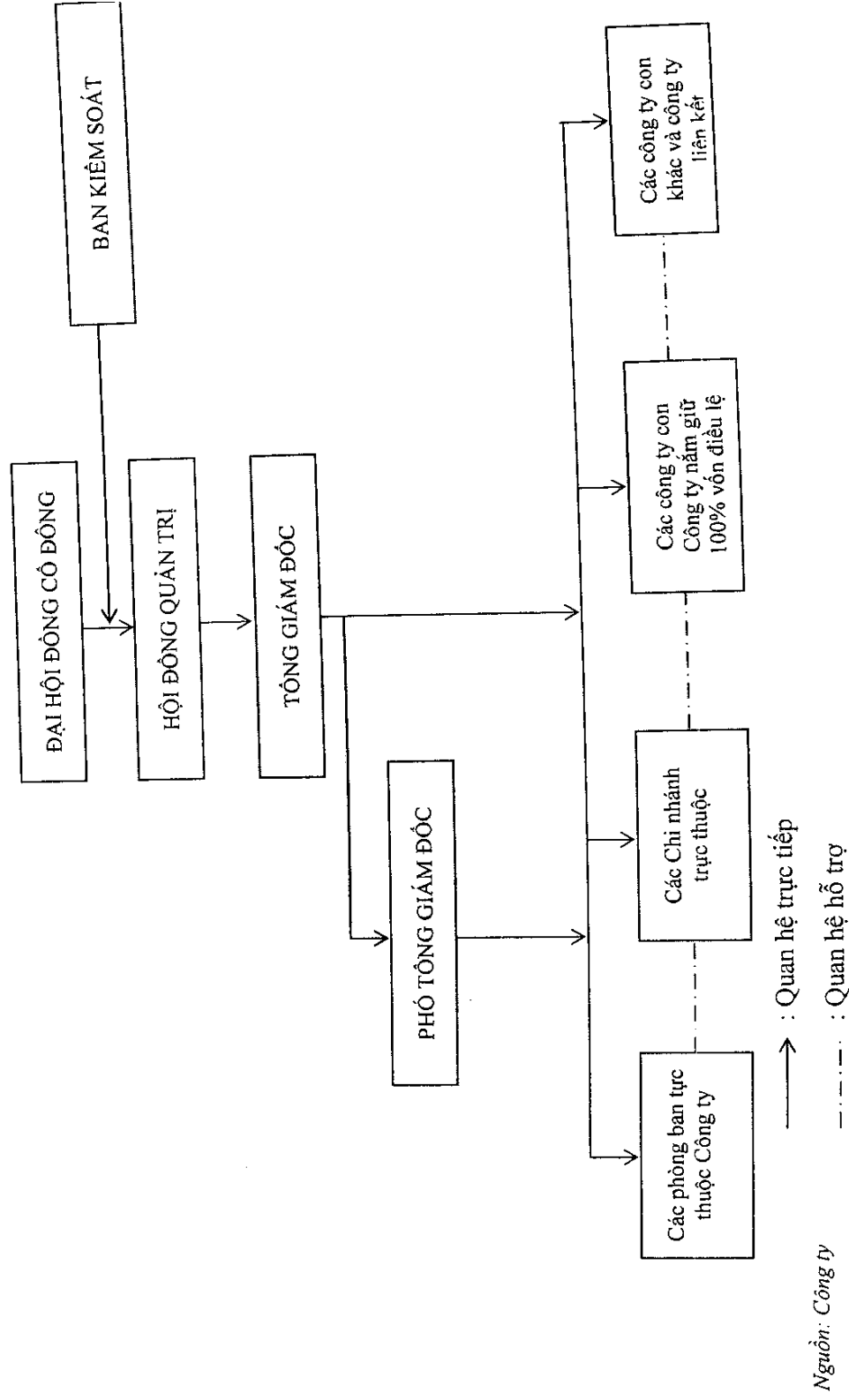
- **Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng do Tổng giám đốc đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Công ty theo đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

- **Bộ máy giúp việc**

Bộ máy giúp việc gồm các phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ; Các chi nhánh; Các xí nghiệp.

Sơ đồ 2: Sơ đồ tổ chức của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk





## 5. Vốn điều lệ

### 5.1. Căn cứ xác định vốn điều lệ

Căn cứ tại thời điểm 0h ngày 01/10/2016, giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp như sau:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp: **2.341.705.966.816 đồng.**
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: **1.558.722.333.138 đồng.**
- Giá trị tài sản không đưa vào cổ phần hóa **11.330.685.935 đồng**

Nhu cầu vốn của Công ty bao gồm nhu cầu vốn lưu động và nhu cầu vốn đầu tư cơ bản sau cổ phần hóa nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra cho giai đoạn 2018 - 2020, cũng như tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của Công ty.

### 5.2 Quy mô vốn điều lệ

- Vốn điều lệ: 1.558.000.000.000 đồng (Một nghìn năm trăm năm mươi tám tỷ đồng).
- Số lượng cổ phần: 155.800.000 cổ phần.
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Trên cơ sở các căn cứ nêu trên, quy mô vốn điều lệ của Công ty cho giai đoạn sau cổ phần hóa (2018 – 2020) như sau:

**Bảng 14: Quy mô vốn điều lệ giai đoạn 2018 – 2020**

| Chỉ tiêu           | Năm 2018          | Năm 2019          | Năm 2020          |
|--------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Vốn điều lệ (đồng) | 1.558.000.000.000 | 1.558.000.000.000 | 1.558.000.000.000 |

Nguồn: Công ty

## 6. Cổ phần

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông (đối với các cổ phần bán cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài tại doanh nghiệp, sau khi hết thời gian cam kết sẽ chuyển thành cổ đông phổ thông). Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của điều lệ công ty cổ phần và quy định của pháp luật có liên quan.

## 7. Đối tượng mua cổ phần

Theo Điều 36 của Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017, đối tượng mua cổ phần lần đầu bao gồm:



- Cán bộ công nhân viên của Công ty (người lao động đang làm việc tại Trụ sở chính Công ty, các Xí nghiệp, đơn vị trực thuộc Công ty) có mặt tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 0h ngày 01/10/2016.
- Tổ chức Công đoàn của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
- Các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia đấu giá theo quy định.
- Nhà đầu tư chiến lược: căn cứ điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 quy định *"việc tổ chức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc danh mục Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ"*, do Công ty không thuộc diện Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối nên trong đợt chào bán cổ phần lần này Công ty không triển khai bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược.

**8. Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của các cổ đông**

Công ty đề xuất xây dựng phương án Nhà nước nắm giữ cổ phần ở mức 36% vốn điều lệ. Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của cổ đông dự kiến như sau:

| Stt         | Cổ đông                                                                               | Tỷ lệ<br>nắm<br>giữ (%) | Số cổ phần<br>(Cổ phần) | Giá trị cổ phần<br>theo mệnh giá<br>(đồng) |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|--------------------------------------------|
| 1           | Cổ đông Nhà nước                                                                      | 36,00                   | 56.088.000              | 560.880.000.000                            |
| 2           | Cổ đông là CBCNV (2.1+2.2)                                                            | 1,37                    | 2.136.500               | 21.365.000.000                             |
| 2.1         | <i>Cổ phần bán giá ưu đãi bằng 60% mệnh giá</i>                                       | 1,24                    | 1.940.500               | 19.405.000.000                             |
| 2.2         | <i>Cổ phần đăng ký mua thêm theo số năm cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp</i> | 0,13                    | 196.000                 | 1.960.000.000                              |
| 3           | Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư thông thường                                   | 62,63                   | 97.575.500              | 975.755.000.000                            |
| <b>Cộng</b> |                                                                                       | <b>100,00</b>           | <b>155.800.000</b>      | <b>1.558.000.000.000</b>                   |

Nguồn: Công ty



**9. Cổ phần ưu đãi bán cho cán bộ công nhân viên****9.1. Mục tiêu**

Mục tiêu của việc bán cổ phần cho người lao động được thực hiện theo chính sách của Nhà nước nhằm gắn kết người lao động với Công ty, đồng thời nhìn nhận những đóng góp của người lao động với giá trị của Công ty và tạo động lực cho người lao động gắn bó tương lai với Công ty.

**9.2. Quy mô**

Số lượng cổ phần Công ty bán ưu đãi cho người lao động là 2.136.500 cổ phần, tương ứng với 1,37% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần. Bao gồm:

- **Cổ phần chào bán cho CBCNV theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước:**

Cổ phần được ưu đãi giảm giá bằng 60% mệnh giá theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định 126/2017/NĐ-CP được thực hiện tại Công ty theo danh sách đã được Đại hội đại biểu người lao động bất thường thông qua:

- Tổng số người được mua cổ phần giá ưu đãi: 2.679 người; 224 người không đủ điều kiện do thời gian công tác tại khu vực nhà nước dưới 1 năm.
- Tổng số người đăng ký mua cổ phần giá ưu đãi: 1.970 người, có 709 người từ chối mua cổ phần này.
- Tổng số năm làm việc trong khu vực Nhà nước tương ứng của 1.970 người đăng ký tham gia mua cổ phần giá ưu đãi theo chế độ quy định: 19.405 năm.
- Số cổ phần giá ưu đãi của 1.970 người đã đăng ký mua theo số năm làm việc trong khu vực Nhà nước: 1.940.500 cổ phần.
- Thời gian bán cổ phần cho CBCNV: Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty được phê duyệt, Công ty sẽ triển khai bán cổ phần cho người lao động.
- Giá bán: Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này bằng 60% giá trị 01 cổ phần tính theo mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần) = 6.000 đồng/1 cổ phần.
- Quy định về việc hạn chế chuyển nhượng: Số cổ phần bán với giá ưu đãi theo quy định tại khoản này, người lao động phải nắm giữ và không được chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ thời điểm nộp tiền mua cổ phần ưu đãi.
- **Cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định 126/2017/NĐ-CP được thực hiện tại Công ty theo danh sách đã được Hội nghị người lao động bất thường thông qua.**



- Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm xác định trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.
- Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Đại hội công nhân viên chức của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa.
- Tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi có trình độ nghiệp vụ cao đã được Đại hội đại biểu người lao động nhất trí thông qua.
  - ✓ Về điều kiện:
    - Độ tuổi: Nam từ 57 tuổi trở xuống và Nữ từ 52 tuổi trở xuống
    - Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa;
    - Thuộc đối tượng Công ty cần sử dụng;
    - Có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu).
  - ✓ Tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao được Công ty xây dựng như sau: Người lao động trong Công ty đáp ứng một trong các điều kiện sau:
    - Cán bộ chủ chốt Công ty (gồm: Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Trưởng/Phó phòng Công ty; Giám đốc/Phó Giám đốc, Trưởng/Phó phòng, Đội trưởng/Đội phó các đơn vị trực thuộc công ty);
    - Trưởng/phó các tổ chức đoàn thể cấp công ty và đơn vị
    - Cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, có thâm niên làm việc cho Công ty 05 năm trở lên.



- Tổng số người tham gia đăng ký mua thêm cổ phần theo mức 200 cổ phần/1 năm cam kết làm việc tiếp cho doanh nghiệp là: 82 người; Số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn này: 63.300 cổ phần.
- Tổng số người tham gia đăng ký mua thêm cổ phần theo mức 500 cổ phần/1 năm cam kết làm việc tiếp cho doanh nghiệp là: 65 người; Số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn này: 132.700 cổ phần.
- Giá bán: Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này bằng giá khởi điểm được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trong phương án cổ phần hóa.
- Thời gian bán cổ phần cho CBCNV: Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty được phê duyệt, Công ty sẽ triển khai bán cổ phần cho người lao động.
- Số cổ phần bán cho CBCNV trong trường hợp này được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.

#### **10. Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư thông thường**

Số cổ phần bán đấu giá sẽ được bán cho các nhà đầu tư theo hình thức bán đấu giá ra công chúng thông qua Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh. Cụ thể như sau:

- Số cổ phần tổ chức bán đấu giá cho các nhà đầu tư: 97.575.500 cổ phần, tương đương 62,63% vốn điều lệ của Công ty.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Tất cả các nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài đáp ứng quy định của Nghị định 126/2017/NĐ-CP.

#### **• Giá khởi điểm**

Căn cứ giá trị doanh nghiệp, tình hình của doanh nghiệp, tình hình thị trường chứng khoán và nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành nói riêng;

Căn cứ theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản được thể hiện tại Quyết định 3629/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về phê duyệt giá trị của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk. Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là: 1.558.722.333.138 đồng. Vốn chủ sở hữu tại 01/10/2016 đánh giá lại là: 1.558.722.333.138 đồng. Tổng số lượng cổ phần tương ứng là 155.800.000 cổ phần. Theo đó, giá trị sổ sách mỗi cổ phần đánh giá lại tại 01/10/2016 là 10.005 đồng/cổ phần.

Căn cứ khuyến nghị của Kiểm toán nhà nước về khoản giá trị hiện tại của giá trị thanh lý cây cao su trong khoản mục giá trị vườn cây cao su kinh doanh theo tính toán của Đoàn Kiểm toán đang thấp hơn giá trị tính toán theo giá thanh lý cây cao su tại



thời điểm 09/2017 số tiền là 396,94 tỷ đồng. Giá khởi điểm để chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk cần tính thêm khoản tăng này. Theo đó  $396.940.000.000 \text{ đồng} / 155.800.000 \text{ cổ phần} = 2.548 \text{ đồng/1 cổ phần}$ . Như vậy giá trị sổ sách mỗi cổ phần đánh giá lại tại 01/10/2016 là  $10.005 \text{ đồng/cổ phần} + 2.548 \text{ đồng/1 cổ phần} = 12.553 \text{ đồng/1 cổ phần}$ .

Căn cứ Báo cáo đề xuất giá khởi điểm của đơn vị tư vấn được đính kèm trong hồ sơ với mức giá khởi điểm được đề xuất là 12.600 đồng/1 cổ phần.

Công ty đề xuất mức giá khởi điểm là 12.600 đồng/1 cổ phần. Giá khởi điểm chính thức sẽ do cơ quan quyết định phê duyệt phương án quyết định.

- **Thời gian bán cổ phần**

Sau khi được phê duyệt Phương án cổ phần hóa, Công ty triển khai theo kế hoạch bán cổ phần cho người lao động của Công ty, và bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng.

- **Cơ quan bán đấu giá cổ phần**

Theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 thì toàn bộ cổ phần bán đấu giá (97.575.500 cổ phần) được Công ty lựa chọn tổ chức bán tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

### 11. Kế hoạch đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán

Sau khi chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty Cổ phần (Công ty) sẽ căn cứ vào quy mô vốn điều lệ và số lượng cổ đông thực tế nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật sẽ thực hiện đăng ký Công ty đại chúng tại Ủy ban chứng khoán Nhà nước, đăng ký lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch chứng khoán tập trung UPCoM trong thời hạn (90) chín mươi ngày. Trong trường hợp Công ty đủ điều kiện niêm yết, Công ty sẽ xem xét và có thể thực hiện niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

## III. PHƯƠNG ÁN LAO ĐỘNG

### 1. Kế hoạch sắp xếp lao động

Phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa tại Công ty như sau:

**Bảng 15: Kế hoạch sắp xếp lao động của Công ty**

| Stt | Chỉ tiêu                                                                                     | Số lượng (người) |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| I   | Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp                                  | 2.861            |
| 1   | Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động (Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc, Kiểm soát viên) | 3                |



|            |                                                                                                        |              |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 2          | Lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn                                       | 2.269        |
| 3          | Lao động làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng                 | 482          |
| 4          | Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng (có tham gia bảo hiểm xã hội) | 107          |
| <b>II</b>  | <b>Tổng số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp</b>                        | <b>26</b>    |
| 1          | Viên chức quản lý nghỉ theo NĐ 108/2014/NĐ-CP                                                          | 1            |
| 2          | Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện hành                                                     | 0            |
| 3          | Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động                                                              | 0            |
| 4          | Lao động chờ nghỉ việc theo quyết định của Giám đốc                                                    | 0            |
| 5          | Lao động thời vụ hết hạn HĐLĐ                                                                          | 0            |
| 6          | Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa          | 25           |
| <b>III</b> | <b>Số lao động còn hạn hợp đồng lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần</b>               | <b>2.835</b> |

Nguồn: Công ty

## 2. Kế hoạch xử lý lao động dôi dư

### 2.1. Lao động trước khi sắp xếp:

Tổng số lao động thường xuyên đến thời điểm 29/12/2017 là: 2.861 người, trong đó nữ: 1.088 người. Trong đó:

Trong đó:

- a) Viên chức quản lý: **05 người**.
- b) Lao động thường xuyên theo hợp đồng lao động: **2.856 người**.
  - Số lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động: 2.769 người
  - Số lao động đang ngừng việc: 0 người.
  - Số lao động đang nghỉ việc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (Thai sản): 75 người.
  - Số lao động đang nghỉ việc không hưởng lương: 03 người.
  - Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động: 09 người.

**2.2. Phương án sử dụng lao động:****a) Phương án sử dụng lao động theo Nghị định 63/2015/NĐ-CP:**

Số lao động tiếp tục sử dụng tại Công ty sau khi sắp xếp lại (tại thời điểm công bố giá trị DN ngày 29/12/2017): **2.831 người**, trong đó nữ: 1.077 người (*Kèm theo phụ lục mẫu số 02*).

*Trong đó:*

- Số lao động tiếp tục sử dụng: **2.831 người**
- Số lao động được đưa đi đào tạo lại để tiếp tục sử dụng: **0 người**.
- Số lao động chuyển sang làm việc không trọn thời gian: **0 người**.
- Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động: **0 người**.

Số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21 tháng 4 năm 1998, không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: **23 người**, trong đó nữ: **10 người** (*Kèm theo phụ lục mẫu số 04*).

*Trong đó:*

- Số lao động nghỉ hưu trước tuổi: **19 người**
- Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động: **04 người**.

Số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng từ ngày 21 tháng 4 năm 1998 trở về sau, không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: **02 người**, trong đó nữ: **01 người** (*Kèm theo phụ lục mẫu số 05*).

**b) Phương án sử dụng lao động theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP:**

- Tổng số viên chức quản lý của Công ty tại thời điểm 29/12/2017: 05 người
- Tổng số viên chức quản lý sau khi sắp xếp lại tiếp tục sử dụng tại thời điểm 29/12/2017: 04 người
- Tổng số viên chức không bố trí được việc làm ở Công ty sau khi sắp xếp lại: 01 người.

**2.3. Kinh phí dự kiến (thực hiện theo Nghị định 63/2015/NĐ-CP và Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH):**

- a) Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách theo Nghị định 63/2015/NĐ-CP: **2.106.770.775 đồng**.

*Trong đó:*



- Thực hiện chế độ đối với số lao động về hưu trước độ tuổi quy định: **1.577.073.775 đồng** (Kèm theo phụ lục mẫu số 06).
- Thực hiện chế độ đối với lao động tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21 tháng 4 năm 1998, không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: **486.433.000 đồng** (Kèm theo phụ lục mẫu số 08).
- Thực hiện chế độ đối với số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng từ ngày 21 tháng 4 năm 1998 trở về sau, không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: **43.264.000 đồng** (Kèm theo phụ lục mẫu số 09).
- b) Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP: **142.236.475 đồng**.

#### **2.4. Nguồn kinh phí đảm bảo**

- a) Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách theo nghị định 108/2014/NĐ-CP: **142.236.475 đồng**
- b) Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách theo nghị định 63/2015/NĐ-CP: **2.106.770.775 đồng**.

*Trong đó:*

- Nguồn từ tiền bán cổ phần: **2.249.007.250 đồng**.
- Đề nghị Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp: **0 đồng**.

#### **2.5. Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại lao động giai đoạn 2018-2020**

- **Kế hoạch tuyển dụng**

Công ty chưa có kế hoạch tuyển dụng nhân sự mới. Ban Lãnh đạo Công ty sau cổ phần sẽ xây dựng kế hoạch tuyển dụng.

- **Kế hoạch đào tạo và đào tạo lại**

Công ty không có nhu cầu đào tạo lại. Tất cả các cán bộ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần đều đáp ứng đủ yêu cầu làm việc.

**IV. CÁC RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY**

- **Rủi ro về kinh tế**

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định, bởi sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế, nên hoạt động kinh doanh của Công ty cũng sẽ chịu những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

- **Rủi ro về luật pháp**

Sau khi hoàn thành công tác cổ phần hóa, mọi hoạt động kinh doanh của Công ty đều chịu ảnh hưởng bởi các quy định của pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán, các luật về thuế... và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Hiện nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của nước ta đã dần hoàn thiện và luôn được thay đổi cho phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, hệ thống văn bản này còn phải tiếp tục điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Do vậy, việc nâng cao tính ổn định về các chính sách pháp luật của Nhà nước là hết sức cần thiết cho các doanh nghiệp, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hòa nhịp với sự vận động và phát triển không ngừng của nền kinh tế thế giới.

- **Rủi ro của đợt chào bán**

Đợt chào bán của Công ty là đợt chào bán lần đầu ra công chúng nên tính thanh khoản thấp hơn so với các công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực có cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch.

Giá mù cao su chưa có dấu hiệu phục hồi tốt, trong khi đó sản phẩm chính của Công ty lại là mù cao su, nên giảm sự kỳ vọng của các nhà đầu tư.

Đợt chào bán cổ phần của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm chính thức đấu giá, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của Công ty. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán.

- **Rủi ro khác**

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.





DAKRUCO

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

V. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA

1. Chi phí cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định 3072/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 của UBND Tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk, chi phí cổ phần hóa dự toán như sau:

Bảng 16: Dự toán chi phí cổ phần hóa của Công ty

| Stt | Khoản mục chi phí                                                                                     | Số lượng | Đơn giá   | Thời gian | Thành tiền  | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|-----------|-------------|---------|
| 1   | Khoản chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp                                                              |          |           |           | 105.000.000 |         |
| 1.1 | Chi phí tập huấn nghiệp vụ về cổ phần hóa                                                             |          |           |           | 10.000.000  |         |
|     | Chi phí thuê giảng viên tập huấn (bao gồm chi phí đi lại, ăn, nghỉ)                                   | 1        | 5.000.000 | 1         | 5.000.000   |         |
|     | Chi phí học tập = Số học viên tham gia x đơn giá 1 ngày tham gia tập huấn x thời gian tập huấn        | 60       | 50.000    | 1         | 3.000.000   |         |
|     | Chi phí in tài liệu = số tài liệu (cuốn) x đơn giá 1 cuốn tài liệu                                    | 60       | 20.000    | 1         | 1.200.000   |         |
|     | Chi phí khác                                                                                          |          |           |           | 800.000     |         |
| 1.2 | Chi phí kiểm kê, xác định giá trị tài sản = số người tham gia x đơn giá 1 ngày công x số ngày kiểm kê | 20       | 100.000   | 30        | 60.000.000  |         |
| 1.3 | Chi phí Đại hội Đại biểu CBCNV để phổ biến và triển khai cổ phần hóa                                  | 300      | 50.000    | 1         | 15.000.000  |         |
| 1.4 | Chi phí hoạt động tuyên truyền, công bố thông tin doanh nghiệp cổ phần hóa                            |          |           |           | 20.000.000  |         |



**DAKRUCO**

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

| <b>STT</b> | <b>Khoản mục chi phí</b>                                                                      | <b>Số lượng</b> | <b>Đơn giá</b> | <b>Thời gian</b> | <b>Thành tiền</b>  | <b>Ghi chú</b> |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------|------------------|--------------------|----------------|
|            | Đăng báo địa phương 2 số                                                                      | 2               | 2.000.000      |                  | 4.000.000          |                |
|            | Đăng báo trung ương 2 số                                                                      | 2               | 6.000.000      |                  | 12.000.000         |                |
|            | Đăng tin truyền hình                                                                          | 2               | 2.000.000      |                  | 4.000.000          |                |
| <b>2</b>   | <b>Chi phí cho việc tổ chức bán cổ phần</b>                                                   |                 |                |                  | <b>380.000.000</b> |                |
| 2.1        | Chi phí cho hoạt động đầu giá qua Sở giao dịch chứng khoán                                    |                 |                |                  | 300.000.000        | Theo Thông tư  |
| 2.2        | Chi phí tổ chức đại hội cổ đông lần đầu                                                       |                 |                |                  | 80.000.000         |                |
| <b>3</b>   | <b>Chi phí thuê tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp</b>                                      |                 |                |                  | <b>570.00.000</b>  |                |
| 3.1        | Tại Công ty mẹ và các chi nhánh, công ty cổ phần, công ty liên kết                            |                 |                |                  | 360.000.000        |                |
| 3.2        | Tại Công ty TNHH MTV Chi thôn cao su Đắk Lắk                                                  |                 |                |                  | 60.000.000         |                |
| 3.3        | Tại công ty TNHH MTV Đắk Lắk Muldulkiri Vương quốc Campuchia                                  |                 |                |                  | 160.000.000        |                |
| <b>4</b>   | <b>Chi phí thuê tư vấn xây dựng phương án cổ phần hóa</b>                                     |                 |                |                  | <b>150.000.000</b> |                |
| 4.1        | Tư vấn xây dựng phương án cổ phần hóa và bảo vệ phương án cổ phần hóa trước cấp có thẩm quyền |                 |                |                  | 120.000.000        |                |
| 4.2        | Tư vấn xây dựng Điều lệ công ty cổ phần                                                       |                 |                |                  | 10.000.000         |                |
| 4.3        | Tư vấn xây dựng kế hoạch 03 năm sau cổ phần hóa và tổ chức ĐHĐCĐ lần đầu                      |                 |                |                  | 20.000.000         |                |



DAKRUCO

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

| S/tt | Khoản mục chi phí                                                                                                                                       |  | Số lượng | Đơn giá   | Thời gian | Thành tiền           | Ghi chú |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------|-----------|-----------|----------------------|---------|
| 5    | Thù lao Ban chỉ đạo CPH và Tổ giúp việc                                                                                                                 |  |          |           |           | 192.000.000          |         |
| 5.1  | Thù lao Ban chỉ đạo CPH = số người x chi phí/tháng x số tháng                                                                                           |  | 8        | 1.500.000 | 8         | 96.000.000           |         |
| 5.2  | Thù lao Tổ giúp việc = số người x chi phí/tháng x số tháng                                                                                              |  | 12       | 1.000.00  | 8         | 96.000.000           |         |
| 6    | Chi phí khác                                                                                                                                            |  |          |           |           | 160.000.000          |         |
| 6.1  | Chi phí quyết toán và lập hồ sơ bàn giao sang cho công ty cổ phần                                                                                       |  |          |           |           | 100.000.000          |         |
| 6.2  | Chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, tư vấn bán đấu giá tại sở GDCK, hoàn tất thủ tục mua cho nhà đầu tư sau khi có kết quả đấu giá tại sở GDCK. |  |          |           |           |                      |         |
|      | <b>Tổng cộng</b>                                                                                                                                        |  |          |           |           | <b>1.557.000.000</b> |         |

Nguồn: Quyết định 3072/QĐ-UBND



**2. Số tiền thu được từ bán phần vốn Nhà nước**

Do chưa tổ chức bán đấu giá, chưa xác định được giá đấu thành công và giá đấu thành công thấp nhất nên Công ty tạm tính số tiền thu từ cổ phần hóa theo phương án giá định tất cả số lượng cổ phần bán ra được mua với giá theo giá khởi điểm là 12.600 đồng/cổ phần, sau khi có giá chính thức sẽ điều chỉnh theo, cụ thể như sau:

**Bảng 17: Dự kiến số tiền thu được từ bán phần vốn Nhà nước**

| STT   | Nội dung                                                                                              | Số tiền (đồng)    |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1     | Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp                                                    | 1.558.722.333.138 |
| 2     | Các khoản tiền thu từ cổ phần hóa                                                                     | 1.243.563.900.000 |
| 2.1   | Thu từ bán cổ phần cho người lao động                                                                 | 14.112.600.000    |
| 2.1.1 | Bán giá ưu đãi theo thâm niên                                                                         | 11.643.000.000    |
| 2.1.2 | Bán giá theo cam kết làm việc lâu dài                                                                 | 2.469.600.000     |
| 2.2   | Thu từ bán đấu giá cổ phần                                                                            | 1.229.451.300.000 |
| 3     | Vốn điều lệ của Công ty sau cổ phần                                                                   | 1.558.000.000.000 |
| 4     | Chi phí cổ phần hóa dự kiến                                                                           | 1.557.000.000     |
| 5     | Chi phí giải quyết cho lao động dôi dư                                                                | 2.249.007.250     |
| 6     | Số tiền thu từ bán phần vốn Nhà nước còn lại sau khi trừ đi các khoản chi theo quy định [(1+2-3-4-5)] | 1.240.480.225.888 |

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định.

#### **IV. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA**

##### **1. Dự báo giá cao su**

Theo nhận định tại Bản tin Thị trường nông, lâm, thủy sản số 6 phát hành trong tháng 1/2018 của Bộ Công thương, giá cao su đang có nhiều trợ lực để cải thiện trong thời gian tới. Lý do, cung hạn chế và cầu cải thiện nhờ nhu cầu từ Trung Quốc cao, tình hình kinh tế có xu hướng tốt lên trong thời gian qua.

Trên thực tế, trong nửa đầu tháng 12/2017, giá cao su thế giới biến động theo chiều hướng tăng. Tại Nhật Bản, kết thúc phiên giao dịch ngày 14/12/2017, giá cao su RSS 3 giao kỳ hạn tháng 1/2018 trên sàn giao dịch Tocom tăng 4,1% so với cuối tháng 11/2017, đạt 197,1 JPY/kg. Giá cao su thiên nhiên giao kỳ hạn tháng 1/2018 trên sàn giao dịch Thượng Hải (Trung Quốc) tăng 295 NDT/tấn so cuối tháng 11/2017, lên mức 13.800 NDT/tấn...

Giá cao su được hỗ trợ bởi thông tin các quốc gia sản xuất cao su hàng đầu châu Á gồm Thái Lan, Indonesia và Malaysia (chiếm gần 70% cao su tự nhiên của thế giới) thống nhất sẽ giảm khối lượng xuất khẩu cao su tự nhiên kể từ giữa tháng 12/2017. Đây là lần thứ 5 kể từ năm 2012 đến nay, Hội đồng Cao su quốc tế ba bên (ITRC) đồng ý triển khai kế hoạch giải cứu giá cao su. Trong cuộc họp năm ngoái, ITRC đã cắt giảm 615.000 tấn cao su nhằm ổn định giá.

Để thực hiện thỏa thuận, Chính phủ Thái Lan sẽ đẩy mạnh hoạt động mua vào lên đến 50-80 nghìn tấn/năm từ mức hiện tại 20-30 nghìn tấn. Với động thái này, Bộ Nông nghiệp Thái Lan đặt mục tiêu đẩy giá cao su lên trên giá thành sản xuất, đạt 51,28 Baht/kg, tương đương 1,57 USD/kg.

Với Việt Nam, tính riêng tháng 11/2017, giá xuất khẩu cao su giảm 4,6% so với tháng 10/2017 và giảm 0,2% so với cùng kỳ năm 2016, đạt bình quân 1.465 USD/tấn (giá bình quân 11 tháng năm 2017 vẫn tăng 28,2% so với cùng kỳ năm 2016, đạt 1.654 USD/tấn). Tuy nhiên, giá mủ cao su hiện cũng đang có chiều hướng tăng so với đầu tháng 12/2017. So với những ngày đầu tháng, giá mủ cao su nguyên liệu tại Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh tăng nhẹ.

Thị trường có ảnh hưởng lớn nhất đến xuất khẩu cao su của Việt Nam là Trung Quốc. Trong 11 tháng năm 2017, Trung Quốc vẫn đứng đầu về thị trường tiêu thụ cao su của Việt Nam với khối lượng đạt 785,8 nghìn tấn, trị giá đạt 1,28 tỷ USD, tăng 8,4% về lượng và tăng 39% về trị giá so với cùng kỳ năm 2016. Đáng chú ý, Trung Quốc chiếm tới 64% tổng khối lượng cao su xuất khẩu của Việt Nam, tăng so với tỷ trọng 62% của cùng kỳ năm 2016.

Theo Trung tâm Thông tin Hải quan Trung Quốc trong 10 tháng năm 2017, nhập khẩu cao su của Trung Quốc đạt 15,45 tỷ USD, tăng 45,7% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, Việt Nam đứng thứ 4 về cung cấp cao su cho Trung Quốc với kim ngạch tăng



58,8% so với cùng kỳ năm 2016. 10 tháng năm 2017, thị phần nhập khẩu cao su của Trung Quốc từ Việt Nam đã tăng lên đạt 7,8%, cao hơn so với mức 7,2% của tháng 10 tháng năm 2016.

Thời gian qua, do trên thị trường giao dịch kỳ hạn chênh lệch giá giữa các hợp đồng giao kỳ hạn ngắn với các hợp đồng giao kỳ hạn dài đang rất rộng, điều này thúc đẩy lượng nhập khẩu cao su của Trung Quốc tăng. Bên cạnh đó, nhu cầu cao su cho hoạt động sản xuất lốp của các nhà máy Trung Quốc cũng đã tăng, tỷ lệ vận hành của các nhà máy bình quân đạt công suất 65,13%. Đồng thời, tỷ giá đồng nhân dân tệ so với USD cũng tăng mạnh từ cuối tháng 8/2017 đến nay, khiến cho hàng hóa nhập khẩu trở nên rẻ hơn.

Thời gian tới, xuất khẩu cao su dự báo sẽ tiếp tục thuận lợi.

## **2. Chiến lược đầu tư sau cổ phần hóa**

Đối với mảng dịch vụ khách sạn: Công ty sẽ tiếp tục thực hiện chủ trương thoái vốn khỏi cụm dịch vụ khách sạn Dakruco. Hiện nay đã có một số nhà đầu tư đặt vấn đề mua lại toàn bộ cụm khách sạn này, tuy nhiên vì đang ở vào giai đoạn CP hóa nên công ty tạm dừng. Nội dung này sẽ tiếp tục được thực hiện sau CPH, ưu tiên thoái vốn toàn bộ và dùng nguồn vốn này trả nợ toàn bộ khoản dư nợ gốc đã vay trước đây đầu tư vào khách sạn. Số vốn còn lại được dùng để bổ sung vào dự án tái canh cao su. Qua đó sẽ giảm được toàn bộ chi phí tài chính phát sinh hàng năm, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động chung của doanh nghiệp, đồng thời bổ sung nguồn vốn đầu tư vào dự án tái canh cao su giai đoạn từ 2019.

Đối với công ty TNHH MTV Chỉ thun Đắk Lắk: phát triển sản phẩm chỉ thun nhúng silicon và chỉ thun. Hiện nay công ty đã thuê chuyên gia vào đánh giá toàn bộ quy trình sản xuất xây dựng bộ công thức mới với triển vọng qua đó tối thiểu sẽ giảm được 10% giá thành, qua đó sẽ đủ sức cạnh tranh với hàng nhập khẩu. Song song với đó sẽ kiến nghị các bộ ngành nghiên cứu các biện pháp hỗ trợ nhằm bảo hộ ngành sản xuất công nghiệp trong nước như ban hành các chính sách thuế phù hợp. Mặt khác sẽ triển khai nghiên cứu phát triển thêm các sản phẩm khác trên hạ tầng hiện đã có như sản xuất gang tay y tế, các sản phẩm khác có nguồn gốc từ cao su latex để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.

Đối với dự án tại Campuchia: Hiện nay đã triển khai đầu tư xây dựng nhà máy công nghệ mù tạt xông khói với công suất 3.000 tấn/năm, phần đầu bắt đầu đưa vào chế biến ra thành phẩm và mở rộng thị trường xuất khẩu từ Campuchia từ quý 3/2018.

Đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao: Trên cơ sở phương án sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt, trong đó sẽ chuyển 696 ha đất từ trồng cây sao su sang lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao. Quỹ đất này rất thuận lợi về địa lý, thổ nhưỡng, nguồn nước và đang được các nhà đầu tư đánh giá rất cao. Hiện tại đã có một số nhà đầu tư trình bày dự án hợp tác phát triển chuyên sâu về nông nghiệp công nghệ cao, công ty kỳ vọng sẽ mang lại giá trị gia tăng lớn từ các dự án này.



Dự án tái canh cao su: Tiếp tục đầu tư tái canh hết diện tích cao su già cỗi vào năm 2020. Toàn bộ diện tích tái canh hiện nay đều sinh trưởng phát triển tốt, mật độ cây cao, bộ giống mới, qua đó sẽ bắt đầu gia tăng sản lượng mạnh mẽ bắt đầu vào những năm sau 2024. Tiếp tục đầu tư trong cao su theo mô hình hàng kép, kết hợp trồng xen các cây nông nghiệp khác, nhằm tăng hệ số sử dụng đất, giảm suất đầu tư, để khi vườn vào kinh doanh, giá thành sẽ giảm, đảm bảo kinh doanh bền vững.



**DAKRUCO**

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

**3. Kế hoạch sản lượng của Công ty giai đoạn 2018 -2022**

**Bảng 18: Kế hoạch sản lượng sau cổ phần hóa**

| STT   | Chi tiết                               | ĐVT    | Năm   |       |       |       | Ghi chú |
|-------|----------------------------------------|--------|-------|-------|-------|-------|---------|
|       |                                        |        | 2018  | 2019  | 2020  | 2021  | 2022    |
| I     | Khối lượng sản phẩm chính              |        |       |       |       |       |         |
| 1     | Diện tích - Năng suất                  |        |       |       |       |       |         |
| 1.1   | Tổng diện tích, trong đó:              |        |       |       |       |       |         |
| 1.1.1 | Diện tích cao su khai thác và chăm sóc | Ha     | 7.994 | 7.995 | 7.994 | 7.994 | 7.994   |
|       | - Diện tích cao su khai thác           | "      | 7.647 | 7.436 | 7.298 | 7.298 | 7.298   |
|       | - Diện tích cao su KTCB                | "      | 3.714 | 3.229 | 2.903 | 2.608 | 3.285   |
|       | - Diện tích cao su trồng mới           | "      | 3.489 | 3.639 | 3.825 | 4.146 | 4.014   |
| 1.1.2 | Diện tích cao su thanh lý              | Ha     | 444   | 568   | 570   | 545   | 0       |
| 1.1.3 | Diện tích chuyển đổi cây trồng         | Ha     | 779   | 707   | 545   | 0     | 0       |
| 1.2   | Năng suất                              | Tấn/ha | 348   | 559   | 696   | 696   | 696     |
| 2     | Sản lượng                              | Tấn    | 1,14  | 1,26  | 1,28  | 1,42  | 1,40    |
| 2,1   | Cao su khai thác                       | "      | 7.727 | 8.073 | 8.211 | 8.695 | 10.108  |
| 2,2   | Cao su thu mua ngoài                   | "      | 4.232 | 4.078 | 3.716 | 3.700 | 4.613   |
|       |                                        | "      | 3.495 | 3.995 | 4.495 | 4.995 | 5.495   |





**DAKRUCO**

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

|   |                          |           |        |        |        |        |        |  |
|---|--------------------------|-----------|--------|--------|--------|--------|--------|--|
| 3 | Cao su chế biến          | Tấn       | 7.727  | 8.073  | 8.211  | 8.695  | 10.108 |  |
| 4 | Tồn kho đầu kỳ           | Tấn       | 1.500  | 700    | 700    | 700    | 700    |  |
| 5 | Cao su tiêu thụ trong kỳ | Tấn       | 8.527  | 8.073  | 8.211  | 8.695  | 10.108 |  |
|   | - Xuất khẩu              | "         | 6.822  | 6.458  | 6.569  | 6.087  | 8.086  |  |
|   | - Nội địa                | "         | 1.705  | 1.615  | 1.642  | 2.609  | 2.022  |  |
| 6 | Tồn kho cuối kỳ          |           | 700    | 700    | 700    | 700    | 700    |  |
| 7 | Giá bán bình quân        | 1000 đồng | 34.063 | 35.426 | 36.847 | 38.328 | 39.873 |  |
|   | - Xuất khẩu              | "         | 34.125 | 35.831 | 37.623 | 39.504 | 41.479 |  |
|   | - Nội địa                | "         | 34.000 | 35.020 | 36.071 | 37.153 | 38.267 |  |

Nguồn: Công ty

**4. Kế hoạch doanh thu, chi phí và lợi nhuận giai đoạn 2018 -2022**

**Bảng 19: Kế hoạch doanh thu, chi phí và lợi nhuận**

| STT | Chi tiêu         | ĐVT       | Năm         |             |             |             |             |
|-----|------------------|-----------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
|     |                  |           | 2018        | 2019        | 2020        | 2021        | 2022        |
| I   | Tổng doanh thu   | 1000 đồng | 520.320.435 | 525.309.550 | 526.490.449 | 471.085.422 | 542.839.168 |
| 1   | Doanh thu cao su | 1000 đồng | 290.450.938 | 285.991.071 | 302.548.305 | 333.264.878 | 403.018.623 |

**DAKRUCO****PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

|     |                                                                                                                                                                             |           |             |             |            |            |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------|------------|------------|-------------|
| 2   | Thanh lý vườn cây cao su (diện tích thanh lý x đơn giá thanh lý vườn cây -> DG bán bình quân 160 triệu/ha. Giá bán này được tính an toàn bằng từ 60 - 70% giá bán hiện tại) | 1000 đồng | 124.603.200 | 113.145.600 | 87.121.600 | 0          | 0           |
| 3   | Doanh thu sản phẩm dịch vụ khách sạn                                                                                                                                        | 1000 đồng | 28.000.000  | 30.000.000  |            |            |             |
| 4   | Doanh thu hoạt động tài chính                                                                                                                                               | 1000 đồng | 48.554.665  | 61.179.665  | 98.554.665 | 99.554.665 | 101.554.665 |
| 4.1 | Chênh lệch giá mua thu nợ đầu tư cao su liên kết                                                                                                                            | "         | 10.500.000  | 8.500.000   | 6.500.000  | 4.500.000  | 3.500.000   |
| 4.2 | Cổ tức được chia                                                                                                                                                            | "         | 38.054.665  | 52.679.665  | 92.054.665 | 95.054.665 | 98.054.665  |
|     | Cổ tức DRI (7->15%/năm)                                                                                                                                                     | "         | 34.125.000  | 48.750.000  | 73.125.000 | 73.125.000 | 73.125.000  |
|     | Cổ tức Quỹ TD (10%/năm qua các năm)                                                                                                                                         | "         | 629.100     | 629.100     | 629.100    | 629.100    | 629.100     |
|     | Cổ tức Cty Thái Dương (15%/năm qua các năm)                                                                                                                                 | "         | 1.125.000   | 1.125.000   | 1.125.000  | 1.125.000  | 1.125.000   |
|     | Cổ tức Cty Campuchia (0% - 7%/năm qua các năm)                                                                                                                              |           | 0           | 0           | 15.000.000 | 18.000.000 | 21.000.000  |
|     | Cổ tức các công ty CP Daknoruco và Dakrutech (7%/năm)                                                                                                                       |           | 2.175.565   | 2.175.565   | 2.175.565  | 2.175.565  | 2.175.565   |
| 5   | Thu nhập khác từ cho thuê đất trồng xen canh                                                                                                                                | "         | 21.759.432  | 23.821.014  | 24.353.679 | 24.353.679 | 24.353.679  |
|     | Thu nhập từ các hợp đồng đang thực hiện                                                                                                                                     | "         | 17.086.812  | 14.905.434  | 12.171.039 | 12.171.039 | 12.171.039  |





**DAKRUCO**

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

|            |                                                                                                                                                       |                  |                    |                    |                    |                    |                    |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
|            | Thu nhập dự kiến từ diện tích trồng mới từ năm 2018-2020 (Đơn giá thuê đất trồng xen 6 triệu đồng/ha cao su)                                          | "                | 4.672.620          | 8.915.580          | 12.182.640         | 12.182.640         | 12.182.640         |
| 6          | Thu nhập dự kiến từ các dự án chuyển đổi từ cây cao su sang nông nghiệp công nghệ cao (tạm tính bằng giá cho thuê đất trắng với giá thuê 20 triệu/ha) | "                | 6.952.200          | 11.172.200         | 13.912.200         | 13.912.200         | 13.912.200         |
| <b>II</b>  | <b>Tổng chi phí</b>                                                                                                                                   | <b>1000 đồng</b> | <b>438.951.520</b> | <b>445.459.569</b> | <b>384.569.263</b> | <b>338.521.561</b> | <b>393.534.608</b> |
| 1          | Chi phí SX cao su                                                                                                                                     | 1000 đồng        | 282.499.120        | 298.100.369        | 306.228.063        | 327.521.561        | 384.534.608        |
|            | Giá thành SX cao su                                                                                                                                   | "                | 36.560             | 36.926             | 37.295             | 37.668             | 38.044             |
|            | Chi phí SX cao su                                                                                                                                     | "                | 282.499.120        | 298.100.369        | 306.228.063        | 327.521.561        | 384.534.608        |
| 2          | Chi phí vườn cao su thành lý (GTCL tăng do định giá lại; Hiện giá vườn cây cao su TLý -> CP tính bq 120 triệu/ha cao su thành lý x DT thành lý)       | 1000 đồng        | 93.452.400         | 84.859.200         | 65.341.200         | 0                  | 0                  |
| 3          | Chi phí hoạt động SP khác                                                                                                                             | "                | 57.000.000         | 54.500.000         | 4.000.000          | 2.000.000          | 0                  |
|            | Chi phí DVKS                                                                                                                                          | "                | 45.000.000         | 46.500.000         |                    |                    |                    |
|            | Lập dự phòng lỗ các khoản đầu tư vào Công ty con.                                                                                                     | "                | 12.000.000         | 8.000.000          | 4.000.000          | 2.000.000          | 0                  |
| 4          | Chi phí hoạt động khác                                                                                                                                | 1000 đồng        | 6.000.000          | 8.000.000          | 9.000.000          | 9.000.000          | 9.000.000          |
| <b>III</b> | <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                                                                                                                           | <b>1000 đồng</b> | <b>81.368.915</b>  | <b>79.849.981</b>  | <b>141.921.187</b> | <b>132.563.861</b> | <b>149.304.560</b> |



**DAKRUCO**

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

|            |                                                            |                  |                   |                    |                    |                    |                    |
|------------|------------------------------------------------------------|------------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| <b>IV</b>  | <b>Thuế TNDN (20%)</b>                                     | <b>"</b>         | <b>8.662.850</b>  | <b>5.434.063</b>   | <b>9.973.304</b>   | <b>7.501.839</b>   | <b>10.249.979</b>  |
| <b>V</b>   | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                                  | <b>1000 đồng</b> | <b>72.706.065</b> | <b>74.415.918</b>  | <b>131.947.882</b> | <b>125.062.022</b> | <b>139.054.581</b> |
| <b>I</b>   | Dự kiến trích các quỹ như sau:                             | <b>"</b>         | <b>11.632.970</b> | <b>11.906.547</b>  | <b>21.111.661</b>  | <b>20.009.924</b>  | <b>22.248.733</b>  |
|            | <i>Trích Quỹ ĐTPT (10%)</i>                                | <b>"</b>         | <b>7.270.606</b>  | <b>7.441.592</b>   | <b>13.194.788</b>  | <b>12.506.202</b>  | <b>13.905.458</b>  |
|            | <i>Trích Quỹ ban QLĐH (1%)</i>                             | <b>"</b>         | <b>727.061</b>    | <b>744.159</b>     | <b>1.319.479</b>   | <b>1.250.620</b>   | <b>1.390.546</b>   |
|            | <i>Trích Quỹ KT, PL (5%)</i>                               | <b>"</b>         | <b>3.635.303</b>  | <b>3.720.796</b>   | <b>6.597.394</b>   | <b>6.253.101</b>   | <b>6.952.729</b>   |
| <b>2</b>   | Dự kiến tỷ lệ và số tiền chia cổ tức                       |                  |                   |                    |                    |                    |                    |
|            | <i>Tỷ lệ chia cổ tức (Dự kiến VDL 1.558 tỷ đồng)</i>       | <b>%</b>         | <b>0,0%</b>       | <b>8,2%</b>        | <b>7,4%</b>        | <b>7,0%</b>        | <b>7,8%</b>        |
|            | <i>Số tiền chia cổ tức</i>                                 | <b>1000 đồng</b> | <b>61.073.094</b> | <b>123.582.465</b> | <b>110.836.221</b> | <b>105.052.099</b> | <b>116.805.848</b> |
| <b>VI</b>  | <b>Nộp NSNN</b>                                            | <b>"</b>         | <b>14.662.850</b> | <b>11.434.063</b>  | <b>15.973.304</b>  | <b>13.501.839</b>  | <b>16.249.979</b>  |
| <b>VII</b> | <b>Nhu cầu vốn đầu tư</b>                                  | <b>1000 đồng</b> | <b>98.606.715</b> | <b>113.111.712</b> | <b>128.144.534</b> | <b>140.962.846</b> | <b>157.626.115</b> |
| <b>1</b>   | Vốn đầu tư chăm sóc vườn cây cao su KTCB và trồng tái canh | <b>1000 đồng</b> | <b>68.919.746</b> | <b>71.998.791</b>  | <b>69.637.306</b>  | <b>54.363.640</b>  | <b>45.087.847</b>  |
| <b>2</b>   | Vốn đầu tư khác                                            | <b>"</b>         | <b>10.000.000</b> | <b>11.000.000</b>  | <b>12.000.000</b>  | <b>13.000.000</b>  | <b>14.000.000</b>  |
| <b>3</b>   | Trả nợ gốc và lãi vay ngân hàng                            | <b>"</b>         | <b>19.686.969</b> | <b>30.112.921</b>  | <b>46.507.228</b>  | <b>73.599.206</b>  | <b>98.538.268</b>  |

*Nguồn: Công ty*





Lưu ý:

- Trong kế hoạch 5 năm này, theo như chủ trương của UBND tỉnh Đắk Lắk, Dakruco dự kiến sẽ tiến hành bán cụm khách sạn Dakruco trước năm 2019. Do đó từ 2019 sẽ không tính hiệu quả của đơn vị này vào.
- Trong phương án sử dụng đất được phê duyệt, công ty sẽ chuyển khoảng 670 ha từ đất trồng cao su sang đầu tư vào các dự án nông nghiệp công nghệ cao. Hiện nay đã có rất nhiều đối tác đặt vấn đề tham gia liên kết liên doanh hoặc sẽ công ty cổ phần sau này sẽ trực tiếp đầu tư (khi các đối tác tham gia góp vốn và trở thành cổ đông lớn). Các dự án này hầu hết đều rất khả thi và dự kiến sẽ cho hiệu quả rất cao, trong phương án công ty chỉ tính khoản thu nhập ở mức thấp nhất, tương đương với giá trị cho thuê đất trồng xen quy đồng đặc.

## **V. Giải pháp thực hiện**

### **1. Nhóm giải pháp về thị trường và sản phẩm**

#### **• Về tiếp thị**

- Trang bị kiến thức tiếp thị cần thiết cho các cán bộ quản lý. Đào tạo kiến thức kinh tế kỹ thuật tổng hợp cho cán bộ tiếp thị.
- Củng cố mối quan hệ bền vững với khách hàng, đẩy mạnh và tăng cường công tác Marketing và tiêu thụ đối với các thị trường có nhu cầu lớn về cao su.

#### **• Về sản phẩm, thị trường**

- Đầu tư sản xuất, kinh doanh chuyên sâu về các sản phẩm truyền thống đã khẳng định được thị phần trong những năm vừa qua.
- Xây dựng chương trình, kế hoạch mở rộng thị trường, phát huy mọi nguồn lực của Công ty, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài để từng bước tiếp cận thị trường quốc tế.
- Tập trung xúc tiến, tiếp cận các dự án ở các địa bàn chiến lược quan trọng trong phạm vi cả nước; tăng cường tiếp thị, quảng cáo và thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng

#### **• Phân khúc thị trường riêng cho từng sản phẩm**

- Phân chia thị trường ra từng nhóm cụ thể để có cách tiếp cận từng loại sản phẩm cho phù hợp.
- Hướng tới sẽ đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm SVR CV và latex để cải thiện giá bán và mở rộng thị trường
- Mặt khác, cần đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại đối với ngành cao su; hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá sản phẩm trên thị trường xuất khẩu. Mở rộng thị trường, thúc đẩy các dự án và ưu đãi trong đầu tư nhằm phát triển công nghiệp chế biến



sản phẩm cao su để nâng cao giá trị gia tăng cũng như đa dạng hóa các sản phẩm của ngành. Khuyến khích và thu hút các nhà đầu tư để mở rộng các nhà máy công nghiệp chế biến sản phẩm gần vùng nguyên liệu.

## **2. Nhóm giải pháp về vốn, tài chính**

### **• Thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực tài chính**

- Tăng cường các hình thức huy động vốn để đảm bảo vốn cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty đồng thời tích lũy vốn để mở rộng đầu tư phát triển. Công ty sẽ phát huy các nguồn vốn sau để bổ sung vốn kinh doanh, vốn điều lệ.
  - Thực hiện các giải pháp tăng vốn điều lệ và nâng cao năng lực tài chính của Công ty để có được tình hình tài chính lành mạnh khi cần thiết.
  - Tăng cường làm việc với ngân hàng đã có quan hệ tín dụng để cơ cấu lại các khoản nợ, điều chỉnh lại các khoản nợ, giảm lãi vay nhằm giảm bớt gánh nặng về tài chính; tiếp tục đề nghị bảo lãnh và vay vốn thực hiện các dự án có lợi nhuận cao.
  - Tập trung nâng cao hiệu suất sử dụng thiết bị. Điều chuyển nội bộ để sử dụng hợp lý hơn; thanh lý, bán bớt những máy móc thiết bị không còn phù hợp; cho thuê và tự khai thác để đạt hiệu quả cao nhất.
  - Thực hiện chính sách tiết kiệm, hạn chế chi tiêu; sử dụng vốn vay một cách hiệu quả nhất.
  - Đầu tư vốn hướng tới mục tiêu tận dụng hết khả năng nhân lực hiện tại, đồng thời mang lại tích lũy nhanh. Các hoạt động đầu tư sẽ nhắm tới các công ty, các dự án mang tính chiến lược và có nhiều khả năng thu lợi nhuận lớn.
  - Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát về tài chính, kế toán đối với các đơn vị trong Công ty; đồng thời đẩy mạnh công tác hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ đối với các đơn vị trực thuộc, các công ty con.
  - Thực hiện tốt công tác tài chính kế toán, công tác lao động, tiền lương, các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của Tập đoàn và pháp luật hiện hành, đảm bảo tính công khai và minh bạch.
- ### **• Thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí**
- Sắp xếp lại tổ chức bộ máy, sát nhập các nông trường, trung tâm có quy mô nhỏ để tinh gọn bộ máy, giảm chi phí quản lý.
  - Tuyên truyền vận động cán bộ công nhân viên tiết kiệm chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại...
  - Rà soát định mức tiêu hao nhiên liệu cho xe điều hành, xây dựng lại quy trình điều động xe đi công tác khoa học, hợp lý, tiết kiệm, không bị chồng chéo. Hạn chế đầu tư xe điều hành khi không cần thiết.



- Hạn chế chi phí quảng cáo, tiếp thị, tiếp khách và các chi phí gián tiếp khác...
- Hạn chế, tiết kiệm chi phí đi công tác (giảm chi phí vé máy bay, tàu xe, phòng nghỉ...). Đi công tác bằng hình thức, phương tiện theo hướng tiết kiệm.
- Bố trí lại nhân sự quản lý theo hướng tinh giản, gọn nhẹ hiệu quả.
- Rà soát bảo trì, bảo quản thiết bị, xe điều hành; phát huy hết hiệu quả sử dụng tài sản thiết bị không để tài sản chờ việc nhưng phải chịu chi phí khấu hao, sửa chữa...
- Cắt giảm chi phí hội họp, liên hoan, chúc mừng...chưa thực sự cần thiết và chi tổ chức hội họp theo hướng đơn giản, tiết kiệm, không phô trương.

### 3. Nhóm giải pháp về khoa học công nghệ

- Công ty tiếp tục tổ chức nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật về chuyên môn nghiệp vụ kết hợp với ứng dụng khoa học công nghệ, tiếp cận với các công nghệ tiên tiến trên thế giới. Khuyến khích các cá nhân, đơn vị tăng cường phát huy nghiên cứu, sáng kiến cải tiến kỹ thuật và khoa học công nghệ. Thường xuyên tổng kết đánh giá và khen thưởng xứng đáng đối với các cá nhân tập thể có thành tích và nhân rộng ra toàn Công ty.
- Thường xuyên phát động phong trào thi đua, cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ với chỉ tiêu rõ ràng. Tổ chức nghiệm thu, đánh giá kịp thời và có phần thưởng xứng đáng cho các công trình, tác phẩm trên nguyên tắc trân trọng, đánh giá đúng mức và khen thưởng kịp thời dù các sáng kiến hợp lý hóa sản xuất có giá trị nhỏ để động viên được các tập thể, cá nhân phát huy tính sáng tạo làm lợi cho Công ty. Đưa công tác nghiên cứu, sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào tiêu chuẩn xét chọn các danh hiệu thi đua.
- Tổ chức tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm việc ứng dụng từng công nghệ mới, có phương hướng tổ chức cải tiến hoàn thiện hơn để có thể triển khai sản xuất đại trà và phổ biến.

### 4. Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực

#### • Nângcao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng nguồn nhân lực

Việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng nhân sự gồm việc phân công lao động hợp lý; thường xuyên định biên đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên; thực hiện và đảm bảo các chế độ, chính sách cho người lao động.

#### *Về phân công lao động hợp lý*

- Để có cơ sở phân công lao động hợp lý, Công ty thường xuyên đánh giá năng lực cán bộ, nhân viên. Việc đánh giá năng lực của cán bộ, nhân viên được thực hiện hàng năm để đánh giá các chỉ tiêu hiệu quả làm việc, bên cạnh đó cũng thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên.



- Xây dựng bảng mô tả công việc cho từng chức danh công việc. Trên cơ sở đó, Công ty sắp xếp, bố trí, sử dụng đúng khả năng, phù hợp với nguyện vọng, năng lực và tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên nâng cao trình độ, phát huy hết khả năng của mình. Việc phân công lao động hợp lý sẽ giúp cho việc kiểm soát, quản lý và điều hành được hiệu quả.

***Thường xuyên định biên đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên***

- Định kỳ hàng năm, Công ty tiến hành định biên nhân sự bao gồm cán bộ quản lý và nhân viên lao động gián tiếp. Trên cơ sở đó có sự điều chỉnh cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển.
- Tiến hành định biên nhân sự ở từng phòng, ban sao cho phù hợp, đảm bảo bộ máy quản lý gọn nhẹ và hiệu quả cao; sau đó thực hiện việc định biên nhân sự tại các đơn vị phụ thuộc Công ty.

***Đảm bảo các chế độ chính sách và khuyến khích người lao động***

Để khuyến khích người lao động làm việc một cách tự giác, hết mình, phát huy hết khả năng của mình, Công ty có chính sách khuyến khích và có chế độ ưu đãi đối với người lao động, cụ thể là:

- Chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp, đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập và từng bước nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người lao động; thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động.
  - Đổi mới chế độ lương, thưởng; xây dựng chế độ lương, thưởng hợp lý, khoa học, bảo đảm công bằng trong phân phối và phù hợp với tốc độ tăng năng suất lao động, xứng đáng với công sức lao động mà người lao động bỏ ra.
  - Xem xét hình thức trả lương theo kết quả công việc, trên cơ sở xác định chính xác giá trị công việc, độ phức tạp của công việc, điều kiện đặc thù của công việc với các yếu tố thực tế.
  - Tạo điều kiện thuận lợi cho những cán bộ có năng lực được cống hiến và phát triển. Có chính sách đãi ngộ đối với người lao động có đóng góp đặc biệt vào hiệu quả sản xuất kinh doanh.
  - Không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người lao động. Thường xuyên tổ chức, phát động các phong trào văn hóa, văn nghệ, TDTT, tạo sân chơi lành mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần trong CB-CNV. Tăng cường hơn nữa công tác y tế, chăm sóc sức khỏe, phòng chống các loại dịch bệnh, bệnh nghề nghiệp, nhất là đối với những người làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại. Kịp thời động viên, khen thưởng các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, có sáng kiến cải tiến công cụ, phương pháp làm việc. Xử phạt nghiêm minh các trường hợp vi phạm nội quy, quy chế của Công ty
- **Nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự**





Công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự là hoạt động quản lý nhân lực quan trọng. Trong quá trình tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự cần lựa chọn những cá nhân thích hợp, có đầy đủ trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức. Công ty xem xét thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện đúng quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự, đánh giá đúng trình độ, năng lực của ứng viên, lựa chọn những người có năng lực thực sự và phù hợp với công việc góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và hiệu quả kinh doanh.
- Cán bộ được bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo, quản lý, ngoài khả năng chuyên môn, cần đánh giá tư chất lãnh đạo qua khả năng thu hút đám đông, có uy với đồng nghiệp, cá tính phù hợp như phải quyết đoán, dũng cảm, khách quan, có khả năng tiếp thu các vấn đề khó, phức tạp, sẵn sàng nhận nhiệm vụ, dám nhận trách nhiệm.
- Thực hiện tốt công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự, Công ty sẽ xây dựng được một đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, năng lực giỏi, thành thạo trong việc sử dụng trang thiết bị mới và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất kinh doanh; tạo điều kiện để làm tinh gọn bộ máy quản lý, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

• **Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực**

Để nắm bắt nhanh các cơ hội kinh doanh, đồng thời thích ứng và đối phó hiệu quả với những thách thức thường xuyên của thị trường. Công ty thực hiện công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực như sau:

- Thường xuyên tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên được nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng tay nghề thông qua việc tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Thực hiện tốt công tác đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao để người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ, công việc theo yêu cầu nhằm hoàn thành khối lượng, chất lượng sản phẩm cho Công ty.
- Chú trọng việc trẻ hóa đội ngũ cán bộ. Áp dụng những tiến bộ khoa học, công nghệ thông tin vào công tác quản lý nguồn nhân lực, tổ chức sắp xếp lại lao động giảm tỉ lệ quản lý, nhất là việc áp dụng phần mềm vào công tác quản lý kế toán, tiền lương, vườn cây nhằm đáp ứng kịp thời cho công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty trước tình hình mới.
- Tiếp tục tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ có kiến thức mới; có kế hoạch bổ sung thay thế và nâng cao chất lượng lao động trên cơ sở thực hiện tốt công tác đào tạo kết hợp với việc tuyển dụng mới lao động được đào tạo cơ bản. Đặc biệt chú trọng đến đội ngũ cán bộ trẻ, coi đó là việc đầu tư cho tương lai.
- Công ty có biện pháp hỗ trợ nguồn nhân lực tại các công ty thành viên và nâng cao chất lượng đào tạo lao động nhằm xây dựng một lực lượng lao động chuyên nghiệp.



- **Thu hút và sử dụng nhân tài**

*Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nhân tài từ bên ngoài vào Công ty*

- Xây dựng chính sách ưu đãi về tiền lương, tiền thưởng và các chính sách khuyến khích khác như bổ nhiệm, giao nhiệm vụ quan trọng, phương tiện đi lại... để thu hút chuyên gia trình độ cao và nhân tài.
- Thực hiện chính sách ưu tiên tuyển dụng đối với các đối tượng là sinh viên tốt nghiệp đại học đạt loại xuất sắc, loại giỏi chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí cần tuyển; người có bằng thạc sĩ tuổi đời dưới 30, tiến sĩ tuổi đời dưới 35, chuyên gia trình độ cao có chuyên ngành đào tạo thuộc các chuyên ngành, lĩnh vực quản trị, kinh doanh quan trọng của Công ty; công nhân kỹ thuật có tay nghề cao.

*Thực hiện kế hoạch sử dụng nhân tài của Công ty*

- Cụ thể hoá các cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhân tài, tạo điều kiện để nhân tài phát triển, cống hiến cho Công ty và tự khẳng định mình để được xã hội tôn vinh.
- Thực hiện chính sách trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh nhân tài. Xây dựng chính sách đãi ngộ nhân tài như chế độ lương, điều kiện làm việc, khen thưởng, tôn vinh người có tài, người có công, bố trí sử dụng nhân tài; tạo môi trường làm việc và có chính sách khuyến khích những công trình nghiên cứu, sáng kiến cải tiến kỹ thuật có giá trị thực tiễn cao.
- Tiến hành đánh giá và có kế hoạch bố trí, sử dụng nhân tài một cách hợp lý. Cán bộ, nhân viên thuộc diện tài năng trẻ, nhân lực chất lượng cao được ưu tiên tạo điều kiện trong công tác, cụ thể như sau:
  - Được bố trí, phân công công việc phù hợp với năng lực, sở trường, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
  - Được ưu tiên tạo điều kiện về phương tiện làm việc, nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ.
  - Được ưu tiên xem xét trong việc bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý của Công ty.

**5. Nhóm giải pháp về quản trị doanh nghiệp**

- **Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ**

- Việc chuyển đổi Công ty từ loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần sẽ có những thay đổi nhất định trong tổ chức và điều hành hoạt động của Công ty. Ngay sau khi được chuyển đổi thành công ty cổ phần, Công ty sẽ triển khai xây dựng hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ làm công cụ và cơ sở pháp lý nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành và tính chuyên



ngành của Công ty. Công ty sẽ tiến hành xây dựng hoàn thiện hệ thống các quy chế thuộc các lĩnh vực:

- Quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
  - Quan hệ nội bộ Công ty.
  - Quan hệ giữa Công ty với các công ty thành viên.
  - Quản lý tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.
- Việc xây dựng và hoàn thiện các Quy chế quản lý nội bộ giúp Công ty có được một hệ thống hoàn chỉnh các văn bản quy định về tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách tạo hành lang pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty. Các Quy chế cũng là cơ sở để xem xét trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Công ty giao và giúp cho hoạt động quản lý, điều hành được nhịp nhàng và thông suốt.
- **Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý**
  - Công nghệ thông tin đóng một vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và đã chứng tỏ tầm ảnh hưởng rất lớn đến mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là hoạt động quản lý kinh doanh của doanh nghiệp.
  - Để phát huy vai trò của công nghệ thông tin trong quản lý kinh doanh, Công ty cần đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin, vừa để tạo ra những biến chuyển mang tính bước ngoặt trong sản xuất, vừa góp phần giảm nhẹ các thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Công ty đề ra các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý như sau:
    - Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, kinh doanh bao gồm các nội dung chủ yếu như: hệ thống thư điện tử; hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành; số hóa nguồn thông tin ở dạng số theo thứ tự ưu tiên về thời gian và tầm quan trọng; tăng cường sử dụng văn bản điện tử; phát triển và cung cấp thông tin trực tuyến; thông tin công khai về tuyển dụng, chế độ lương, hưu, bảo hiểm, khen thưởng và kỷ luật.
    - Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin; tiếp tục xây dựng, bồi dưỡng kiến thức công nghệ thông tin cho cán bộ, công nhân viên; nghiên cứu xây dựng chế độ ưu đãi đối với cán bộ, công nhân viên chuyên trách về công nghệ thông tin; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dự án và đẩy mạnh ứng dụng đào tạo trực tuyến cho cán bộ, công nhân viên.
    - Đầu tư thiết bị công nghệ thông tin một cách đồng bộ; trang bị sử dụng một số phần mềm chuyên dụng để ứng dụng vào quản lý, kinh doanh như: phần



mềm dùng chung quản lý văn bản, phần mềm quản lý nhân sự - lao động, phần mềm quản lý vật tư - thiết bị để giảm thiểu việc sử dụng giấy tờ; khuyến khích cán bộ, công nhân viên khai thác thông tin trên môi trường mạng phục vụ công tác.

- Tăng cường và khuyến khích sử dụng các hình thức truyền thông cơ bản như thư điện tử, điện thoại, fax; đưa thông tin lên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Công ty để trao đổi thông tin ở khoảng cách xa, tạo thói quen làm việc của cán bộ, công nhân viên trên môi trường mạng và hệ thống thông tin trợ giúp nhằm thay thế văn bản giấy.
- Từng bước tích hợp các hệ thống thông tin, tiếp tục xây dựng và mở rộng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành chung của Công ty ...

**6. Nhóm giải pháp về sắp xếp tổ chức bộ máy**

Việc tổ chức lại các phòng, ban đảm bảo phù hợp giữa chức năng, lĩnh vực quản lý và bộ phận quản lý sao cho tất cả các chức năng và lĩnh vực quản lý đều có phòng ban, nhân viên phụ trách và mỗi một phòng ban, nhân viên đều có công việc phụ trách. Việc tổ chức lại bộ máy giúp việc được thực hiện theo hướng sau:

- Nghiên cứu làm tinh gọn bộ máy, giảm được các mối quan hệ công tác, đồng thời tiết kiệm các chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý.
- Nghiên cứu thành lập Bộ phận kiểm soát nội bộ để thực hiện chức năng giúp lãnh đạo Công ty quản lý hữu hiệu và hiệu quả hơn các nguồn lực góp phần hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh, đồng thời giúp xây dựng một nền tảng quản lý vững chắc phục vụ cho quá trình mở rộng sản xuất và phát triển của Công ty.

**PHẦN IV: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA CÔNG TYSAU CỔ PHẦN HÓA**

Căn cứ Quyết định số 2201/QĐ-UBND ngày 18/08/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk, phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty sau cổ phần hóa như sau:

- **Diện tích đất Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk giữ lại:**
  - a) Tổng diện tích đất Công ty giữ lại 9.268,5ha. Trong đó:
    - Đất nông nghiệp: 9.231,7ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm: 8.837,91ha; đất nuôi trồng thủy sản: 4,22ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 389,57ha.
    - Đất phi nông nghiệp: 34,94ha, bao gồm: đất ở tại đô thị 0,08ha; đất cơ sở y tế 0,44ha; đất cơ sở thể dục thể thao 0,92ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 32,00ha, đất bãi thải xử lý chất thải 1,24ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,26ha.
    - Đất chưa sử dụng: 1,86ha.
  - b) Diện tích đất Công ty giữ lại theo địa giới hành chính cấp huyện phân ra như sau:
    - Tại thành phố Buôn Ma Thuột: diện tích 621,06ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 600,59ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 14,38ha; đất ở tại đô thị 0,08ha; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 6,01ha.
    - Tại thị xã Buôn Hồ: diện tích 1.194,42ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 1.131,94ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 59,81ha; đất cơ sở thể dục thể thao 0,92ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 1,75ha.
    - Tại huyện Krông Búk: diện tích 2.270,15ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 2.128,24ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 137,05ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 3,00ha; đất chưa sử dụng 1,86ha.
    - Tại huyện Cư M'gar: diện tích 4.469,34ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 4.291,06ha; đất nuôi trồng thủy sản 4,22ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 155,37ha; đất cơ sở y tế 0,44ha; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 16,75ha; đất bãi thải xử lý chất thải 1,24ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,26ha.
    - Tại huyện Cư Kuin: diện tích 712,61ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 686,08ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 22,96ha; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 3,57ha.



- Tại huyện Cư Buôn Đôn: diện tích 0,92ha (đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp).
- **Diện tích đất Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk bàn giao về địa phương quản lý:**
  - a) Tổng diện tích đất Công ty bàn giao về địa phương quản lý: 36,78ha. Trong đó:
    - Đất nông nghiệp: 3,22ha (đất trồng cây lâu năm).
    - Đất phi nông nghiệp: 10,56ha, bao gồm: đất cơ sở giáo dục đào tạo 0,23ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 3,38ha; đất có mặt nước chuyên dùng 4,90ha; đất thủy lợi 2,05ha.
    - Đất chưa sử dụng: 23ha.
  - b) Diện tích đất Công ty bàn giao cho địa phương quản lý theo địa giới hành chính cấp huyện, như sau:
    - Tại thành phố Buôn Ma Thuột: diện tích 23ha (đất chưa sử dụng) thuộc các thửa đất, như sau:
      - Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 61 tại phường Tân An: diện tích 16,93 ha.
      - Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 66 tại phường Tân An: diện tích 6,07ha.
    - Tại thị xã Buôn Hồ: diện tích: 0,23ha (đất cơ sở giáo dục và đào tạo) thuộc thửa đất số 31, tờ bản đồ số 33 tại xã Cư Bao.
    - Tại huyện Krông Búk: diện tích: 2,05ha (đất thủy lợi) thuộc thửa đất số 61, tờ bản đồ số 6 tại xã Chư Kbô.
    - Tại huyện Cư M'gar: diện tích 11,5ha. Trong đó:
      - Đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm): 3,22ha thuộc các thửa đất số: 23, 35, 37, 38, 40, 41, 42, 43, 44, tờ bản đồ số 54 tại xã Ea Drong.
      - Đất phi nông nghiệp: diện tích 8,28ha, bao gồm: đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 3,38ha (thuộc các thửa đất số: thửa số 70, tờ bản đồ 6, thửa đất số 5, tờ bản đồ 54. Một phần thửa đất số 1, tờ bản đồ số 47, xã Ea Drong); đất có mặt nước chuyên dùng 4,9ha thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ số 53 tại xã Ea Drong.
  - c) Về danh mục các dự án UBND Tỉnh Đắk Lắk đã có quyết định chủ trương đầu tư, danh mục dự án kêu gọi đầu tư đã được UBND tỉnh phê duyệt thuộc dự diện tích đất của Công ty. – Xem phụ lục đính kèm quyết định 2201/QĐ-UBND ngày 18/08/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk, phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty.



DAKRUCO

## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Bảng 20: Bảng tổng hợp phương án sử dụng đất của Công ty sau cổ phần hóa

| Chỉ tiêu/Các đơn vị                         | CƯ KPO  | CƯ BAO  | PHÚ XUÂN | XN CB | CUỐR ĐĂNG | NT 30/4 | CU MGAR | EA HĐINH | CN NT 19/8 | Buôn Đôn | VP CÔNG TY | Tổng  | Dự kiến bán giao địa phương | Dự kiến phương án sử dụng đất |
|---------------------------------------------|---------|---------|----------|-------|-----------|---------|---------|----------|------------|----------|------------|-------|-----------------------------|-------------------------------|
| <b>Tổng diện tích hiện tại đang quản lý</b> | 2272220 | 1149027 | 1135167  | 1036  | 76017     | 68592   | 147519  | 3380     | 71261      | 0,92     | 566        | 93053 | 3678                        | 92695                         |
| 1. Đất phi nông nghiệp                      | 5,05    | 2,89    | 8,87     | 10,86 | 4,58      | 2,43    | 2,38    | 0,28     | 3,57       | 0,92     | 3,66       | 45,5  | 10,56                       | 34,9                          |
| - Đất sản xuất kinh doanh phi NN            | 3,00    | 1,74    | 3,97     | 9,36  | 4,14      | 2,43    | 2,38    | 0,28     | 3,57       | 0,92     | 3,58       | 35,4  | -                           | -                             |
| Trụ sở                                      | 1,53    | 1,55    | 3,97     | -     | 4,14      | 1,10    | 1,97    | 0,28     | 1,80       | -        | 3,58       | 19,9  | 3,39                        | 16,5                          |
| Cơ sở SX, kinh doanh, dịch vụ               | 1,47    | -       | -        | 7,89  | -         | 0,33    | -       | -        | 1,45       | 0,92     | -          | 12,1  | -                           | 12,1                          |
| Đất nhà tập thể                             | -       | 0,20    | -        | 1,46  | -         | 1,00    | 0,41    | -        | 0,32       | -        | -          | 3,4   | -                           | 3,4                           |
| - Đất thể dục thể thao                      | -       | 0,92    | -        | -     | -         | -       | -       | -        | -          | -        | -          | 0,9   | -                           | 0,9                           |
| - Đất giáo dục                              | -       | 0,23    | -        | -     | -         | -       | -       | -        | -          | -        | -          | 0,2   | 0,23                        | -                             |
| - Đất trạm y tế                             | -       | -       | -        | -     | 0,44      | -       | -       | -        | -          | -        | -          | 0,4   | -                           | 0,4                           |
| - Đất xử lý nước thải                       | -       | -       | -        | 1,24  | -         | -       | -       | -        | -          | -        | -          | 1,2   | -                           | 1,2                           |
| - Mặt nước CD                               | -       | -       | 4,90     | 0,26  | -         | -       | -       | -        | -          | -        | -          | 5,2   | 4,90                        | 0,3                           |



**PHƯƠNG AN CỔ PHẦN HÓA**

[illegible]





DAKRUCO

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

|                          |      |   |   |   |   |   |   |   |   |       |      |       |       |
|--------------------------|------|---|---|---|---|---|---|---|---|-------|------|-------|-------|
| -Bờ lô                   | 1,86 | - | - | - | - | - | - | - | - | -     | 1,9  |       | 1,9   |
| -Quy hoạch của UBND tỉnh | -    | - | - | - | - | - | - | - | - | 23,00 | 23,0 | 23,00 | (0,0) |

Nguồn: Công ty





**PHẦN V: DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN**

Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ công ty đại chúng và các văn bản pháp luật hiện hành. Dự thảo Điều lệ công ty cổ phần được đính kèm theo phương án.

----- (file đính kèm) -----



**PHẦN VII: KẾT LUẬN**

Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắc Lắc là phù hợp với chủ trương của Nhà nước và cần thiết để huy động vốn, mở rộng quy mô hoạt động của doanh nghiệp cũng như nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;

Kính đề nghị Ban chỉ đạo cổ phần hóa xem xét trình Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắc Lắc phê duyệt Phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắc Lắc để triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo./.



## **DỰ THẢO ĐIỀU LỆ**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

#### **TỔ CHỨC TƯ VẤN**



**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP  
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP.HCM**

Địa chỉ: Lầu 1 và Lầu 7, Tòa nhà Green Star, 70 Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3,  
Tp.HCM

Điện thoại: (028) 38 200 751 Fax: (028) 38 200 771

Website: [www.vCBS.com.vn](http://www.vCBS.com.vn)

**Đắk Lắk, Tháng 03/2018**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---

**ĐIỀU LỆ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 (năm 2014) và các quy định pháp luật hiện hành khác;

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk thống nhất ban hành Điều lệ tại cuộc họp ngày tháng năm 2018 với những chương, điều, khoản sau:

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Giải thích từ ngữ**

1. Điều lệ này quy định về việc tổ chức quản lý và hoạt động có liên quan của Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk, là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH một thành viên Cao su Đắk Lắk – Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk.

2. Trong Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

“Công ty” có nghĩa là Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk.

“Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

“Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp loại hình công ty cổ phần lần đầu.

“Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

“Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

“Người quản lý công ty” bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty, cụ thể: Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người đứng đầu Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty.

“Vốn có quyền biểu quyết” là cổ phần của cổ đông sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

“Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán của Công ty.

“Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 05% tổng số cổ phần của Công ty.

3. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

4. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

5. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## **Điều 2. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân**

1. Công ty là doanh nghiệp tổ chức và hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Công ty có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền đồng Việt Nam và ngoại tệ tại các Ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình.

## **Điều 3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty**

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy của các tổ chức đó.

## **Chương II**

### **TÊN, TRỤ SỞ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG, CON DẤU DOANH NGHIỆP**

#### **Điều 4. Tên, biểu tượng, trụ sở chính**

1. Tên gọi:

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

- Tên tiếng Anh: DAK LAK RUBBER JOINT STOCK COMPANY

2. Logo, biểu tượng:

3. Trụ sở chính:

- Sản xuất phân hữu cơ vi sinh;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

2. Công ty được quyền tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành, nghề thông báo và bản Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp nhằm đạt được các mục tiêu của Công ty. Công ty được quyền tiến hành những hoạt động kinh doanh khác mà pháp luật cho phép nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể thay đổi ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật, sau khi được Đại hội đồng cổ đông tán thành

3. Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của mình và các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật; khai thác tối đa các nguồn lực của Công ty, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập, đời sống cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.

#### **Điều 6. Người đại diện theo pháp luật**

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật là người giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty và Tổng Giám đốc.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm phân công nhiệm vụ của từng người đại diện theo pháp luật cho rõ ràng và đầy đủ theo quy định của pháp luật và tình hình hoạt động của Công ty, để thuận lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

#### **Điều 7. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của công ty:**

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chỉ phối tại các doanh nghiệp khác.

2. Chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

#### **Điều 8. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông**

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông công ty là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định: Tổ chức là cổ đông công ty cổ phần có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện.

3. Trường hợp cổ đông công ty là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

4. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho công ty và chỉ có hiệu lực đối với công ty kể từ ngày công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, mã số doanh nghiệp (nếu có), địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;

b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;

d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;

e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;

c) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác do cổ đông quy định phù hợp quy định của pháp luật.

**Điều 9. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức**



1. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

2. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông ủy quyền.

3. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

#### **Điều 10. Quy định về con dấu công ty**

1. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung con dấu Công ty thể hiện những thông tin sau đây: a) Tên doanh nghiệp; b) Mã số doanh nghiệp c) Tên địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở. Sau khi khắc con dấu, Công ty thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Công ty chỉ được sử dụng con dấu sau khi mẫu con dấu được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và nhận được Thông báo về việc đăng tải thông tin về mẫu con dấu doanh nghiệp của cơ quan đăng ký kinh doanh. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật về việc sử dụng dấu.

3. Việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu giao cho một người người đại diện theo pháp luật của công ty. Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác, hợp pháp, phù hợp thuần phong mỹ tục, văn hóa, khả năng gây nhầm lẫn của mẫu con dấu và tranh chấp phát sinh do việc quản lý và sử dụng con dấu. Tranh chấp về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty, việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu doanh nghiệp được giải quyết tại Tòa án hoặc trọng tài.

### **Chương III**

## **VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 11. Vốn điều lệ**

1. Tại ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là 1.558.000.000.000 VND (Một nghìn năm trăm năm mươi tám tỷ đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 155.800.000 cổ phần với mệnh giá của mỗi cổ phần là 10.000 VND (mười ngàn đồng).

2. Vốn điều lệ có thể tăng hoặc giảm do yêu cầu tình hình hoạt động của công ty và do quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 12. Cổ phần**

Tất cả các cổ phần được phát hành của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

### **Điều 13. Quyền của cổ đông phổ thông**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp sau:

- Số cổ phần bán với giá ưu đãi cho người lao động khi thực hiện chính sách cổ phần hóa, người lao động phải nắm giữ và không được chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ thời điểm nộp tiền mua cổ phần ưu đãi.

- Cổ đông nắm giữ trên 35% tổng số cổ phần khi cổ phần hóa không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty;

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau đây:

a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

đ) Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

c) Trường hợp khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định, tại điểm a khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

#### **Điều 14. Trách nhiệm, nghĩa vụ của cổ đông phổ thông**

1. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế nội bộ về quản trị của Công ty.
2. Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
3. Thanh toán đủ và đúng hạn số cổ phần cam kết mua.
4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này, thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
  5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
  6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.
  7. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
    - a) Vi phạm Pháp luật;
    - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
    - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
  8. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.
  9. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
  10. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật; đồng thời có nghĩa vụ tham gia biểu quyết thực hiện Phương án sử dụng lao động, Phương án sử dụng đất được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt.

#### **Điều 15. Cổ phiếu**

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
  - b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
  - c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;

đ) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;

e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;

g) Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;

2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.

Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy;

b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

#### **Điều 16. Sổ đăng ký cổ đông**

1. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2. Sổ đăng ký cổ đông có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

#### **Điều 17. Chào bán cổ phần**

1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

- a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
- b) Chào bán ra công chúng;
- c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.

3. Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của Công ty sau khi đủ điều kiện là Công ty cổ phần niêm yết và đại chúng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

#### **Điều 18. Chào bán cổ phần riêng lẻ**

Việc chào bán cổ phần riêng lẻ của Công ty trong trường hợp chưa là công ty cổ phần đại chúng được thực hiện như sau:

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định chào bán cổ phần riêng lẻ, Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần riêng lẻ với Cơ quan đăng ký kinh doanh. Kèm theo thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ phải có các tài liệu sau đây:

- a) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về chào bán cổ phần riêng lẻ;
- b) Phương án chào bán cổ phần riêng lẻ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

2. Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Tổng số cổ phần dự định chào bán; các loại cổ phần chào bán và số lượng cổ phần chào bán mỗi loại;
- c) Thời điểm, hình thức chào bán cổ phần;
- d) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty;

3. Công ty có quyền bán cổ phần sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày gửi thông báo mà không nhận được ý kiến phản đối của Cơ quan đăng ký kinh doanh;

4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ với cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

#### **Điều 19. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu**

1. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty.

2. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu của Công ty trong trường hợp chưa là công ty cổ phần đại chúng được thực hiện như sau:

a) Công ty thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;

b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do Công ty phát hành. Trường hợp phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua;

c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.

3. Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.

4. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.

5. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật doanh

nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.

#### **Điều 20. Bán cổ phần**

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

1. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
2. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông;
3. Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 21. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp hạn chế chuyển nhượng cổ phần của cổ đông quy định tại điểm d khoản 1 Điều 13 Điều lệ này.
2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty.
4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.
6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.



## **Điều 22. Phát hành trái phiếu**

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đó sẽ không được quyền phát hành trái phiếu, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

5. Trường hợp Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

## **Điều 23. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông**

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường, hoặc giá do Hội đồng quản trị quyết định, trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

## **Điều 24. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty**

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

#### **Điều 25. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại**

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

#### **Điều 26. Trả cổ tức**

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

2. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định Pháp luật. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.

3. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

a) Tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, sổ Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;

c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;

d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;

đ) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

#### **Điều 27. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức**

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản

khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY**

##### **Điều 28. Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của công ty**

1. Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình sau đây:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Tổng Giám đốc.

2. Công ty có bộ máy giúp việc bao gồm: Các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các Phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ. Trong quá trình hoạt động, bộ máy giúp việc của Công ty có thể được thay đổi để phù hợp với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### **Mục 1**

##### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

##### **Điều 29. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty; kế hoạch đầu tư và sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- d) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

### **Điều 30. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a) Kế hoạch đầu tư và sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

đ) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm

cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

8. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

### **Điều 31. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Pháp luật.

### **Điều 32. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Điều lệ này;

d) Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **Điều 33. Mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc nếu. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết theo quy định của pháp luật.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Phiếu biểu quyết;

c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

4. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên

trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

#### **Điều 34. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 8 Điều lệ này thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

#### **Điều 35. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 33 Điều lệ này.

#### **Điều 36. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:



1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

#### **Điều 37. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển công ty; kế hoạch đầu tư và sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

#### **Điều 38. Điều kiện để nghị quyết được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- d) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Tổ chức lại, giải thể công ty;

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

### **Điều 39. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 33 Điều lệ này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b) Mục đích lấy ý kiến;
  - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
  - đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:
- a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.
- Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
  - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - đ) Các vấn đề đã được thông qua;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 40. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

- i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 41. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 42 Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

#### **Điều 42. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 41 Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

### **Mục 2**

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

##### **Điều 43. Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Điều lệ này;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% trở xuống của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 29, khoản 1 và khoản 3 Điều 57 Điều lệ này;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

n) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

#### **Điều 44. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định tối thiểu là 7 (bảy) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty và có xét yếu tố về giới tính. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 05 năm; Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

Khi Công ty đã là công ty niêm yết, thì tổng số Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số Thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu Thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ, thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm



(40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ bảy mươi phần trăm (70%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ chín mươi phần trăm (90%) trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp luật.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

#### **Điều 45. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh, có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của Công ty.

c) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác nhưng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác, thời hạn có hiệu lực áp dụng kể từ ngày 01/08/2019.

d) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người đứng đầu,

cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty; thành viên Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty; Kiểm soát viên Công ty.

đ) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của doanh nghiệp nhà nước;

e) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành Pháp luật;

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1 Điều này và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty, là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

b) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;

c) Không phải người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% (một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

d) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

4. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng

quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm: Họ tên, ngày tháng năm sinh, trình độ chuyên môn, quá trình công tác, các thông tin khác.

#### **Điều 46. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có kinh nghiệm ít nhất ba (03) năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty.

Kể từ ngày 01/08/2020 (sau 3 năm kể từ ngày Nghị định 71/2017/NĐ-CP có hiệu lực), Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; có quyền thay mặt Hội đồng quản trị đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc trái với nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
- e) Tổ chức giám sát, trực tiếp giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của Công ty, kết quả quản lý điều hành của Tổng giám đốc Công ty;
- g) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị và Pháp luật có liên quan;

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền, thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày có quyết định bãi miễn hoặc chấp thuận từ chức của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng

thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; Tham dự các cuộc họp;
- d) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
- đ) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- e) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- g) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 47. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- b) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch

phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 9 Điều này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

#### **Điều 48. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

#### **Điều 49. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, cán bộ, viên chức quản lý trong Công ty, cán bộ, viên chức quản lý trong các Công ty con do Công ty nắm 100% vốn điều lệ, Người đại diện phần vốn góp của Công ty tại các doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của đơn vị theo quy chế thông tin do Hội đồng quản trị quy định hoặc nghị quyết của Hội đồng quản trị.

2. Người được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị, trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác.

### **Điều 50. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này;
- b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Có đơn từ chức;
- d) Không đủ sức khỏe hoặc không còn uy tín để giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị;
- đ) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- e) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- g) Bị truy tố và bị Tòa án tuyên là có tội;
- h) Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

## **Mục 3**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **Điều 51. Tổng Giám đốc công ty**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

4. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

#### **Điều 52. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc**

1. Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh; có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty, phải có kinh nghiệm ít nhất ba (03) năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty;
2. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành Pháp luật;
4. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty, của thành viên Hội đồng quản trị, của Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty; Kiểm soát viên Công ty.

#### **Mục 4**

### **TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY**

#### **Điều 53. Trách nhiệm của người quản lý công ty**



1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

**Điều 54. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc**

1. Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Tổng Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

**Điều 55. Công khai các lợi ích liên quan**

Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của Công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định pháp luật.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp

thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

**Điều 56. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc**

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm trách nhiệm người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này;

b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

đ) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

**Điều 57. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận**

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;

c) Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 55 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính, gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

## **Mục 5**

### **BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 58. Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng cụ thể, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 59. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên**

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Từ 21 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Có kinh nghiệm công tác từ ba (03) năm trở lên, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty và hiểu biết về pháp luật.

3. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.

4. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.

5. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

6. Được cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết liên tục từ sáu (06) tháng trở lên đề cử; Nếu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến hai mươi phần trăm (20%) thì được đề cử một (01) thành viên; từ trên hai mươi phần trăm (20%) đến bốn mươi phần trăm (40%) thì được quyền đề cử hai (02) thành viên; từ trên bốn mươi phần trăm (40%) đến sáu mươi phần trăm (60%) thì được đề cử ba (03) thành viên; từ trên sáu mươi phần trăm (60%) đến tám mươi phần trăm (80%) thì được đề cử bốn (04) thành viên; và nếu lớn hơn tám mươi phần trăm (80%) thì được đề cử năm (05) thành viên.

Trong trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử không đủ số lượng cần thiết thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử.

7. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 60. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 55 Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 61. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản

lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

#### **Điều 62. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên**

Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

#### **Điều 63. Trách nhiệm của Kiểm soát viên**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

#### **Điều 64. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 59 Điều lệ này;

- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - d) Các trường hợp khác do Đại hội đồng cổ đông công ty quy định.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
  - c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

#### **Chương IV**

### **BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

#### **Điều 65. Trình báo cáo hằng năm**

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:
    - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
    - b) Báo cáo tài chính;
    - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.
  2. Trường hợp pháp luật yêu cầu phải kiểm toán thì báo cáo tài chính hằng năm của Công ty phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
  3. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.
  4. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của Công ty chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.
- Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian họp lý.

#### **Điều 66. Công khai thông tin công ty**

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật về kế toán và pháp luật có liên quan.



2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin sau đây:

- a) Điều lệ công ty;
- b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc công ty;
- c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty có trụ sở chính chậm nhất 03 ngày sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.

#### **Điều 67. Giải quyết tranh chấp**

1. Tranh chấp giữa các cổ đông trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hoà giải;

2. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a) Cổ đông với Công ty; hoặc
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

3. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải đối với các tranh chấp quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

4. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các án phí, chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

## **Chương V**

### **CƠ CHẾ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, LẬP QUỸ**

#### **Điều 68. Cơ chế tài chính**

Công ty chấp hành cơ chế tài chính theo quy định của Pháp luật. Việc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành, lợi nhuận và phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ thực hiện theo quy định của Pháp luật.

#### **Điều 69. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản theo đúng qui định của Pháp luật.

#### **Điều 70. Hệ thống kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

4. Tất cả các tài liệu và báo cáo tài chính kế toán quan trọng theo quy định của Pháp luật và/hoặc do Hội đồng quản trị yêu cầu phải được phê duyệt và ký bởi Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

#### **Điều 71. Năm tài chính**

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1/1 dương lịch và chấm dứt vào ngày 31/12 tròn hàng năm.

2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến ngày 31/12 của năm đó.

#### **Điều 72. Phân phối lợi nhuận, lập quỹ và nguyên tắc chịu lỗ trong kinh doanh**

1. Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông, Công ty phải trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau khi đã trừ thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định như sau:

a) Lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi trừ đi các khoản hợp lý, Công ty tiến hành trích lập quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ của Công ty và bù đắp các khoản tổn thất phát sinh (nếu có) theo đúng chế độ. Khoản trích này không vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế cho đến khi bằng mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của Công ty.

b) Các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định hàng năm theo hiệu quả sản xuất kinh doanh bao gồm:

- Quỹ đầu tư và phát triển;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
- Quỹ khen thưởng theo hiệu quả kinh doanh cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác.

c) Tùy theo nhu cầu đầu tư phát triển của Công ty trong từng thời kỳ, mức trích Quỹ Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và quỹ khen thưởng, phúc lợi để ổn định lao động, sẽ được Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông điều chỉnh phù hợp.

2. Số lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ nêu trên được chia cho các cổ đông theo số cổ phần nắm giữ (trả cổ tức).

3. Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp.

- Trích từ quỹ dự phòng để bù lỗ.
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp khắc phục.

## **Chương VI**

### **TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY; THÀNH LẬP, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 73. Tổ chức lại Công ty**

1. Công ty có thể thực hiện việc tổ chức lại theo hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi thành các loại hình doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thủ tục tổ chức lại Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 74. Tạm ngừng kinh doanh**

1. Công ty có quyền tạm ngừng kinh doanh nhưng phải thông báo bằng văn bản về thời điểm và thời hạn tạm ngừng hoặc tiếp tục kinh doanh cho Cơ quan đăng ký kinh doanh chậm nhất 15 ngày trước ngày tạm ngừng hoặc tiếp tục kinh doanh. Quy định này áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.

2. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp đủ số thuế còn nợ; tiếp tục thanh toán các khoản nợ, hoàn thành việc thực hiện hợp đồng đã ký với khách hàng và người lao động, trừ trường hợp giữa Công ty và chủ nợ, khách hàng và người lao động có thỏa thuận khác.

**Điều 75. Các trường hợp và điều kiện giải thể Công ty**

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

- a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- b) Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và Công ty trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty.

3. Trình tự, thủ tục giải thể Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật có liên quan khác.

**Điều 76. Phá sản công ty**

Việc phá sản công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

**Điều 77. Chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh của Công ty**

1. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của Công ty, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phải đúng với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của Công ty, có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của Công ty và bảo vệ các lợi ích đó.

3. Địa điểm kinh doanh là nơi mà Công ty tiến hành hoạt động kinh doanh cụ thể.

**Điều 78. Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện**

1. Công ty có quyền lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài. Công ty có thể đặt một hoặc nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện tại một địa phương theo địa giới hành chính.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thay đổi.

### **Điều 79. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện**

1. Chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty được chấm dứt hoạt động theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc theo quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty và người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện bị giải thể liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

3. Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm thực hiện các hợp đồng, thanh toán các khoản nợ, gồm cả nợ thuế của chi nhánh và tiếp tục sử dụng lao động hoặc giải quyết đủ quyền lợi hợp pháp cho người lao động đã làm việc tại chi nhánh theo quy định của pháp luật.

## **Chương VII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 80. Nguyên tắc áp dụng Điều lệ công ty**

1. Những vấn đề khác có liên quan không nêu trong Điều lệ này thì được thực hiện theo Luật doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan.

2. Trường hợp pháp luật có quy định khác với nội dung trong Điều lệ này thì thực hiện các quy định của pháp luật.

#### **Điều 81. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty**

Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ không được trái với quy định hiện hành của Nhà nước, phải được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua mới hợp lệ.

#### **Điều 82. Điều khoản cuối cùng**

1. Điều lệ này gồm có 7 chương, 82 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và ban hành.

2. Điều lệ này được lập thành 05 bản chính có giá trị như nhau: 01 bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh, 04 bản lưu tại trụ sở Công ty.

3. Mọi sự sao chép, trích lục Điều lệ phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc ký xác nhận và có đóng dấu của Công ty mới được coi là hợp lệ./.

*Đắk Lắk, ngày      tháng      năm 2018*

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG**  
**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU ĐẮK LẮK**

**TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ**

**Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 7713

Fax: (028) 3821 7452

Website: [www.hsx.vn](http://www.hsx.vn)

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

**Công ty TNHH MTV Cao Su Đắk Lắk**

Địa chỉ: 30 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh  
Đắk Lắk

Điện thoại: (0262) 3865015

Fax: (0262)3865041

Website: <http://www.dakruco.com>

**TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ**

**Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp.HCM**

Địa chỉ: 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3820 8116

Fax: (028) 3820 0508

Website: [www.vcbs.com.vn](http://www.vcbs.com.vn)

*Tp.Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2018*



**NHỮNG THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ VIỆC  
BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG CỦA  
CÔNG TY TNHH MTV CAO SU ĐẮC LẮK**

Bản công bố thông tin này nhằm mục đích công bố thông tin phục vụ việc bán đấu giá cổ phần lần đầu theo hình thức đấu giá công khai, là một nội dung của quá trình cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắc Lắc.

Với tư cách là Tổ chức công bố thông tin và Tổ chức phát hành cổ phần theo Bản công bố thông tin này, Công ty TNHH MTV Cao su Đắc Lắc xin lưu ý rằng các nhà đầu tư nên dựa vào các thông tin được trình bày trong (i) Bản công bố thông tin này, (ii) mẫu Đơn đăng ký đấu giá cổ phần và (iii) Quy chế đấu giá do Tổ chức thực hiện đấu giá ban hành để đưa ra quyết định đầu tư của mình. Công ty TNHH MTV Cao su Đắc Lắc chưa ủy quyền cho bất cứ tổ chức/cá nhân nào cung cấp cho nhà đầu tư các thông tin được trình bày trong Bản công bố thông tin này. Các nhà đầu tư không nên dựa vào bất kỳ thông tin hoặc tuyên bố nào không được trình bày hoặc đưa ra trong các tài liệu liệt kê dưới đây. Ngoài ra, nếu các nhà đầu tư có nghi ngờ về bất kỳ nội dung hay thông tin nào được trình bày trong Bản công bố thông tin này, các nhà đầu tư nên hỏi ý kiến tư vấn của các tổ chức tư vấn độc lập.

Công ty TNHH MTV Cao su Đắc Lắc hiện thuộc sở hữu 100% vốn Nhà nước và đang trong quá trình thực hiện cổ phần hóa theo hình thức bán bớt một phần vốn nhà nước từ đó giảm tỷ lệ sở hữu của Nhà nước xuống 36% sau cổ phần hóa.

Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc được thành lập sau khi cổ phần hóa sẽ kế thừa các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH MTV Cao su Đắc Lắc hiện nay theo quy định của pháp luật. Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc sẽ có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản theo quy định của pháp luật, được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Việc phát hành cổ phần theo hình thức đấu giá theo Bản công bố thông tin này là một phần của quá trình cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắc Lắc, góp phần hình thành Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc. Các nhà đầu tư mua cổ phần theo Bản công bố thông tin này sẽ trở thành cổ đông của Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc và có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc và quy định của pháp luật.

|                              |                                                                                                                                                |
|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Số lượng cổ phần chào bán:   | 97.575.500 cổ phần, chiếm 62,63% vốn điều lệ                                                                                                   |
| Loại cổ phần chào bán:       | Cổ phần phổ thông                                                                                                                              |
| Mệnh giá:                    | 10.000 đồng/cổ phần                                                                                                                            |
| Giá khởi điểm:               | 12.600 đồng/cổ phần                                                                                                                            |
| Đặt cọc:                     | 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm                                                                                |
| Đối tượng tham gia:          | Các tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk |
| Tổ chức bán đấu giá cổ phần: | Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh                                                                                                        |
| Thời gian tổ chức đấu giá:   | Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk                                        |
| Địa điểm tổ chức đấu giá:    | Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh, địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.                                                      |





## MỤC LỤC

|                                                                                     |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----|
| PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ .....                         | 7  |
| 1. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ .....                                          | 7  |
| 1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần.....                                       | 9  |
| 2. Tổ chức phát hành .....                                                          | 9  |
| 3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá trong nước.....                                       | 9  |
| 4. Các tuyên bố có tính chất tương lai .....                                        | 10 |
| PHẦN II: THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA .....                                | 12 |
| 1. Giới thiệu về doanh nghiệp.....                                                  | 12 |
| 2. Ngành nghề kinh doanh.....                                                       | 13 |
| 3. Về cơ cấu tổ chức .....                                                          | 14 |
| 4. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con, Công ty liên doanh liên kết của Công ty ..... | 16 |
| 5. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu .....                                                  | 17 |
| 6. Đặc tính kỹ thuật của cao su ly tâm (latex): .....                               | 18 |
| 7. Đặc tính kỹ thuật của cao su thiên nhiên dạng khối: .....                        | 19 |
| 8. Thực trạng về lao động và kế hoạch sắp xếp lao động.....                         | 19 |
| 8.1. Thực trạng về lao động.....                                                    | 19 |
| 8.2. Phương án sử dụng lao động .....                                               | 20 |
| 8.3. Kế hoạch đào tạo và đào tạo lại lao động giai đoạn 2017-2019 .....             | 23 |
| 9. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp .....           | 24 |
| 10. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....                                           | 29 |
| 10.1. Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 01/10/2016.....                       | 29 |
| 10.2. Nhà cửa vật kiến trúc tại thời điểm 30/09/2016 .....                          | 29 |
| 10.3. Máy móc thiết bị tại thời điểm 30/09/2016 .....                               | 29 |
| 10.4. Phương tiện vận tải tại thời điểm 30/09/2016 .....                            | 29 |
| 10.5. Thiết bị, dụng cụ quản lý tại thời điểm 30/09/2016 .....                      | 29 |
| 10.6. Tài sản cố định khác .....                                                    | 30 |
| 10.7. Tài sản cố định vô hình.....                                                  | 30 |
| 10.8. Vườn cây cao su trồng mới, tái canh .....                                     | 30 |

|                                                                                                                                    |           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 10.9. Vườn cây cao su thời kỳ KTCB .....                                                                                           | 30        |
| 10.10. Vườn cây cao su đang kinh doanh .....                                                                                       | 30        |
| 11. Tình hình sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất .....                                                                        | 31        |
| 12. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty các năm trước cổ phần hóa .....                                                      | 38        |
| 12.1. Sản phẩm kinh doanh chính .....                                                                                              | 38        |
| 12.2. Quy trình sản xuất của Công ty Dakruco qua hoạt động trồng, khai thác, chế biến được chuẩn hóa theo quy trình ISO 9000. .... | 38        |
| 12.3. Nguyên vật liệu .....                                                                                                        | 40        |
| 12.4. Chi phí .....                                                                                                                | 40        |
| 12.5. Lợi nhuận và các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....                                                                            | 42        |
| 12.6. Năng lực sản xuất chế biến và khả năng cung ứng .....                                                                        | 44        |
| 12.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ .....                                                                         | 44        |
| 12.8. Nhãn hiệu thương mại .....                                                                                                   | 46        |
| 12.9. Thuế và nộp ngân sách Nhà nước .....                                                                                         | 46        |
| 12.10. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết .....                                                                   | 46        |
| 13. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hoá: 46                                             |           |
| 13.1. Dự báo giá cao su .....                                                                                                      | 46        |
| 13.2. Chiến lược đầu tư sau cổ phần hóa .....                                                                                      | 47        |
| 13.3. Kế hoạch sản lượng của Công ty giai đoạn 2018 -2022 .....                                                                    | 49        |
| 13.4. Kế hoạch doanh thu, chi phí và lợi nhuận giai đoạn 2018 -2022 .....                                                          | 51        |
| 13.5. Giải pháp thực hiện .....                                                                                                    | 55        |
| <b>PHẦN III: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA .....</b>                                                        | <b>63</b> |
| 1. Mục tiêu cổ phần hóa .....                                                                                                      | 63        |
| 2. Yêu cầu cổ phần hóa .....                                                                                                       | 63        |
| 3. Hình thức cổ phần hóa .....                                                                                                     | 63        |
| 4. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa .....                                                                           | 63        |
| 5. Hình thức pháp lý .....                                                                                                         | 64        |
| 6. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa .....                                                                                     | 64        |
| 7. Cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần sau cổ phần hóa .....                                                                            | 65        |

|                                                                                              |                                                              |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------|
| 8.                                                                                           | Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ.....                       | 68        |
| 8.1.                                                                                         | Vốn điều lệ .....                                            | 68        |
| 8.2.                                                                                         | Quy mô vốn điều lệ .....                                     | 68        |
| 9.                                                                                           | Cổ phần.....                                                 | 68        |
| 10.                                                                                          | Đối tượng mua cổ phần .....                                  | 68        |
| 11.                                                                                          | Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của các cổ đông ..... | 69        |
| <b>PHẦN IV: CÁC RỦI RO DỰ KIẾN .....</b>                                                     |                                                              | <b>70</b> |
| 1.                                                                                           | Rủi ro về kinh tế .....                                      | 70        |
| 2.                                                                                           | Rủi ro về luật pháp.....                                     | 70        |
| 3.                                                                                           | Rủi ro của đợt chào bán .....                                | 70        |
| 4.                                                                                           | Rủi ro khác.....                                             | 70        |
| <b>I. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN .....</b>                                                 |                                                              | <b>72</b> |
| 1.                                                                                           | Đối tượng mua cổ phần .....                                  | 72        |
| 2.                                                                                           | Cổ phần ưu đãi bán cho cán bộ công nhân viên .....           | 72        |
| 3.                                                                                           | Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư thông thường.....     | 74        |
| 4.                                                                                           | Phương án xử lý cổ phần không bán hết .....                  | 75        |
| 5.                                                                                           | Kế hoạch đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán ..... | 75        |
| <b>PHẦN V: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG<br/>BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b> |                                                              | <b>76</b> |
| 1.                                                                                           | Ban chỉ đạo cổ phần hóa.....                                 | 76        |
| 2.                                                                                           | Doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk .....   | 76        |
| 3.                                                                                           | Tổ chức tư vấn triển khai tổ chức bán đấu giá .....          | 76        |
| <b>KẾT LUẬN.....</b>                                                                         |                                                              | <b>77</b> |

**PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ****I. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ**

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu (sau đây gọi là Nghị định số 63/2015/NĐ-CP);
- Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 10 năm 2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Quyết định 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí phân loại doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 -2020;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính, về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính, hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp Nhà nước và công ty TNHH MTV do Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 180/QĐ-UB ngày 19/3/1993 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập DNNN Công ty Cao su Đắk Lắk;
- Quyết định số 3072/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk;
- Quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk;
- Quyết định số 1633/QĐ-UBND ngày 08/06/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk;

- Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 21/06/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk;
- Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 31/07/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk;
- Quyết định số 3072/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 của UBND Tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk;
- Căn cứ Quyết định số 2201/QĐ-UBND ngày 18/08/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk;
- Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk.
- Quyết định số 739/ QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk ngày 11/04/2018 về việc Phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk.

**II. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN****1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần****SỞ GIAO DỊCH CHỨNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên tiếng Anh : Ho Chi Minh City Stock Exchange

Trụ sở : 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3821 7713

Fax : (028) 3821 7452

Website : [www.hsx.vn](http://www.hsx.vn)

**2. Tổ chức phát hành****CÔNG TY TNHH MTV CAO SU ĐẮK LẮK**

Tên tiếng Anh : Dak Lak Rubber One Member Company Limited

Tên viết tắt : DAKRUCO. LTD

Trụ sở : 30 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : (0262) 3865015

Fax : (0262) 3865041

Website : <http://www.dakruco.com>

**3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá trong nước****CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH**

Tên tiếng Anh : Vietcombank Securities Ltd – HCM City Branch

Tên viết tắt : VCBS

Địa chỉ : 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3820 8116

Fax : (028) 3820 0508

Website : [www.vCBS.com.vn](http://www.vCBS.com.vn)



#### **4. Các tuyên bố có tính chất tương lai**

Bản công bố thông tin này trình bày một số tuyên bố có tính chất tương lai liên quan đến các kế hoạch, ý định, sự tin tưởng, dự kiến và các dự đoán của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk về tương lai. Về bản chất, các tuyên bố có tính chất tương lai đó hàm chứa yếu tố rủi ro và có thể sẽ không chắc chắn chính xác trong tương lai.

Ngoài những nội dung khác, các tuyên bố có tính chất tương lai trình bày trong Bản công bố thông tin này bao gồm các tuyên bố liên quan đến:

- Mô hình tổ chức hoạt động sau cổ phần hóa;
- Cơ cấu vốn điều lệ;
- Kế hoạch chiến lược phát triển doanh nghiệp sau cổ phần hóa;

Ngoài ra, các tuyên bố về tình hình tài chính, mục tiêu và chiến lược, bộ máy quản lý điều hành, định hướng kinh doanh sau cổ phần hóa; kế hoạch và giải pháp thực hiện của Dakruco cũng là các tuyên bố có tính chất tương lai. Trong một số trường hợp, Dakruco sử dụng các từ như “sẽ”, “tin tưởng”, “dự đoán”, “dự kiến”, “dự định”, “có thể”, “kế hoạch”, “khả năng”, “rủi ro”, “nên”, “có thể sẽ” và các từ tương tự khác để xác định các tuyên bố có tính chất tương lai.

Mặc dù Dakruco tin tưởng rằng các dự kiến được phản ánh trong các tuyên bố có tính chất tương lai là hợp lý nhưng Dakruco không thể đảm bảo rằng các dự kiến đó sẽ được chứng minh là chắc chắn xảy ra.

Ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật đối với công ty cổ phần, công ty đại chúng và doanh nghiệp niêm yết sau này, Dakruco không có nghĩa vụ phải cập nhật, công khai hoặc sửa đổi các tuyên bố có tính chất tương lai được trình bày trong Bản công bố thông tin này, dù xuất phát từ nguyên nhân có các thông tin mới, các sự kiện xảy ra trong tương lai hoặc do các nguyên nhân khác hay không. Các nhà đầu tư cần lưu ý đến tuyên bố có tính chất cảnh báo này khi xem xét các tuyên bố có tính chất tương lai được trình bày trong Bản công bố thông tin.

**III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT**

- CBCNV: Cán bộ công nhân viên
- Công ty/DAKRUCO: Công ty TNHH MTV Cao su Đắc Lắc
- DTT: Doanh thu thuần
- MTV: Một thành viên
- NHNN: Ngân hàng Nhà nước
- DNNN: Doanh nghiệp Nhà nước
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- TMCP: Thương mại cổ phần
- TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
- TP: Thành phố
- TSCĐ : Tài sản cố định
- UBND: Ủy ban nhân dân
- VCBS: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam



**PHẦN II: THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA****1. Giới thiệu về doanh nghiệp**

- Tên gọi đầy đủ: CÔNG TY TNHH MTV CAO SU ĐẮC LẮK
- Tên viết tắt: Công ty TNHH MTV Cao su Đắc Lắc
- Tên tiếng Anh: DAK LAK RUBBER ONE MEMBER COMPANY LIMITED
- Tên giao dịch: DAKRUCO
- Địa chỉ: 30 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại: (0262) 3865015 Fax: (0262)3865041
- Website: <http://www.dakruco.com>
- Email: [caosu@dakruco.com](mailto:caosu@dakruco.com)
- Logo:

**DAKRUCO****Quá trình hình thành và phát triển**

- Công ty TNHH MTV Cao su Đắc Lắc (DAKRUCO) được thành lập tháng 3 năm 1993, tiền thân là Công ty Cao su Đắc Lắc thành lập tháng 3 năm 1993, trên cơ sở Liên hiệp các Xí nghiệp cao su Đắc Lắc thực hiện chuyển đổi mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh theo Nghị định 388 của Chính phủ và được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV kể từ tháng 01/2011.
- Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su thiên nhiên; kinh doanh xuất khẩu sản phẩm mủ cao su thiên nhiên; kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch...
- Công ty trực tiếp quản lý 10 chi nhánh trực thuộc và 02 công ty con (Công ty Phát triển Cao su ĐakLak- Mondulkiri tại Vương quốc Campuchia với: 1.623 ha cao su do Công ty quản lý và 170 ha cao su liên kết với người dân trong vùng dự án và Công ty TNHH MTV Chi thun Cao su Đắc Lắc tại Khu công nghiệp Hòa Phú). Ngoài ra, Công ty còn tham gia góp vốn và quản lý tại 4 Công ty cổ phần và quỹ tín dụng cao su.

- Công ty có tổ hợp Khách sạn Dakruco được xây dựng trên tổng diện đất: 2,7 ha, bao gồm: Khách sạn 4 sao, cao 11 tầng, quy mô 114 phòng; khách sạn 3 sao, cao 3 tầng, quy mô 31 phòng; nhà hàng tiệc cưới 2 tầng, sức chứa 1.000 khách; các tiện ích giải trí khác gồm: hồ bơi, sân tennis.
- Tổng diện tích vườn cây cao su hiện Công ty quản lý: 13.201 ha (bao gồm cả diện tích tại Dự án Campuchia). Trong đó: Tổng diện tích cao su quốc doanh 9.698,9 ha, liên kết 3.502 ha. Tổng diện tích vườn cây đưa vào khai thác: 7.736,6 ha, trong đó: khối quốc doanh: 4.234,4 ha, liên kết: 3.502,2 ha.
- Hiện tại Công ty có nhà máy chế biến cao su thiên nhiên công suất 20.000 tấn/năm, chế biến các sản phẩm cao su thiên nhiên định chuẩn kỹ thuật như: SVRL, SVR3L, SVR5, SVR10, SVR20, SVR CV50, SVR CV60, SVR10CV, SVR20CV; RSS 3; LAKTEX HA, LAKTEX LA; SKIMBLOCK. Nhà máy chế biến chỉ thun cao su công suất 3.000 tấn/năm sản xuất các sản phẩm chỉ thun cao su phục vụ công nghiệp dệt may và một số ngành công nghiệp liên quan.
- Năm 2017, Công ty khai thác và chế biến khoảng 10.000 tấn sản phẩm cao su thiên nhiên các loại. Sản phẩm của Công ty chủ yếu xuất khẩu, khách hàng là các tập đoàn, công ty tại các nước Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ...
- Qua hơn 30 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty đã đạt nhiều giải thưởng về chất lượng và được Nhà nước trao tặng nhiều danh hiệu cao quý.

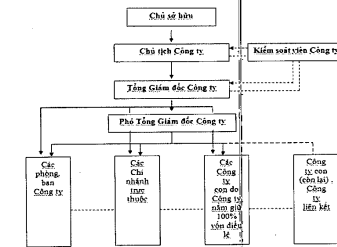
## 2. Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của DAKRUCO là: Trồng cây cao su, Chế biến cao su, Mua bán mủ cao su, Chế biến gỗ với các sản phẩm: mộc dân dụng, sản xuất pallets làm bao bì, Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch. Hiện DAKRUCO đang quản lý trên 24 ngàn ha cao su (trong đó có trên 14 ngàn ha cao su kinh doanh), hệ thống khách sạn, nhà hàng tiêu chuẩn 4 sao.

### Ngành nghề có liên quan đến kinh doanh chính:

- Trồng rừng và chăm sóc rừng, trồng cây nông nghiệp ngắn ngày và chăn nuôi đại gia súc;
- Mua bán nông sản và sản phẩm chăn nuôi;
- Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến cao su;
- Mua, bán phân bón, nhiên liệu, thuốc bảo vệ thực vật;
- Kinh doanh kho bãi, bốc dỡ vận chuyển và dịch vụ liên quan đến kho bãi: vận chuyển, nâng, hạ hàng hóa, bao bì, container;
- Sản xuất dụng cụ chuyên dùng cho cao su: chén hứng mủ, kiềng, máng, thùng.

Sơ đồ tổ chức của Công ty TNHH MTV Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk



Ghi chú: —————> Quan hệ chỉ đạo.  
 .....> Quan hệ kiểm soát.  
 - - - - -> Quan hệ phối hợp.

- Xây dựng các công trình đường giao thông nội bộ, các công trình dân dụng quy mô nhỏ, công trình thủy lợi (công trình ngầm dưới đất, dưới nước, đường ống cấp thoát nước, trạm bơm);
- Khai khoáng đồng ruộng;
- Dịch vụ sửa chữa máy nông nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa;
- Vận chuyển khách du lịch và làm đại lý vận chuyển khách du lịch trong nước và quốc tế; vận tải khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh sân tennis, sân cầu lông, hồ bơi;
- Kinh doanh nhà hàng (ăn uống, nước giải khát, rượu, bia, thuốc lá);
- Hoạt động văn hóa (tổ chức lễ hội dân gian, lễ hội văn hóa du lịch, giao lưu văn hóa);
- Mua, bán hàng mỹ nghệ và thổ cẩm;
- Kinh doanh massage, kinh doanh karaoke;
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất phân hữu cơ vi sinh;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

### 3. Về cơ cấu tổ chức

DAKRUCO có cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành gồm: Chủ tịch Công ty, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

### 4. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con, Công ty liên doanh liên kết của Công ty

#### 4.1. Công ty mẹ của Công ty

Không có.

#### 4.2. Danh sách các đơn vị trực thuộc, Công ty con và công ty liên doanh, liên kết của Công ty:

Danh sách các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết của Công ty tại thời điểm 01/10/2016:

**Bảng 1: Danh sách đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty liên kết tại thời điểm 01/10/2016:**

| Stt                                    | Tên Công ty                                                       | Địa chỉ                                                                                  | Vốn điều lệ     | Giá trị vốn góp | Tỷ lệ vốn góp |
|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|---------------|
| <b>I Công ty con</b>                   |                                                                   |                                                                                          |                 |                 |               |
| 1                                      | Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (DRI)                       | số 30 Nguyễn Chí Thanh, P.Tân An, Tp.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk                         | 732 tỷ đồng     | 487,5 tỷ đồng   | 66,6%         |
| 2                                      | Công ty cổ phần Cao su Đắk Nông (Daknoruco)                       | Thôn 13, xã Đắk Lao, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông                                        | 35 tỷ đồng      | 25,681 tỷ đồng  | 73,37%        |
| 3                                      | Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk – Monduliri (Dakmoruco)    | Phum Chrey Sen, San kat Monorum, Krong Sen Monorum, tỉnh Monduliri, Vương quốc Campuchia | 417,415 tỷ đồng | 290,305 tỷ đồng | 100%          |
| 4                                      | Công ty TNHH Một thành viên Chi thun Cao su Đắk Lắk (Dakruthread) | Lô B35-B36 KCN Hòa Phú, xã Hòa Phú, Tp.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk                       | 184 tỷ đồng     | 169,3 tỷ đồng   | 100%          |
| <b>II Công ty liên doanh, liên kết</b> |                                                                   |                                                                                          |                 |                 |               |
| 1                                      | Công ty cổ phần Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk (Dakruwood)            | Km 19, quốc lộ 14, xã Ea D'Rong, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk                            | 6,691 tỷ đồng   | 3,019 tỷ đồng   | 45,13%        |
| 2                                      | Công ty cổ phần Kỹ thuật cao su Đắk Lắk                           | Km 18, thôn Đoàn Kết, xã Ea D'Rong, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk                         | 15 tỷ đồng      | 5,448 tỷ đồng   | 36%           |

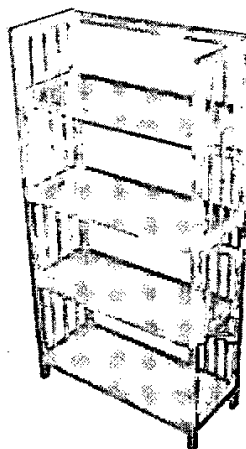
**DAKRUCO****BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

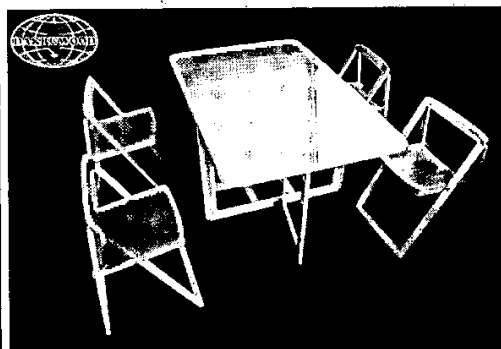
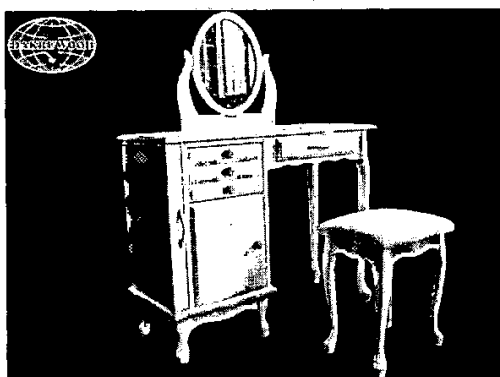
|   | (Dakrutech)                       | M'gar, tỉnh Đắk Lắk                                                        |                |               |        |
|---|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------|--------|
| 3 | Quỹ Tín dụng Cao su Đắk Lắk       | Km 03, quốc lộ 14, P.Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk         | 48,198 tỷ đồng | 6,291 tỷ đồng | 26,41% |
| 4 | Công ty cổ phần Cao su Thái Dương | Lô số 04, đường số 07, KCN Tân Tạo, P.Tân Tạo, Q.Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh | 50 tỷ đồng     | 24 tỷ đồng    | 15%    |

**5. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu**

Sản phẩm chính của Công ty là mủ cao su, được chia làm 2 loại chính: mủ latex và mủ côm. Trong đó, mủ Latex ở dạng lỏng bao gồm dòng mủ HA (High Amoniac) và mủ LA (Low Amoniac), ứng dụng rộng rãi trong cuộc sống hằng ngày phục vụ cho các lĩnh vực y tế, kỹ thuật như sản xuất nệm, găng tay, keo dán, bong bóng. Trong khi đó, mủ côm ở dạng khối có 03 dòng chính bao gồm dòng có độ mềm dẻo và có tính bám dính phục vụ để sản xuất dây thun, keo dán, mặt hông lốp xe, mặt vợt bóng bàn như, SVR CV 60, SVR 10 CV; dòng có độ đàn hồi và mài mòn cao phục vụ cho lĩnh vực sản xuất lốp xe ô tô, dây đai, cáp dây điện như SVR 3L và dòng có tính cứng phục vụ trong công nghiệp sản xuất lốp xe như SVR 10.

Một số sản phẩm từ gỗ cao su:





## 6. Đặc tính kỹ thuật của cao su ly tâm (latex):

| Tên chỉ tiêu                                                                                                | Mức       |           |          |                 |                 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|----------|-----------------|-----------------|
|                                                                                                             | HA        | LA        | XA       | Loại HA kem hóa | Loại LA kem hóa |
| 1. Tổng khối lượng chất rắn (TSC), % (m/m), không nhỏ hơn                                                   | 61,5      | 61,5      | 61,5     | 66,0            | 66,0            |
| 2. Hàm lượng cao su khô (DRC), % (m/m), không nhỏ hơn                                                       | 60,0      | 60,0      | 60,0     | 64,0            | 64,0            |
| 3. Chất không là cao su % (m/m), không lớn hơn                                                              | 2,0       | 2,0       | 2,0      | 2,0             | 2,0             |
| 4. Độ kiềm (NH <sub>3</sub> ), % (m/m), tính theo khối lượng latex cô đặc<br>Không nhỏ hơn<br>Không lớn hơn | 0,60<br>- | -<br>0,29 | 0,3<br>- | 0,55<br>-       | -<br>0,35       |
| 5. Tính ổn định cơ học, giây, không nhỏ hơn                                                                 | 650       | 650       | 650      | 650             | 650             |
| 6. Hàm lượng chất đông kết, % tính trên tổng lượng chất rắn, không lớn hơn                                  | 0,05      | 0,05      | 0,05     | 0,05            | 0,05            |
| 7. Hàm lượng đồng, mg/kg, tính trên tổng lượng chất rắn, không lớn hơn                                      | 8         | 8         | 8        | 8               | 8               |
| 8. Hàm lượng mangan, % tính trên tổng lượng chất rắn, không lớn hơn                                         | 8         | 8         | 8        | 8               | 8               |
| 9. Hàm lượng cặn, % tính trên tổng lượng chất rắn, không lớn hơn                                            | 0,10      | 0,10      | 0,10     | 0,10            | 0,10            |

**DAKRUCO****BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

|                                                  |      |      |      |      |      |
|--------------------------------------------------|------|------|------|------|------|
| 10. Trị số acid béo bay hơi (VFA), không lớn hơn | 0,20 | 0,20 | 0,20 | 0,20 | 0,20 |
| 11. Trị số KOH, không lớn hơn                    | 1,0  | 1,0  | 1,0  | 1,0  | 1,0  |

TCVN 6314:2007 (Theo Quyết định số 3243/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

**7. Đặc tính kỹ thuật của cao su thiên nhiên dạng khối:**

| Tên chỉ tiêu                                                                   | Chủng loại |           |       |        |       |                  |        |                  |        |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------|-------|--------|-------|------------------|--------|------------------|--------|
|                                                                                | SVR CV 60  | SVR CV 50 | SVR L | SVR 3L | SVR 5 | SVR 10CV         | SVR 10 | SVR 20CV         | SVR 20 |
| 1. Hàm lượng chất bản (%), không lớn hơn                                       | 0,02       | 0,02      | 0,02  | 0,03   | 0,05  | 0,08             | 0,08   | 0,16             | 0,16   |
| 2. Hàm lượng tro (%), không lớn hơn                                            | 0,40       | 0,40      | 0,40  | 0,50   | 0,60  | 0,60             | 0,60   | 0,80             | 0,80   |
| 3. Hàm lượng nitơ (%), không lớn hơn                                           | 0,60       | 0,60      | 0,60  | 0,60   | 0,60  | 0,60             | 0,60   | 0,60             | 0,60   |
| 4. Hàm lượng chất bay hơi (%), không lớn hơn                                   | 0,80       | 0,80      | 0,80  | 0,80   | 0,80  | 0,80             | 0,80   | 0,80             | 0,80   |
| 5. Độ dẻo đầu (Po), không nhỏ hơn                                              | -          | -         | 35    | 38     | 30    | -                | 33     | -                | 30     |
| 6. Chỉ số duy trì độ dẻo (PRI), không nhỏ hơn                                  | 65         | 60        | 60    | 65     | 60    | 60               | 55     | 40               | 40     |
| 7. Chỉ số màu, mẫu đơn, không lớn hơn<br>- Độ rộng giữa các mẫu, không lớn hơn | -          | -         | 4     | 6<br>2 | -     | -                | -      | -                | -      |
| 8. Độ nhớt Mooney ML<br>(1' + 4') 100oC                                        | 60<br>± 5  | 50<br>± 5 | -     | -      | -     | 60<br>(+7<br>-5) | -      | 65<br>(+7<br>-5) | -      |

**8. Thực trạng về lao động và kế hoạch sắp xếp lao động****8.1. Thực trạng về lao động**



Tổng số lao động có tên trong danh sách bảng lương của Công ty có mặt đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp lúc 0h ngày 01/10/2016 là 3.079 người, trong đó:

**Bảng 2: Tình hình lao động của DAKRUCO**

| Stt       | Chỉ tiêu                         | Số lao động<br>(người) | Tỷ lệ<br>(%) |
|-----------|----------------------------------|------------------------|--------------|
| <b>I</b>  | <b>Phân loại theo giới tính</b>  |                        |              |
| 1         | Nam                              | 1.364                  | 44.30        |
| 2         | Nữ                               | 1.715                  | 55.70        |
| <b>II</b> | <b>Phân loại theo trình độ</b>   |                        |              |
| 1         | Trình độ đại học và trên đại học | 245                    | 7.95         |
| 2         | Trình độ cao đẳng, trung cấp     | 104                    | 3.38         |
| 3         | Khác                             | 2.730                  | 88.67        |

Nguồn: DAKRUCO

#### 4. Đánh giá chung

Hiện nay, tình hình lao động của Dakruco tương đối ổn định, lực lượng lao động gián tiếp đã được Công ty tinh giản biên chế để mang lại hiệu quả làm việc cao hơn, bộ máy đỡ cồng kềnh và giảm chi phí; lực lượng lao động trực tiếp trong năm qua đã có biến động giảm nhưng Công ty vẫn đảm bảo đủ nhân công để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn ngành. Chất lượng lao động đảm bảo đáp ứng nhu cầu của công việc và tiếp thu trình độ kỹ thuật sản xuất trong thời kỳ mới.

#### 4. Chính sách nhân sự

Công ty tập trung cải thiện điều kiện làm việc, chế độ, chính sách, tạo dựng văn hóa doanh nghiệp; Thực hiện luân chuyển cán bộ theo quy định và quy hoạch. Đến nay, DAKRUCO đã có một đội ngũ cán bộ quản lý kinh doanh, đội ngũ lao động có kinh nghiệm, đầy tâm huyết, năng động, chủ động quản lý và điều hành.

Đánh giá tiềm năng nhân lực DAKRUCO ở mức độ khá và chính sách nhân sự của Công ty hiện nay là hữu hiệu.

### 8.2. Phương án sử dụng lao động

#### 8.2.1. Kế hoạch sắp xếp lao động

Phương án lao động Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk như sau:

**Bảng 3: Kế hoạch sắp xếp lao động của Công ty**

| Stt | Chỉ tiêu | Số lượng |
|-----|----------|----------|
|-----|----------|----------|



|            |                                                                                                        | (người)      |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| <b>I</b>   | <b>Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp</b>                                     | <b>2.861</b> |
| 1          | Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động (Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc, Kiểm soát viên)           | 3            |
| 2          | Lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn                                       | 2.269        |
| 3          | Lao động làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng                 | 482          |
| 4          | Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng (có tham gia bảo hiểm xã hội) | 107          |
| <b>II</b>  | <b>Tổng số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp</b>                        | <b>26</b>    |
| 1          | Viên chức quản lý nghỉ theo ND 108/2014/ND-CP                                                          | 1            |
| 2          | Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện hành                                                     | 0            |
| 3          | Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động                                                              | 0            |
| 4          | Lao động chờ nghỉ việc theo quyết định của Giám đốc                                                    | 0            |
| 5          | Lao động thời vụ hết hạn HĐLĐ                                                                          | 0            |
| 6          | Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa          | 25           |
| <b>III</b> | <b>Số lao động còn hạn hợp đồng lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần</b>               | <b>2.835</b> |

Nguồn: DAKRUCO

### 8.2.2. Giải quyết chế độ chính sách cho người lao động không có nhu cầu sử dụng

#### 8.2.2.1. Lao động trước khi sắp xếp

Tổng số lao động thường xuyên tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (29/12/2017): 2.861 người, trong đó nữ: 1.088 người.

Trong đó:

- a) Số lao động đang làm việc theo Hợp đồng lao động: 2.769 người
- b) Số lao động đang ngừng việc: 0 người
- c) Số lao động đang nghỉ việc hưởng chế độ BHXH: 75 người
- d) Số lao động đang nghỉ việc không hưởng lương: 03 người





- e) Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động: 09 người

**8.2.2.2. Phương án sử dụng lao động theo Nghị định 63/2015/NĐ-CP:**

- a) Số lao động tiếp tục sử dụng tại công ty sau khi sắp xếp lại: 2.831 người, trong đó nữ: 1.077 người.

Trong đó:

- Số lao động tiếp tục sử dụng: 2.831 người.
- Số lao động được đưa đi đào tạo lại để tiếp tục sử dụng (nếu có): 0 người.
- Số lao động chuyển sang làm việc không trọn thời gian (nếu có): 0 người.

- b) Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động: 0 người.

- c) Số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21/4/1998 không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: 23 người, trong đó nữ: 10 người.

Trong đó:

- Số lao động nghỉ hưu trước tuổi: 19 người.
- Số lao động đủ tuổi nghỉ hưu nhưng thiếu thời gian đóng BHXH: 0 người.
- Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động: 04 người.

- d) Số lao động được tuyển dụng lần cuối từ ngày 21/4/1998 trở về sau không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: 02 người, trong đó nữ: 01 người.

**Phương án sử dụng lao động theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP:**

- Tổng số viên chức quản lý của Công ty tại thời điểm 29/12/2017: 05 người
- Tổng số viên chức quản lý sau khi sắp xếp lại tiếp tục sử dụng tại thời điểm 29/12/2017: 04 người
- Tổng số viên chức không bố trí được việc làm ở Công ty sau khi sắp xếp lại: 01 người.

**8.2.2.3. Kinh phí dự kiến**

**Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách: 2.106.770.775 đồng**

Trong đó:

- Thực hiện nghỉ hưu trước độ tuổi quy định: 1.577.073.775 đồng
- Đóng cho số tháng còn thiếu vào quỹ hưu trí, tử tuất với số lao động đủ tuổi hưu nhưng thiếu thời gian đóng BHXH: 0 đồng
- Thực hiện tuyển dụng lần cuối trước ngày 21/4/1998 không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: 486.433.000 đồng



- Thực hiện tuyển dụng lần cuối từ ngày 21/4/1998 trở về sau không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: 43.264.000 đồng

**Nguồn kinh phí thực hiện:**

Tổng chi phí dự kiến thực hiện chính sách:

**142.236.475 đồng**

Trong đó:

|                                                                                                                                                                             |                    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| - Nguồn: từ tiền bán cổ phần lần đầu, trường hợp không đủ thì được bổ sung từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định 63/2015/NĐ-CP) | 2.249.007.250 đồng |
| - Nguồn: Đề nghị Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp                                                                                                              | 0 đồng             |

Căn cứ Khoản 10 Điều 3 Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu: "Sau khi có quyết định phê duyệt sắp xếp lại công ty, công ty rà soát lại danh sách, dự kiến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động và tính toán lại chế độ đối với người lao động dôi dư, hoàn thiện lại phương án sử dụng lao động và giải quyết lao động dôi dư; công khai phương án sử dụng lao động và giải quyết lao động dôi dư trong thời gian 05 ngày làm việc để người lao động kiểm tra, đối chiếu; trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án sử dụng lao động và giải quyết lao động dôi dư".

Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk sẽ rà soát lại lao động, xác định thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động và tính toán lại chế độ chính sách đối với lao động dôi dư; phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định lại phương án sử dụng lao động; công khai cho người lao động theo quy định (tối thiểu 5 ngày làm việc) để người lao động kiểm tra, đối chiếu trước khi hoàn thiện lại phương án sắp xếp lại lao động, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.

**8.3. Kế hoạch đào tạo và đào tạo lại lao động giai đoạn 2017-2019**

Công ty không có nhu cầu đào tạo lại. Tất cả các cán bộ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần đều đáp ứng đủ yêu cầu làm việc

**9. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp**

Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk do Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) thực hiện.

Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản của Công ty TNHH MTV Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk tại thời điểm ngày 01/10/2016.

Quyết định 3629/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về phê duyệt giá trị của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk.

Tại thời điểm 0h ngày 01/10/2016, giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp như sau:

- |                                                       |                         |
|-------------------------------------------------------|-------------------------|
| - Giá trị thực tế của doanh nghiệp:                   | 2.341.705.966.816 đồng. |
| - Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: | 1.558.722.333.138 đồng. |
| - Giá trị tài sản không đưa vào cổ phần hóa           | 11.330.685.935 đồng     |

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN****Bảng 4: Tổng hợp kết quả đánh giá Công ty***Đơn vị tính: Đồng*

| Chi tiêu                                  | Số liệu sổ sách kế toán sau xử lý tài chính | Số liệu đánh giá lại     | Chênh lệch sau khi đánh giá |
|-------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------|
| <b>A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)</b> | <b>1.736.510.528.601</b>                    | <b>2.341.705.966.816</b> | <b>605.195.438.215</b>      |
| <b>I. TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>          | <b>1.632.114.086.504</b>                    | <b>2.228.899.063.748</b> | <b>596.784.977.244</b>      |
| 1. Tài sản cố định                        | 247.415.826.273                             | 523.879.994.269          | 276.464.167.996             |
| a. TSCĐ hữu hình                          | 246.868.229.213                             | 314.952.683.742          | 68.084.454.529              |
| b. TSCĐ vô hình                           | 547.597.060                                 | 208.927.310.527          | 208.379.713.467             |
| 2. Bất động sản đầu tư                    | 4.900.000.000                               | 2.955.000.000            | -1.945.000.000              |
| 3. Các khoản phải thu dài hạn             | 97.512.111.246                              | 97.512.111.246           | 0                           |
| 4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn     | 1.046.164.962.319                           | 929.270.844.634          | -116.894.117.685            |
| 5. Chi phí XDCB dở dang                   | 232.487.291.361                             | 242.330.419.436          | 9.843.128.075               |
| 6. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn      | -                                           | -                        | -                           |
| 7. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại         | -                                           | -                        | -                           |
| 8. Chi phí trả trước dài hạn              | 3.633.895.305                               | 7.508.662.163            | 3.874.766.858               |



DAKRUCO

## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

|                                                    |                       |                       |                     |
|----------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------|
| 9. Điều chỉnh theo KL của KTN                      | -                     | 425.442.032.000       | 425.442.032.000     |
| 9.1. Vườn cây cao su                               | -                     | 165.383.544.000       | 165.383.544.000     |
| - Vườn cây cao su trồng mới, tái canh              | -                     | 19.878.008.000        | 19.878.008.000      |
| - Vườn cây cao su thời kỳ KTCB                     | -                     | 93.721.419.000        | 93.721.419.000      |
| - Vườn cây cao su đang kinh doanh                  | -                     | 51.784.117.000        | 51.784.117.000      |
| 9.2. Hiện giá vườn cây                             | -                     | 253.727.588.000       | 253.727.588.000     |
| - Hiện giá vườn cây cao su quốc doanh              | -                     | 209.126.768.000       | 209.126.768.000     |
| - Hiện giá vườn cây cao su liên kết                | -                     | 44.600.820.000        | 44.600.820.000      |
| 9.3. Giá trị quyền sử dụng đất 20,3 ha tại EaHdinh | -                     | 6.330.900.000         | 6.330.900.000       |
| <b>II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn</b>                 | <b>93.691.442.097</b> | <b>93.475.320.695</b> | <b>-216.121.402</b> |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền:             | 16.411.656.757        | 16.342.549.117        | -69.107.640         |
| + Tiền mặt tồn quỹ                                 | 1.776.754.972         | 1.775.844.160         | -910.812            |
| + Tiền gửi ngân hàng                               | 14.634.901.785        | 14.566.704.957        | -68.196.828         |
| 2. Đầu tư tài chính ngắn hạn                       | 5.600.000.000         | 5.600.000.000         | 0                   |
| 3. Các khoản phải thu                              | 35.050.329.530        | 34.903.315.768        | -147.013.762        |
| 4. Vật tư hàng hoá tồn kho                         | 35.424.081.132        | 35.424.081.132        | 0                   |

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

|                                                           |                       |                       |                      |
|-----------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                                  | 1.205.374.678         | 1.205.374.678         | 0                    |
| <b>III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp</b>   | <b>0</b>              | <b>4.754.079.873</b>  | <b>4.754.079.873</b> |
| <b>IV. Giá trị quyền sử dụng đất</b>                      | <b>10.705.000.000</b> | <b>14.577.502.500</b> | <b>3.872.502.500</b> |
| <b>B. Tài sản không cần dung</b>                          | <b>11.330.685.935</b> | <b>11.330.685.935</b> | <b>0</b>             |
| <b>I. TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>                          | <b>11.330.685.935</b> | <b>11.330.685.935</b> | <b>0</b>             |
| 1. TSCĐ                                                   | 11.330.685.935        | 11.330.685.935        | 0                    |
| 2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn                     | -                     | -                     | -                    |
| 3. Chi phí XDCB dở dang                                   | -                     | -                     | -                    |
| 4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn                      | -                     | -                     | -                    |
| <b>II. TSLD và đầu tư ngắn hạn:</b>                       | <b>-</b>              | <b>-</b>              | <b>-</b>             |
| 1. Công nợ không có khả năng thu hồi                      | -                     | -                     | -                    |
| 2. Hàng hóa tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất             | -                     | -                     | -                    |
| <b>C. Tài sản chờ thanh lý</b>                            | <b>-</b>              | <b>-</b>              | <b>-</b>             |
| I. TSCĐ và đầu tư dài hạn                                 | -                     | -                     | -                    |
| II. TSLD và đầu tư ngắn hạn                               | -                     | -                     | -                    |
| <b>D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng</b> | <b>-</b>              | <b>-</b>              | <b>-</b>             |



DAKRUCO

## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

|                                                               |                          |                          |                        |
|---------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|
| <b>TỔNG GIÁ TRỊ CỦA TÀI SẢN (A + B + C + D)</b>               | <b>1.747.841.214.536</b> | <b>2.353.036.652.751</b> | <b>605.195.438.215</b> |
| Trong đó:<br><b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)</b> | <b>1.736.510.528.601</b> | <b>2.341.705.966.816</b> | <b>605.195.438.215</b> |
| <b>E1. Giá trị của nợ phải trả (E 1.1 - E 1.2)</b>            | <b>725.749.242.692</b>   | <b>782.983.633.678</b>   | <b>57.234.390.986</b>  |
| E 1.1 Tổng nợ phải trả theo bảng cân đối kế toán              | 725.749.242.692          | 782.983.633.678          | 57.234.390.986         |
| E 1.2 Quỹ khen thưởng phúc lợi đã hình thành tài sản cố định  | -                        | -                        | -                      |
| <b>E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp</b>                           | -                        | -                        | -                      |
| <b>TỔNG GIÁ TRỊ CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU [A - (E1+E2)]</b>          | <b>1.010.761.285.909</b> | <b>1.558.722.333.138</b> | <b>547.961.047.229</b> |

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk

**Một số vấn đề tồn tại cần tiếp tục xử lý:**

Tại thời điểm phát hành Báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk, Công ty vẫn chưa hoàn thành kiểm tra quyết toán thuế bởi Cục thuế tỉnh Đắk Lắk;

Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk không có nợ phải thu, phải trả quá hạn thanh toán. Công ty đã tiến hành đối chiếu xác nhận nợ, hoặc tổ chức tự vấn đã dùng thủ tục thay thế để kiểm tra phát sinh sau niên độ được 9,27% các khoản công nợ phải thu (có giá trị là 11.655.434.194 đồng, còn lại 114.052.350.003 đồng chưa nhận được biên bản đối chiếu công nợ) và 73,11% các khoản công nợ phải trả (có giá trị là 482.166.272.534 đồng, còn lại 177.329.547.565 đồng chưa nhận được biên bản đối chiếu công nợ).

**10. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp****10.1. Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 01/10/2016****Bảng 5: Tình hình tài sản cố định Công ty**

Đơn vị tính: Đồng

| Stt | Chỉ tiêu                                 | Nguyên giá             | Đã khấu hao            | Giá trị còn lại        |
|-----|------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|     | <b>Tài sản cố định</b>                   | <b>554.698.335.736</b> | <b>291.677.509.463</b> | <b>263.020.826.273</b> |
| 1   | Tài sản cố định hữu hình                 | 537.025.739.078        | 290.157.509.865        | 246.868.229.213        |
| A   | Nhà cửa vật kiến trúc                    | 238.736.228.403        | 81.962.219.255         | 156.774.009.148        |
| B   | Máy móc thiết bị                         | 113.399.286.697        | 93.871.139.460         | 19.528.147.237         |
| C   | Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | 33.840.743.282         | 21.088.374.936         | 12.752.368.346         |
| D   | Thiết bị, dụng cụ quản lý                | 3.249.234.156          | 3.037.528.478          | 211.705.678            |
| E   | Vườn cây kinh doanh                      | 147.800.246.540        | 90.198.247.736         | 57.601.998.804         |
| 2   | Tài sản cố định vô hình                  | 12.772.596.658         | 1.519.999.598          | 11.252.597.060         |
| 3   | Tài sản cố định thuê tài chính           | 0                      | 0                      | 0                      |
| 4   | Bất động sản đầu tư                      | 4.900.000.000          | 0                      | 4.900.000.000          |
|     | <b>Tổng cộng</b>                         | <b>554.698.335.736</b> | <b>291.677.509.463</b> | <b>263.020.826.273</b> |

Nguồn: BCTC đã kiểm toán 30/09/2016 của Công ty.

**10.2. Nhà cửa vật kiến trúc tại thời điểm 30/09/2016**

Nguyên giá:

277.583.659.487 đồng

Giá trị còn lại:

168.105.254.373 đồng

**10.3. Máy móc thiết bị tại thời điểm 30/09/2016**

Nguyên giá:

137.708.495.425 đồng

Giá trị còn lại:

33.107.177.110 đồng

**10.4. Phương tiện vận tải tại thời điểm 30/09/2016**

Nguyên giá:

39.337.017.513 đồng

Giá trị còn lại:

16.829.903.506 đồng

**10.5. Thiết bị, dụng cụ quản lý tại thời điểm 30/09/2016**



**DAKRUCO****BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

|                                                  |                      |
|--------------------------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá:                                      | 3.184.894.580 đồng   |
| Giá trị còn lại:                                 | 1.606.215.390 đồng   |
| <b>10.6. Tài sản cố định khác</b>                |                      |
| Nguyên giá:                                      | 111.902.000 đồng     |
| Giá trị còn lại:                                 | 27.961.533 đồng      |
| <b>10.7. Tài sản cố định vô hình</b>             |                      |
| Nguyên giá:                                      | 485.083.300.625 đồng |
| Giá trị còn lại:                                 | 483.563.301.027 đồng |
| <b>10.8. Vườn cây cao su trồng mới, tái canh</b> |                      |
| Nguyên giá:                                      | 59.589.337.107 đồng  |
| Giá trị còn lại:                                 | 0 đồng               |
| <b>10.9. Vườn cây cao su thời kỳ KTCB</b>        |                      |
| Nguyên giá:                                      | 242.589.364.966 đồng |
| Giá trị còn lại:                                 | 0 đồng               |
| <b>10.10. Vườn cây cao su đang kinh doanh</b>    |                      |
| Nguyên giá:                                      | 415.148.755.348 đồng |
| Giá trị còn lại:                                 | 147.088.250.723 đồng |

*Nguồn: Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk*

**11. Tình hình sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất****11.1. Thực trạng về đất đai Công ty đang quản lý và sử dụng**

Tổng diện tích đất Công ty đang quản lý, sử dụng 9.305,28 ha đất. Hiện trạng sử dụng đất như sau:

- Đất nông nghiệp: 9.234,92ha; bao gồm: đất trồng cây lâu năm 8.841,13ha; đất nuôi trồng thủy sản: 4,22ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 389,57ha.
- Đất phi nông nghiệp: 45,5ha, bao gồm: đất ở tại đô thị 0,08ha; đất cơ sở y tế 0,44ha; đất cơ sở giáo dục đào tạo 0,23ha; đất cơ sở thể dục thể thao 0,92ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 35,38ha; đất bãi xử lý chất thải 1,24ha; đất có mặt nước chuyên dùng 5,16ha; đất thủy lợi 2,05ha.
- Đất chưa sử dụng: 24,86ha.

Diện tích đất Công ty đang quản lý sử dụng theo địa giới hành chính cấp huyện phân ra như sau:

- Tại thành phố Buôn Ma Thuột: diện tích 644,06ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 600,59ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường giao thông) 14,38ha; đất ở tại đô thị 0,08ha, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 6,01ha; đất chưa sử dụng 23ha.
- Tại thị xã Buôn Hồ: diện tích 1.194,65ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 1.131,94ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 59,81ha; đất cơ sở giáo dục và đào tạo 0,23ha; đất cơ sở thể dục thể thao 0,92ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 1,75ha.
- Tại huyện Krông Búk: diện tích 2.272,2ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 2.128,24ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 137,05ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 3,0ha; đất thủy lợi 2,05ha; đất chưa sử dụng 1,86ha.
- Tại huyện Cư M'gar: diện tích 4.480,84ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 4.294,28ha, đất nuôi trồng thủy sản 4,22ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 155,37ha; đất cơ sở y tế 0,44ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 20,13ha; đất bãi thải xử lý chất thải 1,24ha; đất có mặt nước chuyên dùng 5,16ha.
- Tại huyện Cư Kuin: diện tích 712,61ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 686,08ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 22,96ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 3,57ha.

Tại huyện Buôn Đôn: diện tích 0,92ha (đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp).

**\* Đánh giá về tình hình sử dụng đất**



Trong các năm qua, Công ty đã sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, việc quản lý đất đã đảm bảo theo đúng các quy định của Luật Đất đai cũng như các quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công tác đăng ký, chỉnh lý biến động quản lý hồ sơ địa chính được thực hiện đúng trình tự theo quy định.

Chính sách sử dụng đất của Công ty trong những năm tới là sử dụng đất đúng mục đích, phát huy những lợi thế của các lô đất để tối đa hóa lợi nhuận. Việc quản lý và sử dụng đất sẽ được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.

**11.2. Phương án sử dụng đất của Công ty sau cổ phần hóa**

Căn cứ Quyết định số 2201/QĐ-UBND ngày 18/08/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk, phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty sau cổ phần hóa như sau:

- **Diện tích đất Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk giữ lại:**
  - a) Tổng diện tích đất Công ty giữ lại 9.268,5ha. Trong đó:
    - Đất nông nghiệp: 9.231,7ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm: 8.837,91ha; đất nuôi trồng thủy sản: 4,22ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 389,57ha.
    - Đất phi nông nghiệp: 34,94ha, bao gồm: đất ở tại đô thị 0,08ha; đất cơ sở y tế 0,44ha; đất cơ sở thể dục thể thao 0,92ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 32,00ha, đất bãi thải xử lý chất thải 1,24ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,26ha.
    - Đất chưa sử dụng: 1,86ha.
  - b) Diện tích đất Công ty giữ lại theo địa giới hành chính cấp huyện phân ra như sau:
    - Tại thành phố Buôn Ma Thuột: diện tích 621,06ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 600,59ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 14,38ha; đất ở tại đô thị 0,08ha; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 6,01ha.
    - Tại thị xã Buôn Hồ: diện tích 1.194,42ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 1.131,94ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 59,81ha; đất cơ sở thể dục thể thao 0,92ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 1,75ha.
    - Tại huyện Krông Búk: diện tích 2.270,15ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 2.128,24ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 137,05ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 3,00ha; đất chưa sử dụng 1,86ha.
    - Tại huyện Cư M'gar: diện tích 4.469,34ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 4.291,06ha; đất nuôi trồng thủy sản 4,22ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 155,37ha; đất cơ sở y tế 0,44ha; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 16,75ha; đất bãi thải xử lý chất thải 1,24ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,26ha.
    - Tại huyện Cư Kuin: diện tích 712,61ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm 686,08ha; đất sản xuất nông nghiệp (đường lô sản xuất) 22,96ha; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 3,57ha.
    - Tại huyện Cư Buôn Đôn: diện tích 0,92ha (đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp).
- **Diện tích đất Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk bàn giao về địa phương quản lý:**



- a) Tổng diện tích đất Công ty bàn giao về địa phương quản lý: 36,78ha. Trong đó:
- Đất nông nghiệp: 3,22ha (đất trồng cây lâu năm).
  - Đất phi nông nghiệp: 10,56ha, bao gồm: đất cơ sở giáo dục đào tạo 0,23ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 3,38ha; đất có mặt nước chuyên dùng 4,90ha; đất thủy lợi 2,05ha.
  - Đất chưa sử dụng: 23ha.
- b) Diện tích đất Công ty bàn giao cho địa phương quản lý theo địa giới hành chính cấp huyện, như sau:
- Tại thành phố Buôn Ma Thuột: diện tích 23ha (đất chưa sử dụng) thuộc các thửa đất, như sau:
    - Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 61 tại phường Tân An: diện tích 16,93 ha.
    - Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 66 tại phường Tân An: diện tích 6,07ha.
  - Tại thị xã Buôn Hồ: diện tích: 0,23ha (đất cơ sở giáo dục và đào tạo) thuộc thửa đất số 31, tờ bản đồ số 33 tại xã Cư Bao.
  - Tại huyện Krông Búk: diện tích: 2,05ha (đất thủy lợi) thuộc thửa đất số 61, tờ bản đồ số 6 tại xã Chư Kbo.
  - Tại huyện Cư M'gar: diện tích 11,5ha. Trong đó:
    - Đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm): 3,22ha thuộc các thửa đất số: 23, 35, 37, 38, 40, 41, 42, 43, 44, tờ bản đồ số 54 tại xã Ea Drong.
    - Đất phi nông nghiệp: diện tích 8,28ha, bao gồm: đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 3,38ha (thuộc các thửa đất số: thửa số 70, tờ bản đồ 6, thửa đất số 5, tờ bản đồ 54. Một phần thửa đất số 1, tờ bản đồ số 47, xã Ea Drong); đất có mặt nước chuyên dùng 4,9ha thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ số 53 tại xã Ea Drong.
- c) Về danh mục các dự án UBND Tỉnh Đắk Lắk đã có quyết định chủ trương đầu tư, danh mục dự án kêu gọi đầu tư đã được UBND tỉnh phê duyệt thuộc dự án diện tích đất của Công ty. – Xem phụ lục đính kèm quyết định 2201/QĐ-UBND ngày 18/08/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk, phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty.

**Bảng 6: Phương án sử dụng đất của Công ty sau cổ phần hóa**
*Đơn vị tính: m<sup>2</sup>*

| Chỉ tiêu/Các đơn vị                  | CU KPO   | CU BAO   | PHU XUÂN | XN CB | CUOR ĐANG | NT 30/4 | CU MGAR  | EA HDINH | CN NT 19/8 | Buôn Đón | VP CÔNG TY | Tổng     | Dự kiến bán giao địa phương | Dự kiến phương án sử dụng đất |
|--------------------------------------|----------|----------|----------|-------|-----------|---------|----------|----------|------------|----------|------------|----------|-----------------------------|-------------------------------|
| Tổng diện tích hiện nay đang quản lý | 2.372,20 | 1.190,27 | 1.854,67 | 10,36 | 76,17     | 85,92   | 1.775,19 | 18,30    | 712,41     | 0,92     | 3,66       | 1.230,53 | 56,78                       | 2.261,5                       |
| 1. Đất phi nông nghiệp               | 5,05     | 2,89     | 8,87     | 10,86 | 4,58      | 2,43    | 2,38     | 0,28     | 3,57       | 0,92     | 3,66       | 45,5     | 10,56                       | 34,9                          |
| - Đất sản xuất kinh doanh phi NN     | 3,00     | 1,74     | 3,97     | 9,36  | 4,14      | 2,43    | 2,38     | 0,28     | 3,57       | 0,92     | 3,58       | 35,4     | -                           | -                             |
| Trụ sở                               | 1,53     | 1,55     | 3,97     | -     | 4,14      | 1,10    | 1,97     | 0,28     | 1,80       | -        | 3,58       | 19,9     | 3,39                        | 16,5                          |
| Cơ sở SX, kinh doanh, dịch vụ        | 1,47     | -        | -        | 7,89  | -         | 0,33    | -        | -        | 1,45       | 0,92     | -          | 12,1     | -                           | 12,1                          |
| Đất nhà tập thể                      | -        | 0,20     | -        | 1,46  | -         | 1,00    | 0,41     | -        | 0,32       | -        | -          | 3,4      | -                           | 3,4                           |
| - Đất thể dục thể thao               | -        | 0,92     | -        | -     | -         | -       | -        | -        | -          | -        | -          | 0,9      | -                           | 0,9                           |
| - Đất giáo dục                       | -        | 0,23     | -        | -     | -         | -       | -        | -        | -          | -        | -          | 0,2      | 0,23                        | -                             |
| - Đất trạm y tế                      | -        | -        | -        | -     | 0,44      | -       | -        | -        | -          | -        | -          | 0,4      | -                           | 0,4                           |
| - Đất xử lý nước thải                | -        | -        | -        | 1,24  | -         | -       | -        | -        | -          | -        | -          | 1,2      | -                           | 1,2                           |

|                                  |                 |                 |                 |          |               |               |                 |              |               |          |          |                |              |                |
|----------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|----------|---------------|---------------|-----------------|--------------|---------------|----------|----------|----------------|--------------|----------------|
| - Mất nước CD<br>(TD, hồ bơm nc) |                 | -               | 4,90            | 0,26     | -             | -             | -               | -            | -             | -        | -        | 5,2            | 4,90         | 0,3            |
| - Đất thủy lợi                   | 2,05            | -               | -               | -        | -             | -             | -               | -            | -             | -        | -        | 2,0            | 2,05         | -              |
| - Đất ở                          | -               | -               | -               | -        | -             | -             | -               | -            | -             | -        | 0,1      | 0,1            | -            | 0,1            |
| <b>2. Đất nông nghiệp</b>        | <b>2.265,30</b> | <b>1.187,38</b> | <b>1.845,80</b> | <b>-</b> | <b>755,59</b> | <b>660,49</b> | <b>1.772,81</b> | <b>38,52</b> | <b>709,05</b> | <b>-</b> | <b>-</b> | <b>9.234,9</b> | <b>3,22</b>  | <b>9.231,7</b> |
| 2.1 Đất trồng cây lâu năm        | 2.128,24        | 1.127,57        | 1.762,60        | -        | 755,59        | 645,17        | 1.697,36        | 38,52        | 686,08        | -        | -        | 8.841,1        | 3,22         | 8.837,9        |
| - Đất trồng cao su               | 2.090,62        | 1.117,32        | 1.741,74        | -        | 755,59        | 643,37        | 1.696,47        | 38,52        | 676,95        | -        | -        | 8.760,6        | -            | 8.760,6        |
| + Quốc doanh                     | 2.090,62        | 965,95          | 1.652,53        | -        | 755,59        | 643,37        | 1.367,45        | 38,52        | 652,92        | -        | -        | 8.166,9        | -            | 8.166,9        |
| + Liên kết                       |                 | 151,37          | 89,21           | -        | -             | -             | 329,01          | -            | 24,03         | -        | -        | 593,6          | -            | 593,6          |
| Trong đó: Tranh chấp             | -               | 19,65           | -               | -        | -             | -             | 59,13           | -            | -             | -        | -        | 78,8           | -            | 78,8           |
| - Đất trồng cà phê               | 37,62           | 10,25           | 20,87           | -        | -             | 1,80          | 0,89            | -            | 9,13          | -        | -        | 80,6           | 3,22         | 77,3           |
| - Đất nông nghiệp khác           | -               | -               | 4,21            | -        | -             | -             | -               | -            | -             | -        | -        | 4,2            | -            | 4,2            |
| + Ao, hồ nuôi trồng thủy sản     | -               | -               | 4,21            | -        | -             | -             | -               | -            | -             | -        | -        | 4,2            | -            | 4,2            |
| 2.2 GTSX                         | 137,06          | 59,81           | 78,98           | -        | -             | 15,32         | 75,45           | -            | 22,97         | -        | -        | 389,6          | -            | 389,6          |
| <b>3. Đất chưa sử dụng</b>       | <b>1,86</b>     | <b>-</b>        | <b>-</b>        | <b>-</b> | <b>-</b>      | <b>23,00</b>  | <b>-</b>        | <b>-</b>     | <b>-</b>      | <b>-</b> | <b>-</b> | <b>24,9</b>    | <b>23,00</b> | <b>1,9</b>     |

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

|                         |      |   |   |   |   |       |   |   |   |   |   |   |      |             |
|-------------------------|------|---|---|---|---|-------|---|---|---|---|---|---|------|-------------|
| Bờ lố                   | 1,86 | - | - | - | - | -     | - | - | - | - | - | - | 1,9  | 1,9         |
| Quy hoạch của UBND tỉnh | -    | - | - | - | - | 23,00 | - | - | - | - | - | - | 23,0 | 23,00 (0,0) |

Nguồn: DAKRUCO



**12. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty các năm trước cổ phần hóa**
**12.1. Sản phẩm kinh doanh chính**

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su thiên nhiên; kinh doanh xuất khẩu sản phẩm mủ cao su thiên nhiên; kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch...

Sản phẩm chính của Công ty là mủ cao su, được chia làm 2 loại chính: mủ latex và mủ cốm. Trong đó, mủ Latex ở dạng lỏng bao gồm dòng mủ HA (High Amoniac) và mủ LA (Low Amoniac), ứng dụng rộng rãi trong cuộc sống hằng ngày phục vụ cho các lĩnh vực y tế, kỹ thuật như sản xuất nệm, găng tay, keo dán, bong bóng. Trong khi đó, mủ cốm ở dạng khối có 03 dòng chính bao gồm dòng có độ mềm dẻo và có tính bám dính phục vụ để sản xuất dây thun, keo dán, mặt hông lốp xe, mặt vợt bóng bàn như, SVR CV 60, SVR 10 CV; dòng có độ đàn hồi và mài mòn cao phục vụ cho lĩnh vực sản xuất lốp xe ô tô, dây đai, cáp dây điện như SVR 3L và dòng có tính cứng phục vụ trong công nghiệp sản xuất lốp xe như SVR 10.

**12.2. Quy trình sản xuất của Công ty Dakruco qua hoạt động trồng, khai thác, chế biến được chuẩn hóa theo quy trình ISO 9000.**

**Bảng 7: Cơ cấu sản lượng và tỷ trọng mủ cao su theo sản phẩm từ năm 2013-2017**

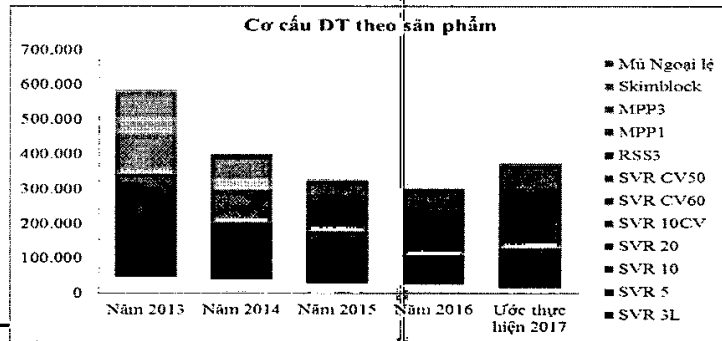
| Sản phẩm | Năm 2013        |              | Năm 2014        |              | Năm 2015        |              | Năm 2016        |              | Ước thực hiện 2017 |              |
|----------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|--------------------|--------------|
|          | DT (triệu đồng) | Tỷ trọng (%) | DT (triệu đồng) | Tỷ trọng (%) | DT (triệu đồng) | Tỷ trọng (%) | DT (triệu đồng) | Tỷ trọng (%) | DT (triệu đồng)    | Tỷ trọng (%) |
| Latex HA | 44.940          | 7,7          | 39.487          | 9,8          | 27.740          | 8,4          | 25.558          | 8,4          | 13.587             | 3,6          |
| Latex LA | 0               | 0,0          | 0               | 0            | 0               | 0            | 0               | 0,0          | 0                  | 0,0          |
| SVR 3L   | 292.333         | 49,8         | 138.731         | 34,5         | 142.225         | 43,2         | 79.049          | 25,9         | 109.921            | 29,4         |
| SVR 5    | 7.098           | 1,2          | 25.289          | 6,3          | 7.092           | 2,2          | 6.149           | 2,0          | 6.993              | 1,9          |
| SVR 10   | 110.531         | 18,8         | 94.807          | 23,6         | 107.509         | 32,6         | 125.077         | 41,0         | 171.946            | 46,0         |
| SVR 20   | 6.149           | 1,0          | 922             | 0,2          | 1.709           | 0,5          | 7.708           | 2,5          | 1.209              | 0,3          |



# BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

|                  |                |            |                |            |                |            |                |            |                |            |
|------------------|----------------|------------|----------------|------------|----------------|------------|----------------|------------|----------------|------------|
| SVR 10CV         | 46.073         | 7,9        | 33.269         | 8,3        | 1.834          | 0,6        | 0              | 0,0        | 0              | 0,0        |
| SVR CV60         | 70.966         | 12,1       | 63.717         | 15,8       | 35.725         | 10,8       | 57.376         | 18,8       | 67.481         | 18,1       |
| SVR CV50         | 2.564          | 0,4        | 882            | 0,2        | 0              | 0          | 0              | 0,0        | 0              | 0,0        |
| RSS3             | 0              | 0,0        | 2.764          | 0,7        | 0              | 0          | 0              | 0,0        | 0              | 0,0        |
| MPP1             | 0              | 0,0        | 30             | 0,0        | 30             | 0,0        | 0              | 0,0        | 0              | 0,0        |
| MPP3             | 0              | 0,0        | 50             | 0,0        | 29             | 0,0        | 0              | 0,0        | 0              | 0,0        |
| Skimblock        | 4.936          | 0,8        | 2.077          | 0,5        | 3.774          | 1,1        | 1.526          | 0,5        | 2.075          | 0,6        |
| Mủ Ngoại lệ      | 1.026          | 0,2        | 0              | 0          | 1.852          | 0,6        | 2.261          | 0,7        | 565            | 0,2        |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>586.617</b> | <b>100</b> | <b>402.030</b> | <b>100</b> | <b>329.523</b> | <b>100</b> | <b>304.704</b> | <b>100</b> | <b>373.777</b> | <b>100</b> |

Nguồn: DAKRUCO



**12.3. Nguyên vật liệu**

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào Công ty chủ yếu từ các chi nhánh nông trường và thu mua ngoài. Trong đó chủ yếu là sản lượng từ vườn cây cao su quốc doanh đang quản lý nên tính ổn định tương đối cao. Sản lượng đầu vào đưa vào chế biến cụ thể từ 2013-2017 như sau:

**Bảng 8: Sản lượng mủ 2013-2017**

| Danh Mục                                 | Đơn vị tính: Tấn |          |          |          |          |
|------------------------------------------|------------------|----------|----------|----------|----------|
|                                          | Năm 2013         | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 |
| Số lượng khai thác mủ nước Quy khô (tấn) | 6.197            | 5.616    | 4.727    | 3.846    | 4.269    |
| Số lượng khai thác mủ phụ Quy khô (tấn)  | 1.687            | 1.689    | 1.580    | 1.419    | 1.528    |
| Số lượng mua ngoài quy khô (tấn)         | 3.990            | 4.586    | 4.185    | 4.216    | 4.626    |
| Tổng công (tấn)                          | 11.874           | 11.892   | 10.492   | 9.481    | 10.423   |

Nguồn: Công ty

Sản lượng khai thác trong giai đoạn hiện tại là rất thấp do công ty đang bước vào chu kỳ thanh lý tái canh. Hiện nay diện tích cao su kinh doanh chỉ còn khoảng 30% tổng diện tích, trong đó phần lớn là diện tích cao su già cỗi năng suất thấp. Số diện tích còn lại là vườn cây KTCB nhưng chưa đến thời kỳ đưa vào khai thác.

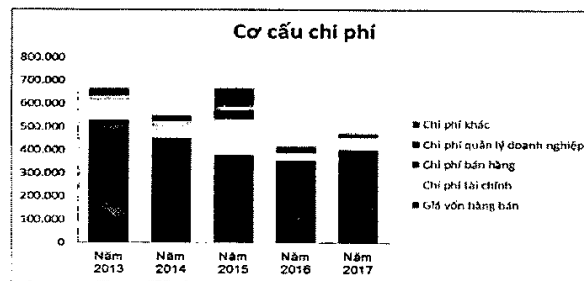
**12.4. Chi phí**

Cơ cấu chi phí và tỷ trọng chi phí trên tổng doanh thu của Công ty mẹ - Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk giai đoạn năm 2013-2017 như sau:

**Bảng 9: Chi phí giai đoạn 2013 – 2017**
*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Stt              | Chi tiêu               | Năm 2013       |             | Năm 2014       |             | Năm 2015       |             | Năm 2016       |              | Năm 2017       |             |
|------------------|------------------------|----------------|-------------|----------------|-------------|----------------|-------------|----------------|--------------|----------------|-------------|
|                  |                        | Giá trị        | Tỷ trọng    | Giá trị        | Tỷ trọng    | Giá trị        | Tỷ trọng    | Giá trị        | Tỷ trọng     | Giá trị        | Tỷ trọng    |
| 1                | Giá vốn hàng bán       | 531.588        | 79,73       | 452.967        | 82,17       | 379.406        | 56,85       | 356.314        | 84,66        | 400.732        | 77,32       |
| 2                | Chi phí tài chính      | 87.079         | 13,06       | 52.574         | 9,54        | 146.079        | 21,89       | 25.940         | 6,16         | 50.139         | 9,67        |
|                  | <i>Chi phí lãi vay</i> | <i>47.423</i>  | <i>7,11</i> | <i>51.258</i>  | <i>9,30</i> | <i>47.097</i>  | <i>7,06</i> | <i>47.277</i>  | <i>11,23</i> | <i>43.855</i>  | <i>8,46</i> |
| 3                | Chi phí bán hàng       | 15.621         | 2,34        | 18.198         | 3,30        | 10.667         | 1,60        | 7.328          | 1,74         | 5.462          | 1,05        |
| 4                | Chi phí QLDN           | 27.225         | 4,08        | 23.647         | 4,29        | 36.497         | 5,47        | 24.379         | 5,79         | 12.777         | 2,47        |
| 5                | Chi phí khác           | 5.190          | 0,78        | 3.842          | 0,70        | 94.687         | 14,19       | 6.920          | 1,64         | 5.323          | 1,03        |
| <b>Tổng cộng</b> |                        | <b>666.703</b> | <b>100</b>  | <b>551.228</b> | <b>100</b>  | <b>667.336</b> | <b>100</b>  | <b>420.881</b> | <b>100</b>   | <b>518.288</b> | <b>100</b>  |

*Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2013, 2014, 2015 và 2016 đã kiểm toán của DAKRUCO, Báo cáo tài chính 2017 công ty lập và chưa kiểm toán*



#### 12.5. Lợi nhuận và các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Lợi nhuận thực hiện của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk trong giai đoạn năm 2013 – 2017 như sau:

**Bảng 10: Lợi nhuận giai đoạn 2013 - 2017**

Đơn vị tính: triệu đồng

| Stt | Chỉ tiêu                               | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015  | Năm 2016 | Năm 2017 |
|-----|----------------------------------------|----------|----------|-----------|----------|----------|
| 1   | Doanh thu thuần                        | 636.700  | 17.939   | 380.121   | 358.157  | 408.265  |
| 2   | Lợi nhuận thuần từ sản xuất kinh doanh | 32.483   | (43.450) | (165.799) | (27.610) | (21.968) |
| 3   | Lợi nhuận khác                         | 37.658   | 43.762   | (66.864)  | 59.548   | 257.804  |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế                   | 70.142   | 312      | (232.664) | 32.038   | 235.835  |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế                     | 54.915   | 97       | (232.841) | 32.038   | 234.097  |

Nguồn: BCTC Công ty mẹ năm 2013 - 2016 đã kiểm toán độc lập, đã điều chỉnh theo kết luận của KTN, Báo cáo tài chính 2017 công ty lập và chưa kiểm toán.



Trong suốt thời kỳ từ khi thành lập, Dakruco luôn hoạt động có hiệu quả, đặc biệt trong giai đoạn 2009 – 2012 là những năm có số lãi rất lớn. Bắt đầu từ năm 2014 khi giá cao su rớt sâu và kéo dài, vườn cây cao su đi vào chu kỳ thanh lý tái canh, sản lượng giảm dẫn đến hiệu quả thấp. Đặc biệt trong năm 2015 xuất hiện lỗ, đây là năm duy nhất trong lịch sử hình thành và phát triển của Dakruco. Số lỗ này xuất phát từ 02 yếu tố:

- Yếu tố thị trường: Giá cao su rơi vào đáy của chu kỳ.
- Công ty tiến hành thoái vốn cắt lỗ các dự án không hiệu quả: Việc thoái vốn khỏi các dự án không hiệu quả gây ra các khoản lỗ trên sổ sách. Tuy nhiên xét về tổng thể, việc này giúp làm lành mạnh tài chính công ty một cách bền vững. Vì sau khi cắt lỗ, công ty đã dừng được việc tiếp tục bơm vốn vào các dự án này, đồng thời ngăn chặn được các diễn biến xấu có thể xảy ra trong tương lai.

Bắt đầu từ năm 2016 sau khi đã cắt lỗ các dự án không hiệu quả, giá mủ cao su có khuynh hướng khả quan hơn, đồng thời với việc các công ty con có kết quả hoạt động SXKD tích cực và đặc biệt là công ty DRI (là công ty mà Dakruco đầu tư vốn vào lớn nhất). Cộng với các khoản thu nhập từ cho thuê đất trồng xen, các nguồn thu nhập khác, tất cả đã làm cho tình hình hoạt động SXKD của công ty khả quan hơn nhiều.

**Bảng 11: Tổng hợp các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty giai đoạn 2013 – 2017:**

| Các chỉ tiêu                                  | Đơn vị tính | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 |
|-----------------------------------------------|-------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>        |             |          |          |          |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn                     | lần         | 0,36     | 0,40     | 0,38     | 0,29     | 0,49     |
| Hệ số thanh toán nhanh                        | lần         | 0,17     | 0,16     | 0,18     | 0,14     | 0,23     |
| Hệ số thanh toán tiền mặt                     | lần         | 0,06     | 0,06     | 0,06     | 0,05     | 0,14     |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                 |             |          |          |          |          |          |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản                         | %           | 53,55    | 45,89    | 47,56    | 45,85    | 35,65    |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                       | %           | 115,31   | 84,81    | 90,70    | 84,67    | 55,41    |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>         |             |          |          |          |          |          |
| Vòng quay hàng tồn kho                        | lần/năm     | 4,77     | 4,36     | 4,87     | 6,14     | 4,46     |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản                  | %           | 0,26     | 0,23     | 0,23     | 0,22     | 0,24     |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>          |             |          |          |          |          |          |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần      | %           | 8,62     | 0,021    | -        | 8,95     | 57,34    |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) | %           | 4,89     | 0,009    | -        | 3,59     | 21,22    |



|                                             |   |      |       |   |      |       |
|---------------------------------------------|---|------|-------|---|------|-------|
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) | % | 2,27 | 0,005 | - | 1,94 | 13,65 |
|---------------------------------------------|---|------|-------|---|------|-------|

Nguồn: BCTC năm 2013, 2014 và 2015 đã kiểm toán của Công ty, VCBS tổng hợp

#### 12.6. Năng lực sản xuất chế biến và khả năng cung ứng

Hiện tại Công ty có nhà máy chế biến cao su thiên nhiên công suất 20.000 tấn/năm. Công suất dây chuyền mù phụ & dây chuyền mù nước: 10.000 tấn/năm, công suất dây chuyền mù ly tâm: 5.000 tấn/năm.

Máy móc thiết bị được lắp đặt theo từng công đoạn đầu tư của Xí nghiệp. Các thiết bị trong dây chuyền phục vụ cho sản xuất được nhập khẩu 80% từ các nước như: Malaysia, Đức, Mỹ và các Công ty sản xuất trong nước theo yêu cầu vận hành. Hàng năm, Xí nghiệp đều tiến hành nâng cấp sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ và các loại máy móc thiết bị hiện tại chất lượng còn khoảng 80%.

#### 12.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Dakruco được chứng nhận Hệ thống Quản lý Chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO TCVN 9001 từ năm 2000; Hệ thống Quản lý Môi trường theo Tiêu chuẩn ISO TCVN 14001 từ năm 2008; Hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo ISO/IEC 17025.

- Hệ thống Quản lý Chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO TCVN 9001:2008 đối với lĩnh vực “Trồng, chăm sóc cây cao su; Khai thác, chế biến và cung ứng cao su thiên nhiên”:

✓ **Phạm vi áp dụng:**

- Văn phòng Công ty;
- Chi nhánh Nông trường cao su Cư Kpô ;
- Chi nhánh Nông trường cao su Cư Bao ;
- Chi nhánh Nông trường cao su Phú Xuân ;
- Chi nhánh Nông trường cao su Cuôr Đăng ;
- Chi nhánh Nông trường cao su Cư Mgar ;
- Chi nhánh Nông trường cao su 30/4 ;
- Chi nhánh Nông trường cao su 19/8 ;
- Chi nhánh Trung tâm Đầu tư phát triển cao su Ea Hding ;
- Chi nhánh Xí nghiệp chế biến và dịch vụ cao su ;
- Công ty CP Kỹ thuật cao su;
- Công ty CP cao su Daknoruco.

✓ **Sản phẩm được kiểm soát theo Hệ thống quản lý chất lượng:**



- Cao su thiên nhiên SVR gồm: SVRL, SVR3L, SVR5, SVR10, SVR20, SVRCV50, SVRCV60, SVR10CV, SVR20CV phù hợp với các yêu cầu của Tiêu chuẩn TCVN 3769:2004;

- Cao su thiên nhiên cô đặc gồm: LA, HA phù hợp với các yêu cầu của Tiêu chuẩn TCVN 6314:2007.

• Hệ thống Quản lý Môi trường theo Tiêu chuẩn ISO TCVN 14001:2010 đối với lĩnh vực “*Chế biến cao su thiên nhiên*”:

✓ **Phạm vi áp dụng:**

- Khối Văn phòng Công ty;
- Chi nhánh Xí nghiệp chế biến và dịch vụ cao su;
- Công ty CP Kỹ thuật cao su.

✓ **Địa điểm kiểm soát trọng yếu theo Hệ thống Quản lý Chất lượng**

▪ **Tại xí nghiệp Chế biến và Dịch vụ Cao su:**

Đề án bảo vệ môi trường của “Xí nghiệp CB & DV cao su - Công ty cao su Đắc Lắc được phê duyệt theo Quyết định số 212/QĐ-STNMT, ngày 18/08/2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắc Lắc; Xác nhận hoàn thành các nội dung của đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt của Xí nghiệp chế biến và dịch vụ cao su - Cty Cao su Đắc Lắc tại Giấy xác nhận số 913/STNMT-BVMT ngày 25/11/2011:

- Kiểm soát khí thải;
- Kiểm soát nước thải: Nước thải được UBND tỉnh Đắc Lắc cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 22/GP-UBND ngày 02/8/2010; Quyết định gia hạn nội dung Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (gia hạn lần 1) số 2593/QĐ-UBND ngày 11/12/2013.
- Kiểm soát chất thải rắn: Được Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đắc Lắc cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 66.000001.T cấp lại lần 1 ngày 26/9/2012.

▪ **Tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cao su:**

- Kiểm soát hoạt động của phòng thí nghiệm: Chủ yếu phân tích mẫu cao su thiên nhiên SVR, cao su ly tâm LA, HA.
- Công ty Cổ phần kỹ thuật Cao su được cấp Giấy phép khai thác nước dưới đất 3056/GP-UBND ngày 19/11/2007 với lưu lượng khai thác 800m3/ngày đêm, thời hạn 10 năm, cung cấp nước sản xuất cho Xí nghiệp Chế biến & Dịch vụ Cao su.

• Hệ thống Quản lý Phòng thí nghiệm ISO/IEC 17025:2005 đối với lĩnh vực thử nghiệm:

✓ **Phạm vi áp dụng:** tại Phòng thí nghiệm thuộc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cao su.





✓ **Lĩnh vực hoạt động:** Chủ yếu phân tích mẫu cao su thiên nhiên SVR, cao su ly tâm LA, HA; Kiểm tra thành phần một số hóa chất thông thường axit, NH<sub>3</sub>...

#### 12.8. Nhân hiệu thương mại



DAKRUCO

#### 12.9. Thuế và nộp ngân sách Nhà nước

Nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách Nhà nước được Công ty thực hiện theo đúng quy định. Bên cạnh đó Công ty thực hiện tốt việc trích – nộp bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp... đầy đủ theo luật định.

#### 12.10. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

| Stt | Tên khách hàng | Giá trị hợp đồng (USD) |           |           |
|-----|----------------|------------------------|-----------|-----------|
|     |                | Năm 2013               | Năm 2014  | Năm 2015  |
| 1   | TONG TEIK      | 3.946.746              | 2.427.129 |           |
| 2   | WEBER          | 5.697.933              | 3.417.332 | 2.423.605 |
| 3   | PREMIUM        | 3.112.405              | 2.046.007 | 1.840.673 |
| 4   | RAVAGO         |                        | 1.670.256 | 1.493.494 |

#### 13. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hoá:

##### 13.1. Dự báo giá cao su

Theo nhận định tại Bản tin Thị trường nông, lâm, thủy sản số 6 phát hành trong tháng 1/2018 của Bộ Công thương, giá cao su đang có nhiều trợ lực để cải thiện trong thời gian tới. Lý do, cung hạn chế và cầu cải thiện nhờ nhu cầu từ Trung Quốc cao, tình hình kinh tế có xu hướng tốt lên trong thời gian qua.

Trên thực tế, trong nửa đầu tháng 12/2017, giá cao su thế giới biến động theo chiều hướng tăng. Tại Nhật Bản, kết thúc phiên giao dịch ngày 14/12/2017, giá cao su RSS 3 giao kỳ hạn tháng 1/2018 trên sàn giao dịch Tocom tăng 4,1% so với cuối tháng 11/2017, đạt 197,1 JPY/kg. Giá cao su thiên nhiên giao kỳ hạn tháng 1/2018 trên sàn giao dịch Thượng Hải (Trung Quốc) tăng 295 NDT/tấn so cuối tháng 11/2017, lên mức 13.800 NDT/tấn...



Giá cao su được hỗ trợ bởi thông tin các quốc gia sản xuất cao su hàng đầu châu Á gồm Thái Lan, Indonesia và Malaysia (chiếm gần 70% cao su tự nhiên của thế giới) thống nhất sẽ giảm khối lượng xuất khẩu cao su tự nhiên kể từ giữa tháng 12/2017. Đây là lần thứ 5 kể từ năm 2012 đến nay, Hội đồng Cao su quốc tế ba bên (ITRC) đồng ý triển khai kế hoạch giải cứu giá cao su. Trong cuộc họp năm ngoái, ITRC đã cắt giảm 615.000 tấn cao su nhằm ổn định giá.

Để thực hiện thỏa thuận, Chính phủ Thái Lan sẽ đẩy mạnh hoạt động mua vào lên đến 50-80 nghìn tấn/năm từ mức hiện tại 20-30 nghìn tấn. Với động thái này, Bộ Nông nghiệp Thái Lan đặt mục tiêu đẩy giá cao su lên trên giá thành sản xuất, đạt 51,28 Baht/kg, tương đương 1,57 USD/kg.

Với Việt Nam, tính riêng tháng 11/2017, giá xuất khẩu cao su giảm 4,6% so với tháng 10/2017 và giảm 0,2% so với cùng kỳ năm 2016, đạt bình quân 1.465 USD/tấn (giá bình quân 11 tháng năm 2017 vẫn tăng 28,2% so với cùng kỳ năm 2016, đạt 1.654 USD/tấn). Tuy nhiên, giá mủ cao su hiện cũng đang có chiều hướng tăng so với đầu tháng 12/2017. So với những ngày đầu tháng, giá mủ cao su nguyên liệu tại Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh tăng nhẹ.

Thị trường có ảnh hưởng lớn nhất đến xuất khẩu cao su của Việt Nam là Trung Quốc. Trong 11 tháng năm 2017, Trung Quốc vẫn đứng đầu về thị trường tiêu thụ cao su của Việt Nam với khối lượng đạt 785,8 nghìn tấn, trị giá đạt 1,28 tỷ USD, tăng 8,4% về lượng và tăng 39% về trị giá so với cùng kỳ năm 2016. Đáng chú ý, Trung Quốc chiếm tới 64% tổng khối lượng cao su xuất khẩu của Việt Nam, tăng so với tỷ trọng 62% của cùng kỳ năm 2016.

Theo Trung tâm Thông tin Hải quan Trung Quốc trong 10 tháng năm 2017, nhập khẩu cao su của Trung Quốc đạt 15,45 tỷ USD, tăng 45,7% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, Việt Nam đứng thứ 4 về cung cấp cao su cho Trung Quốc với kim ngạch tăng 58,8% so với cùng kỳ năm 2016. 10 tháng năm 2017, thị phần nhập khẩu cao su của Trung Quốc từ Việt Nam đã tăng lên đạt 7,8%, cao hơn so với mức 7,2% của tháng 10 tháng năm 2016.

Thời gian qua, do trên thị trường giao dịch kỳ hạn chênh lệch giá giữa các hợp đồng giao kỳ hạn ngắn với các hợp đồng giao kỳ hạn dài đang rất rộng, điều này thúc đẩy lượng nhập khẩu cao su của Trung Quốc tăng. Bên cạnh đó, nhu cầu cao su cho hoạt động sản xuất lốp của các nhà máy Trung Quốc cũng đã tăng, tỷ lệ vận hành của các nhà máy bình quân đạt công suất 65,13%. Đồng thời, tỷ giá đồng nhân dân tệ so với USD cũng tăng mạnh từ cuối tháng 8/2017 đến nay, khiến cho hàng hóa nhập khẩu trở nên rẻ hơn. Thời gian tới, xuất khẩu cao su dự báo sẽ tiếp tục thuận lợi.

### **13.2. Chiến lược đầu tư sau cổ phần hóa**

Đối với mảng dịch vụ khách sạn: Công ty sẽ tiếp tục thực hiện chủ trương thoái vốn khỏi cụm dịch vụ khách sạn Dakruco. Hiện nay đã có một số nhà đầu tư đặt vấn đề



mua lại toàn bộ cụm khách sạn này, tuy nhiên vì đang ở vào giai đoạn CP hóa nên công ty tạm dừng. Nội dung này sẽ tiếp tục được thực hiện sau CPH, ưu tiên thoái vốn toàn bộ và dùng nguồn vốn này trả nợ toàn bộ khoản dư nợ gốc đã vay trước đây đầu tư vào khách sạn. Số vốn còn lại được dùng để bổ sung vào dự án tái canh cao su. Qua đó sẽ giảm được toàn bộ chi phí tài chính phát sinh hàng năm, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động chung của doanh nghiệp, đồng thời bổ sung nguồn vốn đầu tư vào dự án tái canh cao su giai đoạn từ 2019.

Đối với công ty TNHH MTV Chỉ thun Đắk Lắk: phát triển sản phẩm chỉ thun nhúng silicon và chỉ thun. Hiện nay công ty đã thuê chuyên gia vào đánh giá toàn bộ quy trình sản xuất xây dựng bộ công thức mới với triển vọng qua đó tối thiểu sẽ giảm được 10% giá thành, qua đó sẽ đủ sức cạnh tranh với hàng nhập khẩu. Song song với đó sẽ kiến nghị các bộ ngành nghiên cứu các biện pháp hỗ trợ nhằm bảo hộ ngành sản xuất công nghiệp trong nước như ban hành các chính sách thuế phù hợp. Mặt khác sẽ triển khai nghiên cứu phát triển thêm các sản phẩm khác trên hạ tầng hiện đã có như sản xuất gang tay y tế, các sản phẩm khác có nguồn gốc từ cao su latex để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.

Đối với dự án tại Campuchia: Hiện nay đã triển khai đầu tư xây dựng nhà máy công nghệ mù tở xông khói với công suất 3.000 tấn/năm, phần đầu bắt đầu đưa vào chế biến ra thành phẩm và mở rộng thị trường xuất khẩu từ Campuchia từ quý 3/2018.

Đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao: Trên cơ sở phương án sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt, trong đó sẽ chuyển 696 ha đất từ trồng cây cao su sang lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao. Quỹ đất này rất thuận lợi về địa lý, thổ nhưỡng, nguồn nước và đang được các nhà đầu tư đánh giá rất cao. Hiện tại đã có một số nhà đầu tư trình bày dự án hợp tác phát triển chuyên sâu về nông nghiệp công nghệ cao, công ty kỳ vọng sẽ mang lại giá trị gia tăng lớn từ các dự án này.

Dự án tái canh cao su: Tiếp tục đầu tư tái canh hết diện tích cao su già cỗi vào năm 2020. Toàn bộ diện tích tái canh hiện nay đều sinh trưởng phát triển tốt, mật độ cây cao, bộ giống mới, qua đó sẽ bắt đầu gia tăng sản lượng mạnh mẽ bắt đầu vào những năm sau 2024. Tiếp tục đầu tư trong cao su theo mô hình hàng kép, kết hợp trồng xen các cây nông nghiệp khác, nhằm tăng hệ số sử dụng đất, giảm suất đầu tư, để khi vườn vào kinh doanh, giá thành sẽ giảm, đảm bảo kinh doanh bền vững.

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN****13.3. Kế hoạch sản lượng của Công ty giai đoạn 2018 -2022****Bảng 12: Kế hoạch sản lượng sau cổ phần hóa**

Đơn vị: triệu đồng

| STT      | Chỉ tiêu                               | ĐVT    | Năm   |       |       |       |        | Ghi chú |
|----------|----------------------------------------|--------|-------|-------|-------|-------|--------|---------|
|          |                                        |        | 2018  | 2019  | 2020  | 2021  | 2022   |         |
| <b>I</b> | <b>Khối lượng sản phẩm chính</b>       |        |       |       |       |       |        |         |
| <b>1</b> | <b>Diện tích - Năng suất</b>           |        |       |       |       |       |        |         |
| 1.1      | Tổng diện tích, trong đó:              |        | 7.994 | 7.995 | 7.994 | 7.994 | 7.994  |         |
| 1.1.1    | Diện tích cao su khai thác và chăm sóc | Ha     | 7.647 | 7.436 | 7.298 | 7.298 | 7.298  |         |
|          | - Diện tích cao su khai thác           | "      | 3.714 | 3.229 | 2.903 | 2.608 | 3.285  |         |
|          | - Diện tích cao su KTCB                | "      | 3.489 | 3.639 | 3.825 | 4.146 | 4.014  |         |
|          | - Diện tích cao su trồng mới           | "      | 444   | 568   | 570   | 545   | 0      |         |
| 1.1.2    | Diện tích cao su thanh lý              | Ha     | 779   | 707   | 545   | 0     | 0      |         |
| 1.1.3    | Diện tích chuyển đổi cây trồng         | Ha     | 348   | 559   | 696   | 696   | 696    |         |
| 1.2      | Năng suất                              | Tấn/ha | 1,14  | 1,26  | 1,28  | 1,42  | 1,40   |         |
| <b>2</b> | <b>Sản lượng</b>                       | Tấn    | 7.727 | 8.073 | 8.211 | 8.695 | 10.108 |         |

**DAKRUCO****BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

|     |                          |           |        |        |        |        |        |  |
|-----|--------------------------|-----------|--------|--------|--------|--------|--------|--|
| 2.1 | Cao su khai thác         | "         | 4.232  | 4.078  | 3.716  | 3.700  | 4.613  |  |
| 2.2 | Cao su thu mua ngoài     | "         | 3.495  | 3.995  | 4.495  | 4.995  | 5.495  |  |
| 3   | Cao su chế biến          | Tấn       | 7.727  | 8.073  | 8.211  | 8.695  | 10.108 |  |
| 4   | Tồn kho đầu kỳ           | Tấn       | 1.500  | 700    | 700    | 700    | 700    |  |
| 5   | Cao su tiêu thụ trong kỳ | Tấn       | 8.527  | 8.073  | 8.211  | 8.695  | 10.108 |  |
|     | - Xuất khẩu              | "         | 6.822  | 6.458  | 6.569  | 6.087  | 8.086  |  |
|     | - Nội địa                | "         | 1.705  | 1.615  | 1.642  | 2.609  | 2.022  |  |
| 6   | Tồn kho cuối kỳ          |           | 700    | 700    | 700    | 700    | 700    |  |
| 7   | Giá bán bình quân        | 1000 đồng | 34.063 | 35.426 | 36.847 | 38.328 | 39.873 |  |
|     | - Xuất khẩu              | "         | 34.125 | 35.831 | 37.623 | 39.504 | 41.479 |  |
|     | - Nội địa                | "         | 34.000 | 35.020 | 36.071 | 37.153 | 38.267 |  |

*Nguồn: Công ty*

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN****13.4. Kế hoạch doanh thu, chi phí và lợi nhuận giai đoạn 2018 -2022****Bảng 13: Kế hoạch doanh thu, chi phí và lợi nhuận**

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu                                                                                                                                                                   | DVT       | Năm         |             |             |             |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
|     |                                                                                                                                                                            |           | 2018        | 2019        | 2020        | 2021        | 2022        |
| I   | Tổng doanh thu                                                                                                                                                             | 1000 đồng | 520.320.435 | 525.309.550 | 526.490.449 | 471.085.422 | 542.839.168 |
| 1   | Doanh thu cao su                                                                                                                                                           | 1000 đồng | 290.450.938 | 285.991.071 | 302.548.305 | 333.264.878 | 403.018.623 |
| 2   | Thanh lý vườn cây cao su (diện tích thanh lý x đơn giá thanh lý vườn cây -> ĐG bán bình quân 160 triệu/ha. Giá bán này được tính an toàn bằng từ 60 -70% giá bán hiện tại) | 1000 đồng | 124.603.200 | 113.145.600 | 87.121.600  | 0           | 0           |
| 3   | Doanh thu sản phẩm dịch vụ khách sạn                                                                                                                                       | 1000 đồng | 28.000.000  | 30.000.000  |             |             |             |
| 4   | Doanh thu hoạt động tài chính                                                                                                                                              | 1000 đồng | 48.554.665  | 61.179.665  | 98.554.665  | 99.554.665  | 101.554.665 |
| 4.1 | Chênh lệch giá mua thu nợ đầu tư cao su liên kết                                                                                                                           | "         | 10.500.000  | 8.500.000   | 6.500.000   | 4.500.000   | 3.500.000   |
| 4.2 | Cổ tức được chia                                                                                                                                                           | "         | 38.054.665  | 52.679.665  | 92.054.665  | 95.054.665  | 98.054.665  |
|     | Cổ tức DRI (7->15%/năm)                                                                                                                                                    | "         | 34.125.000  | 48.750.000  | 73.125.000  | 73.125.000  | 73.125.000  |

|    |                                                                                                                                                       |           |             |             |             |             |             |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
|    | Cổ tức Quỹ TD (10%/năm qua các năm)                                                                                                                   | "         | 629.100     | 629.100     | 629.100     | 629.100     | 629.100     |
|    | Cổ tức Cty Thái Dương (15%/năm qua các năm)                                                                                                           | "         | 1.125.000   | 1.125.000   | 1.125.000   | 1.125.000   | 1.125.000   |
|    | Cổ tức Cty Campuchia (0% - 7%/năm qua các năm)                                                                                                        |           | 0           | 0           | 15.000.000  | 18.000.000  | 21.000.000  |
|    | Cổ tức các công ty CP Daknoruco và Dakrutech (7%/năm)                                                                                                 |           | 2.175.565   | 2.175.565   | 2.175.565   | 2.175.565   | 2.175.565   |
| 5  | Thu nhập khác từ cho thuê đất trồng xen canh                                                                                                          | "         | 21.759.432  | 23.821.014  | 24.353.679  | 24.353.679  | 24.353.679  |
|    | Thu nhập từ các hợp đồng đang thực hiện                                                                                                               | "         | 17.086.812  | 14.905.434  | 12.171.039  | 12.171.039  | 12.171.039  |
|    | Thu nhập dự kiến từ diện tích trồng mới từ năm 2018-2020 (Đơn giá thuê đất trồng xen 6 triệu đồng/ha cao su)                                          | "         | 4.672.620   | 8.915.580   | 12.182.640  | 12.182.640  | 12.182.640  |
| 6  | Thu nhập dự kiến từ các dự án chuyển đổi từ cây cao su sang nông nghiệp công nghệ cao (tạm tính bằng giá cho thuê đất trắng với giá thuê 20 triệu/ha) | "         | 6.952.200   | 11.172.200  | 13.912.200  | 13.912.200  | 13.912.200  |
| II | Tổng chi phí                                                                                                                                          | 1000 đồng | 438.951.520 | 445.459.569 | 384.569.263 | 338.521.561 | 393.534.608 |
| I  | Chi phí SX cao su                                                                                                                                     | 1000 đồng | 282.499.120 | 298.100.369 | 306.228.063 | 327.521.561 | 384.534.608 |
|    | Giá thành SX cao su                                                                                                                                   | "         | 36.560      | 36.926      | 37.295      | 37.668      | 38.044      |



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

|     |                                                                                                                                                 |           |             |             |             |             |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
|     | Chi phí SX cao su                                                                                                                               | "         | 282.499.120 | 298.100.369 | 306.228.063 | 327.521.561 | 384.534.608 |
| 2   | Chi phí vườn cao su thanh lý (GTCL tăng do định giá lại; Hiện giá vườn cây cao su TLý -> CP tính bq 120 triệu/ha cao su thanh lý x DT thanh lý) | 1000 đồng | 93.452.400  | 84.859.200  | 65.341.200  | 0           | 0           |
| 3   | Chi phí hoạt động SP khác                                                                                                                       | "         | 57.000.000  | 54.500.000  | 4.000.000   | 2.000.000   | 0           |
|     | Chi phí DVKS                                                                                                                                    | "         | 45.000.000  | 46.500.000  |             |             |             |
|     | Lập dự phòng lỗ các khoản đầu tư vào Công ty con.                                                                                               | "         | 12.000.000  | 8.000.000   | 4.000.000   | 2.000.000   | 0           |
| 4   | Chi phí hoạt động khác                                                                                                                          | 1000 đồng | 6.000.000   | 8.000.000   | 9.000.000   | 9.000.000   | 9.000.000   |
| III | Lợi nhuận trước thuế                                                                                                                            | 1000 đồng | 81.368.915  | 79.849.981  | 141.921.187 | 132.563.861 | 149.304.560 |
| IV  | Thuế TNDN (20%)                                                                                                                                 | "         | 8.662.850   | 5.434.063   | 9.973.304   | 7.501.839   | 10.249.979  |
| V   | Lợi nhuận sau thuế                                                                                                                              | 1000 đồng | 72.706.065  | 74.415.918  | 131.947.882 | 125.062.022 | 139.054.581 |
| 1   | Dự kiến trích các quỹ như sau:                                                                                                                  | "         | 11.632.970  | 11.906.547  | 21.111.661  | 20.009.924  | 22.248.733  |
|     | Trích Quỹ ĐTPT (10%)                                                                                                                            | "         | 7.270.606   | 7.441.592   | 13.194.788  | 12.506.202  | 13.905.458  |
|     | Trích Quỹ ban QLDH (1%)                                                                                                                         | "         | 727.061     | 744.159     | 1.319.479   | 1.250.620   | 1.390.546   |
|     | Trích Quỹ KT, PL (5%)                                                                                                                           | "         | 3.635.303   | 3.720.796   | 6.597.394   | 6.253.101   | 6.952.729   |
| 2   | Dự kiến tỷ lệ và số tiền chia cổ tức                                                                                                            |           |             |             |             |             |             |



|            | Tỷ lệ chia cổ tức (Dự kiến VDL 1.558 tỷ đồng)              | %         | 0,0%       | 8,2%        | 7,4%        | 7,0%        | 7,8%        |
|------------|------------------------------------------------------------|-----------|------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
|            | Số tiền chia cổ tức                                        | 1000 đồng | 61.073.094 | 123.582.465 | 110.836.221 | 105.052.099 | 116.805.848 |
| <b>VI</b>  | <b>Nộp NSNN</b>                                            | "         | 14.662.850 | 11.434.063  | 15.973.304  | 13.501.839  | 16.249.979  |
| <b>VII</b> | <b>Nhu cầu vốn đầu tư</b>                                  | 1000 đồng | 98.606.715 | 113.111.712 | 128.144.534 | 140.962.846 | 157.626.115 |
| 1          | Vốn đầu tư chăm sóc vườn cây cao su KTCB và trồng tái canh | 1000 đồng | 68.919.746 | 71.998.791  | 69.637.306  | 54.363.640  | 45.087.847  |
| 2          | Vốn đầu tư khác                                            | "         | 10.000.000 | 11.000.000  | 12.000.000  | 13.000.000  | 14.000.000  |
| 3          | Trả nợ gốc và lãi vay ngân hàng                            | "         | 19.686.969 | 30.112.921  | 46.507.228  | 73.599.206  | 98.538.268  |

Nguồn: Công ty

Lưu ý:

- Trong kế hoạch 5 năm này, theo như chủ trương của UBND tỉnh Đắk Lắk, Dakruco dự kiến sẽ tiến hành bán cụm khách sạn Dakruco trước năm 2019. Do đó từ 2019 sẽ không tính hiệu quả của đơn vị này vào.
- Trong phương án sử dụng đất được phê duyệt, công ty sẽ chuyển khoảng 670 ha từ đất trồng cao su sang đầu tư vào các dự án nông nghiệp công nghệ cao. Hiện nay đã có rất nhiều đối tác đặt vấn đề tham gia liên kết liên doanh hoặc sẽ công ty cổ phần sau này sẽ trực tiếp đầu tư (khi các đối tác tham gia góp vốn và trở thành cổ đông lớn). Các dự án này hầu hết đều rất khả thi và dự kiến sẽ cho hiệu quả rất cao, trong phương án công ty chỉ tính khoản thu nhập ở mức thấp nhất, tương đương với giá trị cho thuê đất trồng xen quy định.

**13.5. Giải pháp thực hiện****➤ Nhóm giải pháp về thị trường và sản phẩm****• Về tiếp thị**

- Trang bị kiến thức tiếp thị cần thiết cho các cán bộ quản lý. Đào tạo kiến thức kinh tế kỹ thuật tổng hợp cho cán bộ tiếp thị.
- Củng cố mối quan hệ bền vững với khách hàng, đẩy mạnh và tăng cường công tác Marketing và tiêu thụ đối với các thị trường có nhu cầu lớn về cao su.

**• Về sản phẩm, thị trường**

- Đầu tư sản xuất, kinh doanh chuyên sâu về các sản phẩm truyền thống đã khẳng định được thị phần trong những năm vừa qua.
- Xây dựng chương trình, kế hoạch mở rộng thị trường, phát huy mọi nguồn lực của Công ty, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài để từng bước tiếp cận thị trường quốc tế.
- Tập trung xúc tiến, tiếp cận các dự án ở các địa bàn chiến lược quan trọng trong phạm vi cả nước; tăng cường tiếp thị, quảng cáo và thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng

**• Phân khúc thị trường riêng cho từng sản phẩm**

- Phân chia thị trường ra từng nhóm cụ thể để có cách tiếp cận từng loại sản phẩm cho phù hợp.
- Hướng tới sẽ đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm SVR CV và latex để cải thiện giá bán và mở rộng thị trường.
- Mặt khác, cần đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại đối với ngành cao su; hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá sản phẩm trên thị trường xuất khẩu. Mở rộng thị trường, thúc đẩy các dự án và ưu đãi trong đầu tư nhằm phát triển công nghiệp chế biến sản phẩm cao su để nâng cao giá trị gia tăng cũng như đa dạng hóa các sản phẩm của ngành. Khuyến khích và thu hút các nhà đầu tư để mở rộng các nhà máy công nghiệp chế biến sản phẩm gần vùng nguyên liệu.

**➤ Nhóm giải pháp về vốn, tài chính****❖ Thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực tài chính**

- Tăng cường các hình thức huy động vốn để đảm bảo vốn cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty đồng thời tích lũy vốn để mở rộng đầu tư phát triển. Công ty sẽ phát huy các nguồn vốn sau để bổ sung vốn kinh doanh, vốn điều lệ.
- Thực hiện các giải pháp tăng vốn điều lệ và nâng cao năng lực tài chính của Công ty để có được tình hình tài chính lành mạnh khi cần thiết.



- Tăng cường làm việc với ngân hàng đã có quan hệ tín dụng để cơ cấu lại các khoản nợ, điều chỉnh lại các khoản nợ, giảm lãi vay nhằm giảm bớt gánh nặng về tài chính; tiếp tục đề nghị bảo lãnh và vay vốn thực hiện các dự án có lợi nhuận cao.
- Tập trung nâng cao hiệu suất sử dụng thiết bị. Điều chuyển nội bộ để sử dụng hợp lý hơn; thanh lý, bán bớt những máy móc thiết bị không còn phù hợp; cho thuê và tự khai thác để đạt hiệu quả cao nhất.
- Thực hiện chính sách tiết kiệm, hạn chế chi tiêu; sử dụng vốn vay một cách hiệu quả nhất.
- Đầu tư vốn hướng tới mục tiêu tận dụng hết khả năng nhân lực hiện tại, đồng thời mang lại tích lũy nhanh. Các hoạt động đầu tư sẽ nhắm tới các công ty, các dự án mang tính chiến lược và có nhiều khả năng thu lợi nhuận lớn.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát về tài chính, kế toán đối với các đơn vị trong Công ty; đồng thời đẩy mạnh công tác hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ đối với các đơn vị trực thuộc, các công ty con.
- Thực hiện tốt công tác tài chính kế toán, công tác lao động, tiền lương, các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của Tập đoàn và pháp luật hiện hành, đảm bảo tính công khai và minh bạch.
- ❖ **Thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí**
  - Sắp xếp lại tổ chức bộ máy, sát nhập các nông trường, trung tâm có quy mô nhỏ để tinh gọn bộ máy, giảm chi phí quản lý.
  - Tuyên truyền vận động cán bộ công nhân viên tiết kiệm chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại...
  - Rà soát định mức tiêu hao nhiên liệu cho xe điều hành, xây dựng lại quy trình điều động xe đi công tác khoa học, hợp lý, tiết kiệm, không bị chồng chéo. Hạn chế đầu tư xe điều hành khi không cần thiết.
  - Hạn chế chi phí quảng cáo, tiếp thị, tiếp khách và các chi phí gián tiếp khác...
  - Hạn chế, tiết kiệm chi phí đi công tác (giảm chi phí vé máy bay, tàu xe, phòng nghỉ...). Đi công tác bằng hình thức, phương tiện theo hướng tiết kiệm.
  - Bố trí lại nhân sự quản lý theo hướng tinh giản, gọn nhẹ hiệu quả.
  - Rà soát bảo trì, bảo quản thiết bị, xe điều hành; phát huy hết hiệu quả sử dụng tài sản thiết bị không để tài sản chờ việc nhưng phải chịu chi phí khấu hao, sửa chữa...
  - Cắt giảm chi phí hội họp, liên hoan, chúc mừng...chưa thực sự cần thiết và chi tổ chức hội họp theo hướng đơn giản, tiết kiệm, không phô trương.
- ✦ **Nhóm giải pháp về khoa học công nghệ**



- Công ty tiếp tục tổ chức nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật về chuyên môn nghiệp vụ kết hợp với ứng dụng khoa học công nghệ, tiếp cận với các công nghệ tiên tiến trên thế giới. Khuyến khích các cá nhân, đơn vị tăng cường phát huy nghiên cứu, sáng kiến cải tiến kỹ thuật và khoa học công nghệ. Thường xuyên tổng kết đánh giá và khen thưởng xứng đáng đối với các cá nhân tập thể có thành tích và nhân rộng ra toàn Công ty.
- Thường xuyên phát động phong trào thi đua, cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ với chỉ tiêu rõ ràng. Tổ chức nghiệm thu, đánh giá kịp thời và có phần thưởng xứng đáng cho các công trình, tác phẩm trên nguyên tắc trân trọng, đánh giá đúng mức và khen thưởng kịp thời dù các sáng kiến hợp lý hóa sản xuất có giá trị nhỏ để động viên được các tập thể, cá nhân phát huy tính sáng tạo làm lợi cho Công ty. Đưa công tác nghiên cứu, sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào tiêu chuẩn xét chọn các danh hiệu thi đua.
- Tổ chức tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm việc ứng dụng từng công nghệ mới, có phương hướng tổ chức cải tiến hoàn thiện hơn để có thể triển khai sản xuất đại trà và phổ biến.

#### **↕ Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực**

- **Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng nguồn nhân lực**

Việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng nhân sự gồm việc phân công lao động hợp lý; thường xuyên định biên đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên; thực hiện và đảm bảo các chế độ, chính sách cho người lao động.

##### ***Về phân công lao động hợp lý:***

- Để có cơ sở phân công lao động hợp lý, Công ty thường xuyên đánh giá năng lực cán bộ, nhân viên. Việc đánh giá năng lực của cán bộ, nhân viên được thực hiện hàng năm để đánh giá các chỉ tiêu hiệu quả làm việc, bên cạnh đó cũng thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên.
- Xây dựng bảng mô tả công việc cho từng chức danh công việc. Trên cơ sở đó, Công ty sắp xếp, bố trí, sử dụng đúng khả năng, phù hợp với nguyện vọng, năng lực và tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên nâng cao trình độ, phát huy hết khả năng của mình. Việc phân công lao động hợp lý sẽ giúp cho việc kiểm soát, quản lý và điều hành được hiệu quả.

##### ***Thường xuyên định biên đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên***

- Định kỳ hàng năm, Công ty tiến hành định biên nhân sự bao gồm cán bộ quản lý và nhân viên lao động gián tiếp. Trên cơ sở đó có sự điều chỉnh cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

- Tiến hành định biên nhân sự ở từng phòng, ban sao cho phù hợp, đảm bảo bộ máy quản lý gọn nhẹ và hiệu quả cao; sau đó thực hiện việc định biên nhân sự tại các đơn vị phụ thuộc Công ty.

***Đảm bảo các chế độ chính sách và khuyến khích người lao động***

Đề khuyến khích người lao động làm việc một cách tự giác, hết mình, phát huy hết khả năng của mình, Công ty có chính sách khuyến khích và có chế độ ưu đãi đối với người lao động, cụ thể là:

- Chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp, đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập và từng bước nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người lao động; thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động.
- Đổi mới chế độ lương, thưởng; xây dựng chế độ lương, thưởng hợp lý, khoa học, bảo đảm công bằng trong phân phối và phù hợp với tốc độ tăng năng suất lao động, xứng đáng với công sức lao động mà người lao động bỏ ra.
- Xem xét hình thức trả lương theo kết quả công việc, trên cơ sở xác định chính xác giá trị công việc, độ phức tạp của công việc, điều kiện đặc thù của công việc với các yếu tố thực tế.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho những cán bộ có năng lực được cống hiến và phát triển. Có chính sách đãi ngộ đối với người lao động có đóng góp đặc biệt vào hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người lao động. Thường xuyên tổ chức, phát động các phong trào văn hóa, văn nghệ, TDTT, tạo sân chơi lành mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần trong CB-CNV. Tăng cường hơn nữa công tác y tế, chăm sóc sức khỏe, phòng chống các loại dịch bệnh, bệnh nghề nghiệp, nhất là đối với những người làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại. Kịp thời động viên, khen thưởng các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, có sáng kiến cải tiến công cụ, phương pháp làm việc. Xử phạt nghiêm minh các trường hợp vi phạm nội quy, quy chế của Công ty

- **Nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự**

Công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự là hoạt động quản lý nhân lực quan trọng. Trong quá trình tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự cần lựa chọn những cá nhân thích hợp, có đầy đủ trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức. Công ty xem xét thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện đúng quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự, đánh giá đúng trình độ, năng lực của ứng viên, lựa chọn những người có năng lực thực sự và phù hợp với công việc góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và hiệu quả kinh doanh.



- Cán bộ được bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo, quản lý, ngoài khả năng chuyên môn, cần đánh giá tư chất lãnh đạo qua khả năng thu hút đám đông, có uy với đồng nghiệp, cá tính phù hợp như phải quyết đoán, dũng cảm, khách quan, có khả năng tiếp thu các vấn đề khó, phức tạp, sẵn sàng nhận nhiệm vụ, dám nhận trách nhiệm.
- Thực hiện tốt công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự, Công ty sẽ xây dựng được một đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, năng lực giỏi, thành thạo trong việc sử dụng trang thiết bị mới và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất kinh doanh; tạo điều kiện để làm tinh gọn bộ máy quản lý, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- **Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực**
  - Để nắm bắt nhanh các cơ hội kinh doanh, đồng thời thích ứng và đối phó hiệu quả với những thách thức thường xuyên của thị trường. Công ty thực hiện công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực như sau:
  - Thường xuyên tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên được nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng tay nghề thông qua việc tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Thực hiện tốt công tác đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao để người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ, công việc theo yêu cầu nhằm hoàn thành khối lượng, chất lượng sản phẩm cho Công ty.
  - Chú trọng việc trẻ hóa đội ngũ cán bộ. Áp dụng những tiến bộ khoa học, công nghệ thông tin vào công tác quản lý nguồn nhân lực, tổ chức sắp xếp lại lao động giảm tỉ lệ quản lý, nhất là việc áp dụng phần mềm vào công tác quản lý kế toán, tiền lương, vườn cây nhằm đáp ứng kịp thời cho công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty trước tình hình mới.
  - Tiếp tục tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ có kiến thức mới; có kế hoạch bổ sung thay thế và nâng cao chất lượng lao động trên cơ sở thực hiện tốt công tác đào tạo kết hợp với việc tuyển dụng mới lao động được đào tạo cơ bản. Đặc biệt chú trọng đến đội ngũ cán bộ trẻ, coi đó là việc đầu tư cho tương lai.
  - Công ty có biện pháp hỗ trợ nguồn nhân lực tại các công ty thành viên và nâng cao chất lượng đào tạo lao động nhằm xây dựng một lực lượng lao động chuyên nghiệp.
- **Thu hút và sử dụng nhân tài**
  - Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nhân tài từ bên ngoài vào Công ty*
  - Xây dựng chính sách ưu đãi về tiền lương, tiền thưởng và các chính sách khuyến khích khác như bổ nhiệm, giao nhiệm vụ quan trọng, phương tiện đi lại... để thu hút chuyên gia trình độ cao và nhân tài.
  - Thực hiện chính sách ưu tiên tuyển dụng đối với các đối tượng là sinh viên tốt nghiệp đại học đạt loại xuất sắc, loại giỏi chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí cần tuyển;



người có bằng thạc sỹ tuổi đời dưới 30, tiến sĩ tuổi đời dưới 35, chuyên gia trình độ cao có chuyên ngành đào tạo thuộc các chuyên ngành, lĩnh vực quản trị, kinh doanh quan trọng của Công ty; công nhân kỹ thuật có tay nghề cao.

• **Thực hiện kế hoạch sử dụng nhân tài của Công ty**

- Cụ thể hoá các cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhân tài, tạo điều kiện để nhân tài phát triển, cống hiến cho Công ty và tự khẳng định mình để được xã hội tôn vinh.
- Thực hiện chính sách trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh nhân tài. Xây dựng chính sách đãi ngộ nhân tài như chế độ lương, điều kiện làm việc, khen thưởng, tôn vinh người có tài, người có công, bố trí sử dụng nhân tài; tạo môi trường làm việc và có chính sách khuyến khích những công trình nghiên cứu, sáng kiến cải tiến kỹ thuật có giá trị thực tiễn cao.
- Tiến hành đánh giá và có kế hoạch bố trí, sử dụng nhân tài một cách hợp lý. Cán bộ, nhân viên thuộc diện tài năng trẻ, nhân lực chất lượng cao được ưu tiên tạo điều kiện trong công tác, cụ thể như sau:
  - Được bố trí, phân công công việc phù hợp với năng lực, sở trường, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
  - Được ưu tiên tạo điều kiện về phương tiện làm việc, nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ.

Được ưu tiên xem xét trong việc bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý của Công ty.

✦ **Nhóm giải pháp về quản trị doanh nghiệp**

❖ **Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ**

- Việc chuyển đổi Công ty từ loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần sẽ có những thay đổi nhất định trong tổ chức và điều hành hoạt động của Công ty. Ngay sau khi được chuyển đổi thành công ty cổ phần, Công ty sẽ triển khai xây dựng hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ làm công cụ và cơ sở pháp lý nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành và tính chuyên nghiệp của Công ty. Công ty sẽ tiến hành xây dựng hoàn thiện hệ thống các quy chế thuộc các lĩnh vực:
  - Quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
  - Quan hệ nội bộ Công ty.
  - Quan hệ giữa Công ty với các công ty thành viên.
  - Quản lý tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.



- Việc xây dựng và hoàn thiện các Quy chế quản lý nội bộ giúp Công ty có được một hệ thống hoàn chỉnh các văn bản quy định về tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách tạo hành lang pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty. Các Quy chế cũng là cơ sở để xem xét trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Công ty giao và giúp cho hoạt động quản lý, điều hành được nhịp nhàng và thông suốt.
- **Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý**
  - Công nghệ thông tin đóng một vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và đã chứng tỏ tầm ảnh hưởng rất lớn đến mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là hoạt động quản lý kinh doanh của doanh nghiệp.
  - Để phát huy vai trò của công nghệ thông tin trong quản lý kinh doanh, Công ty cần đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin, vừa để tạo ra những biến chuyển mang tính bước ngoặt trong sản xuất, vừa góp phần giảm nhẹ các thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Công ty đề ra các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý như sau:
    - Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, kinh doanh bao gồm các nội dung chủ yếu như: hệ thống thư điện tử; hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành; số hóa nguồn thông tin ở dạng số theo thứ tự ưu tiên về thời gian và tầm quan trọng; tăng cường sử dụng văn bản điện tử; phát triển và cung cấp thông tin trực tuyến; thông tin công khai về tuyển dụng, chế độ lương, hưu, bảo hiểm, khen thưởng và kỷ luật.
    - Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin; tiếp tục xây dựng, bồi dưỡng kiến thức công nghệ thông tin cho cán bộ, công nhân viên; nghiên cứu xây dựng chế độ ưu đãi đối với cán bộ, công nhân viên chuyên trách về công nghệ thông tin; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dự án và đẩy mạnh ứng dụng đào tạo trực tuyến cho cán bộ, công nhân viên.
    - Đầu tư thiết bị công nghệ thông tin một cách đồng bộ; trang bị sử dụng một số phần mềm chuyên dụng để ứng dụng vào quản lý, kinh doanh như: phần mềm dùng chung quản lý văn bản, phần mềm quản lý nhân sự - lao động, phần mềm quản lý vật tư - thiết bị để giảm thiểu việc sử dụng giấy tờ; khuyến khích cán bộ, công nhân viên khai thác thông tin trên môi trường mạng phục vụ công tác.
    - Tăng cường và khuyến khích sử dụng các hình thức truyền thông cơ bản như thư điện tử, điện thoại, fax; đưa thông tin lên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Công ty để trao đổi thông tin ở khoảng cách xa, tạo thói quen làm việc của cán bộ, công nhân viên trên môi trường mạng và hệ thống thông tin trợ giúp nhằm thay thế văn bản giấy.





- Từng bước tích hợp các hệ thống thông tin, tiếp tục xây dựng và mở rộng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành chung của Công ty ...
- ✦ **Nhóm giải pháp về sắp xếp tổ chức bộ máy**

Việc tổ chức lại các phòng, ban đảm bảo phù hợp giữa chức năng, lĩnh vực quản lý và bộ phận quản lý sao cho tất cả các chức năng và lĩnh vực quản lý đều có phòng ban, nhân viên phụ trách và mỗi một phòng ban, nhân viên đều có công việc phụ trách. Việc tổ chức lại bộ máy giúp việc được thực hiện theo hướng sau:

  - Nghiên cứu làm tinh gọn bộ máy, giảm được các mối quan hệ công tác, đồng thời tiết kiệm các chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý.
  - Nghiên cứu thành lập Bộ phận kiểm soát nội bộ để thực hiện chức năng giúp lãnh đạo Công ty quản lý hữu hiệu và hiệu quả hơn các nguồn lực góp phần hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh, đồng thời giúp xây dựng một nền tảng quản lý vững chắc phục vụ cho quá trình mở rộng sản xuất và phát triển của Công ty.

**PHẦN III: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP  
SAU CỔ PHẦN HÓA****1. Mục tiêu cổ phần hóa**

Cổ phần hóa Công ty để hình thành công ty đa sở hữu, huy động vốn của các nhà đầu tư để nâng cao năng lực quản trị và tài chính.

Tái cơ cấu sản xuất đối với một số lĩnh vực hiệu quả thấp.

Huy động và thu hút vốn đầu tư của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Qua đó, tạo nguồn lực để phát triển Công ty, đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ và phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của Công ty trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Tạo điều kiện cho người lao động và các cổ đông góp vốn tham gia giám sát, quản lý, gắn bó với Công ty, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước tại Công ty, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

Đổi mới hình thức sở hữu, tạo điều kiện đổi mới trong quản lý Công ty, làm cho Công ty tự chủ hơn, năng động hơn và trách nhiệm hơn, phù hợp với cơ chế thị trường và tiến trình hội nhập thương mại quốc tế.

Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường, khắc phục tình trạng cổ phần khép kín trong nội bộ Công ty, gắn với thị trường vốn và chứng khoán.

**2. Yêu cầu cổ phần hóa**

Đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty sau cổ phần hóa.

Đảm bảo an toàn, không gây ra biến động lớn trong hoạt động của hệ thống sản xuất kinh doanh Công ty.

Đảm bảo hài hòa lợi ích Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.

Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường.

**3. Hình thức cổ phần hóa**

Căn cứ Quyết định 1990/QĐ-UBND ngày 31/07/2016 của UBND Tỉnh Đắk Lắk, hình thức cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk là “bán bớt phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp”.

**4. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa**

- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
- Tên tiếng Anh: Dak Lak Rubber Joint Stock Company
- Tên giao dịch: DAKRUCO. JSC



- Trụ sở: 30 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại: (0262) 3865015
- Fax: (0262)3865041
- Website: [www.dakruco.com](http://www.dakruco.com)
- Logo:

**DAKRUCO****5. Hình thức pháp lý**

Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

**6. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa**

Kế thừa các ngành nghề kinh doanh của Công ty trước cổ phần hóa, sau cổ phần hóa, các ngành nghề kinh doanh của Công ty dự kiến như sau:

- Trồng cây cao su;
- Chế biến cao su;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng, trồng các loại cây nông nghiệp khác và chăn nuôi đại gia súc;
- Mua bán mũ cao su, nông sản và sản phẩm chăn nuôi;
- Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến cao su;
- Mua, bán phân bón, nhiên liệu, thuốc bảo vệ thực vật;
- Kinh doanh kho bãi, bất động sản và dịch vụ liên quan đến kho bãi: vận chuyển, nâng, hạ hàng hóa, bao bì, container;
- Sản xuất dụng cụ chuyên dùng cho cao su: chén hứng mũ, kiềng, máng, thùng.
- Xây dựng các công trình đường giao thông nội bộ, các công trình dân dụng quy mô nhỏ, công trình thủy lợi (công trình ngầm dưới đất, dưới nước, đường ống cấp thoát nước, trạm bơm);
- Khai khoáng đồng ruồng;
- Dịch vụ sửa chữa máy nông nghiệp;
- Chế biến gỗ với các sản phẩm: mộc dân dụng, sản xuất pallets làm bao bì;



- Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa;
- Vận chuyển khách du lịch và làm đại lý vận chuyển khách du lịch trong nước và quốc tế; vận tải khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch;
- Kinh doanh sân tennis, sân cầu long, hồ bơi;
- Kinh doanh nhà hàng (ăn uống, nước giải khát, rượu, bia, thuốc lá);
- Hoạt động văn hóa (tổ chức lễ hội dân gian, lễ hội văn hóa du lịch, giao lưu văn hóa);
- Mua, bán hàng mỹ nghệ và thổ cẩm;
- Kinh doanh massage, kinh doanh karaoke;
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất phân hữu cơ vi sinh;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

#### **7. Cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần sau cổ phần hóa**

Sau cổ phần hóa, Công ty hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.

Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty như sau:

##### **✦ Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

##### **✦ Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

##### **✦ Thư ký Hội đồng quản trị**

01 người do Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm.

##### **✦ Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội



đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

✦ **Ban Tổng giám đốc**

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp Tổng giám đốc điều hành Công ty có các Phó Tổng giám đốc.

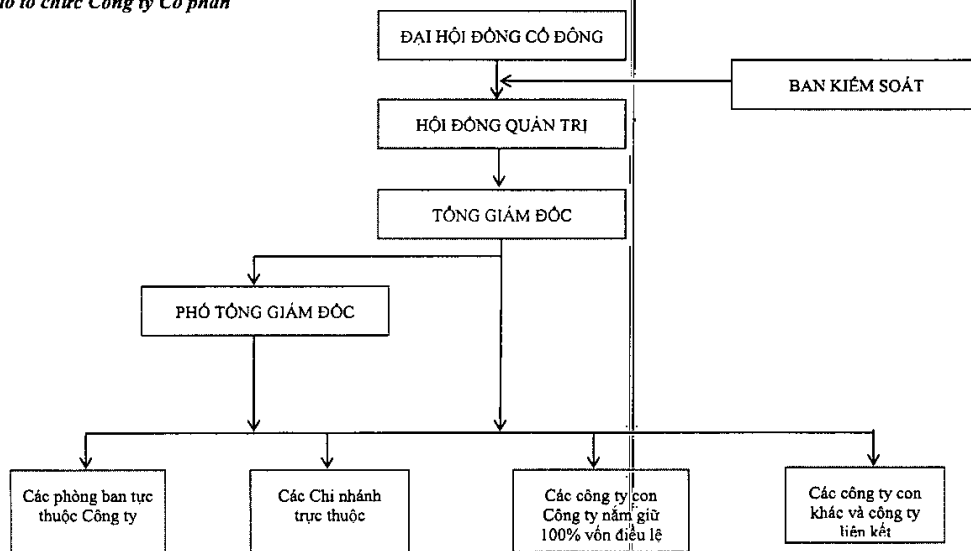
Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm, Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Tổng giám đốc.

✦ **Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng do Tổng giám đốc đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Công ty theo đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

✦ **Bộ máy giúp việc**

Bộ máy giúp việc gồm các phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ; Các chi nhánh; Các xí nghiệp.



Nguồn: Công ty

→ : Quan hệ trực tiếp  
 - - - : Quan hệ hỗ trợ

**8. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ****8.1. Vốn điều lệ**

Căn cứ tại thời điểm 0h ngày 01/10/2016, giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp như sau:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp: **2.341.705.966.816 đồng.**
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: **1.558.722.333.138 đồng.**
- Giá trị tài sản không đưa vào cổ phần hóa **11.330.685.935 đồng**

**8.2. Quy mô vốn điều lệ**

- Vốn điều lệ: 1.558.000.000.000 đồng (Một nghìn năm trăm năm mươi tám tỷ đồng).
- Số lượng cổ phần: 155.800.000 cổ phần.
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Trên cơ sở các căn cứ nêu trên, quy mô vốn điều lệ của Công ty cho giai đoạn sau cổ phần hóa (2018 – 2020) như sau:

**Bảng 14: Quy mô vốn điều lệ giai đoạn 2018– 2020 dự kiến**

| Chỉ tiêu           | Năm 2018          | Năm 2019          | Năm 2020          |
|--------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Vốn điều lệ (đồng) | 1.558.000.000.000 | 1.558.000.000.000 | 1.558.000.000.000 |

Nguồn: DAKRUCO

**9. Cổ phần**

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông (đối với các cổ phần bán cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài tại doanh nghiệp, sau khi hết thời gian cam kết sẽ chuyển thành cổ đông phổ thông). Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của điều lệ công ty cổ phần và quy định của pháp luật có liên quan.

**10. Đối tượng mua cổ phần**

Theo Điều 36 của Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017, đối tượng mua cổ phần lần đầu bao gồm:



- Cán bộ công nhân viên của Công ty (người lao động đang làm việc tại Trụ sở chính Công ty, các Xí nghiệp, đơn vị trực thuộc Công ty) có mặt tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 0h ngày 01/10/2016.
- Tổ chức Công đoàn của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
- Các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia đấu giá theo quy định.
- Nhà đầu tư chiến lược: căn cứ điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 quy định “việc tổ chức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc danh mục Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ”, do Công ty không thuộc diện Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối nên trong đợt chào bán cổ phần lần này Công ty không triển khai bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược.

#### 11. Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của các cổ đông

Công ty đề xuất xây dựng phương án Nhà nước nắm giữ cổ phần ở mức 36% vốn điều lệ. Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của cổ đông dự kiến như sau:

**Bảng 15: Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty sau cổ phần hóa**

Đơn vị: đồng

| Stt         | Cổ đông                                                                        | Tỷ lệ nắm giữ (%) | Số cổ phần (Cổ phần) | Giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng) |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------|--------------------------------------|
| 1           | Cổ đông Nhà nước                                                               | 36,00             | 56.088.000           | 560.880.000.000                      |
| 2           | Cổ đông là CBCNV (2.1+2.2)                                                     | 1,37              | 2.136.500            | 21.365.000.000                       |
| 2.1         | Cổ phần bán giá ưu đãi bằng 60% mệnh giá                                       | 1,24              | 1.940.500            | 19.405.000.000                       |
| 2.2         | Cổ phần đăng ký mua thêm theo số năm cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp | 0,13              | 196.000              | 1.960.000.000                        |
| 3           | Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư thông thường                            | 62,63             | 97.575.500           | 975.755.000.000                      |
| <b>Cộng</b> |                                                                                | <b>100,00</b>     | <b>155.800.000</b>   | <b>1.558.000.000.000</b>             |





## **PHẦN IV: CÁC RỦI RO DỰ KIẾN**

### **1. Rủi ro về kinh tế**

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định, bởi sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế, nên hoạt động kinh doanh của Công ty cũng sẽ chịu những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

### **2. Rủi ro về luật pháp**

Sau khi hoàn thành công tác cổ phần hóa, mọi hoạt động kinh doanh của Công ty đều chịu ảnh hưởng bởi các quy định của pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán, các luật về thuế... và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Hiện nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của nước ta đã dần hoàn thiện và luôn được thay đổi cho phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, hệ thống văn bản này còn phải tiếp tục điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Do vậy, việc nâng cao tính ổn định về các chính sách pháp luật của Nhà nước là hết sức cần thiết cho các doanh nghiệp, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hòa nhập với sự vận động và phát triển không ngừng của nền kinh tế thế giới.

### **3. Rủi ro của đợt chào bán**

Đợt chào bán của Công ty là đợt chào bán lần đầu ra công chúng nên tính thanh khoản thấp hơn so với các công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực có cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch.

Giá mù cao su chưa có dấu hiệu phục hồi tốt, trong khi đó sản phẩm chính của Công ty lại là mù cao su, nên giảm sự kỳ vọng của các nhà đầu tư.

Đợt chào bán cổ phần của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm chính thức đấu giá, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của Công ty. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán.

### **4. Rủi ro khác**



Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**PHẦN V: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN****I. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN****1. Đối tượng mua cổ phần**

Theo Điều 36 của Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017, đối tượng mua cổ phần lần đầu bao gồm:

- Cán bộ công nhân viên của Công ty (người lao động đang làm việc tại Trụ sở chính Công ty, các Xí nghiệp, đơn vị trực thuộc Công ty) có mặt tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 0h ngày 01/10/2016.
- Tổ chức Công đoàn của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
- Các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia đấu giá theo quy định.
- Nhà đầu tư chiến lược: căn cứ điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 quy định *"việc tổ chức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc danh mục Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ"*, do Công ty không thuộc diện Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối nên trong đợt chào bán cổ phần lần này Công ty không triển khai bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược.

**2. Cổ phần ưu đãi bán cho cán bộ công nhân viên****2.1. Mục tiêu**

Mục tiêu của việc bán cổ phần cho người lao động được thực hiện theo chính sách của Nhà nước nhằm gắn kết người lao động với Công ty, đồng thời nhìn nhận những đóng góp của người lao động với giá trị của Công ty và tạo động lực cho người lao động gắn bó tương lai với Công ty.

**2.2. Quy mô**

Số lượng cổ phần Công ty bán ưu đãi cho người lao động là 2.136.500 cổ phần, tương ứng với 1,37% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần. Bao gồm:

**\* Cổ phần chào bán cho CBCNV theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước:**

Cổ phần được ưu đãi giảm giá bằng 60% mệnh giá theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định 126/2017/NĐ-CP được thực hiện tại Công ty theo danh sách đã được Đại hội đại biểu người lao động bất thường thông qua:

- Tổng số người được mua cổ phần giá ưu đãi: 2.679 người; 224 người không đủ điều kiện do thời gian công tác tại khu vực nhà nước dưới 1 năm.
- Tổng số người đăng ký mua cổ phần giá ưu đãi: 1.970 người, có 709 người từ chối mua cổ phần này.



- Tổng số năm làm việc trong khu vực Nhà nước tương ứng của 1.970 người đăng ký tham gia mua cổ phần giá ưu đãi theo chế độ quy định: 19.405 năm.
- Số cổ phần giá ưu đãi của 1.970 người đã đăng ký mua theo số năm làm việc trong khu vực Nhà nước: 1.940.500 cổ phần.
- Thời gian bán cổ phần cho CBCNV: Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty được phê duyệt, Công ty sẽ triển khai bán cổ phần cho người lao động.
- Giá bán: Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này bằng 60% giá trị 01 cổ phần tính theo mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần) = 6.000 đồng/1 cổ phần.
- Quy định về việc hạn chế chuyển nhượng: Số cổ phần bán với giá ưu đãi theo quy định tại khoản này, người lao động phải nắm giữ và không được chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ thời điểm nộp tiền mua cổ phần ưu đãi.
- ✦ **Cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định 126/2017/NĐ-CP được thực hiện tại Công ty theo danh sách đã được Hội nghị người lao động bất thường thông qua.**
  - Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm xác định trị giá doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.
  - Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Đại hội công nhân viên chức của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa.
  - Tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi có trình độ nghiệp vụ cao đã được Đại hội đại biểu người lao động nhất trí thông qua.
- ✓ Về điều kiện:
  - Độ tuổi: Nam từ 57 tuổi trở xuống và Nữ từ 52 tuổi trở xuống
  - Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa;



- Thuộc đối tượng Công ty cần sử dụng;
  - Có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu).
  - ✓ Tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao được Công ty xây dựng như sau: Người lao động trong Công ty đáp ứng một trong các điều kiện sau:
    - Cán bộ chủ chốt Công ty (gồm: Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Trưởng/Phó phòng Công ty; Giám đốc/Phó Giám đốc, Trưởng/Phó phòng, Đội trưởng/Đội phó các đơn vị trực thuộc công ty);
    - Chủ tịch Công đoàn cơ sở, Bí thư Đoàn thanh niên Công ty;
    - Cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, có thâm niên làm việc cho Công ty 05 năm trở lên.
  - Tổng số người tham gia đăng ký mua thêm cổ phần theo mức 200 cổ phần/1 năm cam kết làm việc tiếp cho doanh nghiệp là: 82 người; Số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn này: 63.300 cổ phần.
  - Tổng số người tham gia đăng ký mua thêm cổ phần theo mức 500 cổ phần/1 năm cam kết làm việc tiếp cho doanh nghiệp là: 65 người; Số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn này: 132.700 cổ phần.
  - Giá bán: Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này bằng giá khởi điểm được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trong phương án cổ phần hóa.
  - Thời gian bán cổ phần cho CBCNV: Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty được phê duyệt, Công ty sẽ triển khai bán cổ phần cho người lao động.
  - Số cổ phần bán cho CBCNV trong trường hợp này được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.
- 3. Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư thông thường**
- Số cổ phần bán đấu giá sẽ được bán cho các nhà đầu tư theo hình thức bán đấu giá ra công chúng thông qua Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh. Cụ thể như sau:
- Số cổ phần tổ chức bán đấu giá cho các nhà đầu tư: 97.575.500 cổ phần, tương đương 62,63% vốn điều lệ của Công ty.
  - Đối tượng tham gia đấu giá: Tất cả các nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài đáp ứng quy định của Nghị định 126/2017/NĐ-CP.

**4. Giá khởi điểm**

Giá khởi điểm là 12.600 đồng/1 cổ phần.

**4. Phương án xử lý cổ phần không bán hết**

Số lượng cổ phần không bán hết bao gồm:

- Số lượng cổ phần nhà đầu tư trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai nhưng từ chối mua.
- Số lượng cổ phần không được nhà đầu tư đăng ký mua theo phương án bán đấu giá công khai đã được duyệt.
- Số lượng cổ phần người lao động trong doanh nghiệp từ chối mua theo phương án đã được duyệt.
- Số lượng cổ phần không bán được hoặc không bán hết cho nhà đầu tư chiến lược.

Số cổ phần không bán hết sẽ được xử lý theo đúng quy định Nhà nước.

**5. Kế hoạch đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán**

Sau khi chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty Cổ phần (Công ty) sẽ căn cứ vào quy mô vốn điều lệ và số lượng cổ đông thực tế nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật sẽ thực hiện đăng ký Công ty đại chúng tại Ủy ban chứng khoán Nhà nước, đăng ký lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch chứng khoán tập trung UPCoM trong thời hạn (90) chín mươi ngày. Trong trường hợp Công ty đủ điều kiện niêm yết, Công ty sẽ xem xét và có thể thực hiện niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.



**PHẦN V: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH  
VỀ NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa**

**Ông Huỳnh Quốc Thích** Chức vụ: Thành viên phụ trách Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk

**2. Doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk**

**Ông Bùi Quang Ninh** Chức vụ: Tổng Giám đốc

**Ông Nguyễn Ngọc Sanh** Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Những người có tên được nêu trên đây bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế để nhà đầu tư có thể đánh giá tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

**3. Tổ chức tư vấn triển khai tổ chức bán đấu giá**

**Ông Tống Minh Tuấn** Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN HCM

Việc đánh giá và chọn lựa ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được chúng tôi thực hiện một cách thận trọng, dựa trên các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk cung cấp.



# DAKRUCO

## **BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2018

**BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA**  
**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



Huỳnh Quốc Thích

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA  
CÔNG TY TNHH MTV CAO SU ĐẮC LẮK  
TỔNG GIÁM ĐỐC KẾ TOÁN TRƯỞNG**



*Bùi Quang Ninh*

Nguyễn Huy Hùng

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN  
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM  
- CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH  
GIÁM ĐỐC**



Tổng Minh Tuấn